

THÍCH NHẤT HẠNH



*bàn tay
cũng là* **hoa**



NXB Phương Đông

Mục lục

Thế Lữ – Giây phút chạnh lòng	3
Giây phút chạnh lòng.....	25
Thế Lữ (1907 – 1989)	27
Nguyễn Bính – Hành phương nam	28
Hành phương nam.....	58
Nguyễn Bính (1918 – 1966).....	59
Tống biệt hành.....	60
Nguyễn Bính – Hoa vối rượu	62
Hoa vối rượu.....	80
Xuân tha hương.....	84
Tản Đà – Thề non nước.....	88
Thề non nước	97
Tản Đà (1888 – 1939).....	98
Lưu Trọng Lư – Lẽ nào anh chết	100
Nắng mới.....	101
Sầu Rụng.....	102
Tiếng Thu	102
Lẽ nào anh chết.....	118
Bài thơ cuối cùng.....	120
Lệnh truyền – Xuân Diệu và Thoát hình – Vũ Hoàng Chương.....	121
Lệnh truyền.....	123
Thoát hình	137
Xuân Diệu (1916 – 1985).....	138
Vũ Hoàng Chương (1916 – 1976).....	138

Thế Lữ – *Giây phút chạnh lòng*

Bài thơ *Giây Phút Chạnh Lòng* của Thế Lữ được viết năm 1936 để tặng cho Nhất Linh, tác giả tiểu thuyết *Đoạn Tuyệt*. Tôi nhớ bài thơ này được in vào đầu trang tiểu thuyết *Đoạn Tuyệt*.

Trong cuộc sống hàng ngày lâu lâu tâm mình hơi chùng xuống một chút, yếu đi một chút, mất đi một ít năng lượng, giây phút ấy gọi là giây phút chạnh lòng.

*Anh đi đường anh, tôi đường tôi,
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.
Đã quyết không mong sum họp mãi.
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi?*

Đó là lời của một người con gái nói với một người con trai trong giờ phút người con trai từ giã để lên đường phụng sự lý tưởng của mình. Chuyện xảy ra đã nhiều năm trước và hôm nay người con trai đang ngồi hồi tưởng lại.

Đất nước hồi đó còn nằm dưới sự đô hộ của người Pháp. Những người thanh niên Việt Nam lớn lên bắt đầu có ý thức rằng đất nước mình không phải là một đất nước độc lập cho nên tâm tư họ có những xao xuyến, thao thức: làm thế nào để giành lại độc lập cho đất nước mình, tự mình làm chủ lấy mình?

Trong khi đó guồng máy công an, cảnh sát dưới sự cai trị của người Pháp rất hùng hậu, vững mạnh. Họ tìm mọi cách để người Việt không có cơ hội đứng dậy giành lại chủ quyền. Nhưng những thanh niên tân học thấy rõ ràng rằng người dân của một nước mà không làm chủ được đất nước của mình là chuyện rất nhục nhã, không những đối với quốc dân trong giờ phút hiện tại mà còn đối với tổ tiên, tại vì tổ tiên của mình cũng đã từng tranh đấu để quốc gia có chủ quyền, có độc lập. Trung Quốc đã từng chiếm cứ đất nước Việt Nam đến một ngàn năm. Việt Nam trở thành lãnh thổ, một tỉnh của Trung Quốc. Việt Nam trong thời kỳ ấy hoàn toàn bị mất chủ quyền đối với người Trung Quốc.

Khi Thế Lữ viết bài này thì Việt Nam đã bị Pháp đô hộ gần một trăm năm. Thế Lữ cũng như một số các bạn đã từng có cơ hội đi sang Pháp du học, đậu bằng cử nhân khoa học. Vì vậy những người đó biết thế nào là một quốc gia có chủ quyền, nên khi về nước họ rất thao thức, muốn kết hợp bạn bè, tìm mọi cách để có cơ hội giành lại độc lập cho tổ quốc.

Người Pháp không cho phép ra những tờ báo hay in những cuốn sách và thành lập những tổ chức với mục đích gây ý thức cho quốc dân nhằm khôi phục lại nền độc lập. Nhưng các thanh niên đó đã tìm đủ mọi cách khéo léo để xuất bản những tờ báo, lập những nhà xuất bản sách để truyền bá gián tiếp những tư tưởng đó cho quốc dân. Họ chỉ cần một tờ báo thôi, một nhà xuất bản thôi, vậy mà trong vòng sáu năm, bảy năm họ đã gây được ý thức trong quốc dân và ảnh hưởng của họ đối với quốc dân rất lớn. Nhất Linh là một người đã từng bí mật tổ chức những đảng chính trị để hoạt động, đã từng bị người Pháp bắt bỏ vào tù và đã từng trốn qua Trung Quốc để lánh nạn nên những điều mà Nhất Linh nói, những điều Thế Lữ nói là những điều phát xuất từ kinh nghiệm của chính mình.

Anh đi đường anh, tôi đường tôi.

Tình nghĩa tôi ta có thể thôi.

Đã quyết không mong sum họp mãi.

Bạn lòng chi nữa lúc chia phôi?

Người con gái nói với người con trai: Anh đi cứu nước đi, em sẽ ở nhà. Người con gái này tên là Loan và người con trai tên là Dũng. Loan sinh trưởng trong một gia đình phong kiến, có những lễ thói không còn phù hợp với nếp sống mới nữa và nhất là tình trạng mẹ chồng nàng dâu đã làm Loan rất khổ sở. Loan là người đã từng được đi học trường Tây và đã học hết bằng trung học Pháp. Loan đã bị ảnh hưởng tư tưởng Tây phương về tình yêu tự do và không muốn bị ràng buộc vào đại gia đình. Nhưng vì hoàn cảnh, Loan bắt buộc phải lấy Thân mà không được lấy người mình yêu là Dũng. Tại vì Dũng có những tư tưởng cách mạng nguy hiểm nên cha mẹ Loan cấm không

cho phép Loan yêu Dũng, lấy Dũng mà bắt Loan phải lấy Thân, một người con trai rất tầm thường.

Hai vợ chồng Loan có một đứa con nhưng chẳng may đứa bé đó chết và bà mẹ chồng nghĩ rằng vì Loan không thể sinh đẻ được nữa nên đã bắt ép Loan phải đồng ý cho Thân cưới một người vợ lẽ. Loan là một thiếu nữ được học trường Tây, cô mang trong mình tư tưởng tự do cá nhân của Tây phương mà phải sống trong khung cảnh gia đình phong kiến với những lễ thói ép buộc như vậy thì rất là đau khổ, cho nên Loan thường hay nhớ tới người yêu xưa là Dũng. Còn Dũng thì thấy mình không còn có cơ duyên nào nữa để có thể cưới Loan nên quyết tâm đi kháng chiến, đi làm cách mạng.

Có một nguyên do thầm kín nữa là mẹ của Loan có mắc nợ mẹ của Thân nên phải hứa gả Loan cho Thân. Điều này Loan chỉ khám phá ra sau khi sự việc bị đổ vỡ. Trong một cuộc xung đột, khi Thân xông tới để đánh Loan thì tai nạn xảy ra. Thân vấp té vào lưỡi dao Loan đang cầm để rọc giấy, lưỡi dao đó đâm vào bụng Thân và Thân chết. Lúc ấy báo chí Hà Nội loan tin: Cô Loan giết chồng! Cô Loan giết chồng! Rốt cuộc nhờ một cặp vợ chồng người bạn vận động các luật sư giỏi để cãi cho Loan nên cuối cùng thì Loan được tha bổng vì đây là trường hợp tai nạn chứ không phải là tội cố ý giết chồng. Lúc đó Dũng đang hoạt động cho cách mạng, bí mật đi công tác về thành phố và đã nghe tin có buổi xử án như vậy.

Đêm đó là một đêm giao thừa, và người con trai không có gia đình đã bôn ba nhiều năm, sống rất vất vả, khó khăn, trong khi về công tác ở thành phố và được nghỉ ngơi một vài ngày trước khi tiếp tục lên đường thì nghe tin tòa xử trắng án cho Loan. Dũng nhớ tới ngày xưa khi hai người yêu nhau, và có ý muốn rằng bây giờ Loan được tự do rồi, thì mình sẽ tìm cách liên lạc với Loan để nối lại tình yêu ngày xưa. Dũng nhờ hai vợ chồng cô giáo Thảo liên lạc để dò xem ý của Loan như thế nào? Đây là những ý tưởng tới với Dũng khi Dũng nằm trên căn gác một mình lạnh lẽo chiều cuối năm và nhớ lại những điều ngày xưa Loan đã nói với Dũng lúc hai người chia tay nhau:

*Anh đi đường anh, tôi đường tôi,
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.*

Lúc ấy giọng điệu Loan rất cứng cỏi, mạnh mẽ để giúp Dũng phần chần lên đường, có thêm nghị lực mà hoàn thành công việc.

Nàng còn nói: Duyên của chúng ta không thuận lợi thì em đi lấy chồng, anh đi làm cách mạng. Tại sao phải vương vấn với nhau cho nó khổ? Anh cứ đi đi và em sẽ âm thầm yểm trợ.

*Đã quyết không mong sum họp mãi.
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi?*

Tại sao phải bịn rịn, anh cứ đi, em không sao đâu!

*Non nước đang chờ gót lãng du
Đâu đây vắng tiếng hát chinh phu
Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc
Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ*

Nước non đang cần những người con trai như anh. Anh hãy đi đi. Chinh phu là những người con trai đi đánh trận, đi làm cách mạng đánh đuổi quân ngoại xâm.

Em có thương, có tiếc thật nhưng vì lý tưởng mà em đành để cho anh đi và em thúc đẩy cho anh đi, anh là con trai, anh không nên bịn rịn.

Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ.

Hải hồ tức là sông biển, nơi người con trai có không gian thênh thang để tung hoành. Ý nói rằng tình là cái vướng víu, nếu anh có chí hướng cao cả, anh phải giật đứt sợi giây tình để anh có không gian thênh thang mà thực hiện chí hướng của người con trai.

*Anh đi vui cảnh lạ, đường xa,
Dem chí bình sinh dãi nắng mưa,
Thân đã hiến cho đời gió bụi
Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ?*

Anh đang đi trên con đường rất đẹp, con đường của cách mạng, con đường đem lại độc lập tự do cho đất nước. Anh đã có chí bình sinh, có tình yêu đối với tổ quốc, anh sẽ không sợ nắng mưa, khó khăn. Cuộc sống của anh đã hiến tặng cho lý tưởng phụng sự đất nước, tại sao anh còn bịn rịn?

Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ?

Người con gái đem chút duyên tơ, sự thông minh và thiện chí của mình để giúp người con trai ra đi, rất vững vàng. Nhưng sức người có hạn, cô chỉ nói được như thế trong mười hai câu thôi, đến câu thứ mười ba thì người con gái chùng xuống.

*Rồi có khi nào ngấm bóng mây,
Chiều thu đưa lạnh gió heo may.
Dừng chân trên bến sông xa vắng,
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây.*

Trong bốn câu này, tâm tình của Loan bắt đầu chùng xuống và tất cả những thiện chí được diễn tả trong mười hai câu trên do đó đã tan thành mây khói. Trên con đường anh đi, có khi nào anh dừng lại ngấm một bóng mây ở chân trời? Và một buổi chiều nào lạnh lạnh có gió heo may, đứng trên bờ sông xa vắng thì xin anh nhớ lại một chút là ngày xưa chúng ta đã từng yêu nhau.

*Dừng chân trên bến sông xa vắng
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây,*

Như vậy là chết rồi!

*Xin anh cứ tưởng, bạn anh tuy
Giăm hãm thân trong cảnh nặng nề.
Vẫn để hồn theo người lặn đận,
Vẫn hằng trông đếm bước anh đi.*

Anh nên nhớ bạn của anh tuy đang bị kẹt trong một hoàn cảnh nặng nề, khó thở, nhưng mà trái tim của người đó vẫn luôn luôn theo dõi bước chân anh và cầu nguyện anh đạt thành chí nguyện. Đó là những

lời mà cô nàng đã nói nhiều năm về trước và bây giờ anh chàng nhớ lại. Anh cảm thấy cô độc, cảm thấy cuộc đời của người chinh phu lạnh lẽo, có những giây phút nhớ nhà, có những giây phút cần có sự ấm cúng, có những giây phút cần sự có mặt của một người thương. Giây phút đó là giây phút chạnh lòng.

*Lấy câu khẳng khái tiến đưa nhau,
Em muốn cho ta chẳng thảm sầu.
Nhưng chính lòng em còn thốn thức,
Buồn kia em giấu được ta đâu?*

Chàng trai ngay từ lúc đó đã biết rằng tuy cô gái đang dùng những lời khẳng khái để động viên mình nhưng kỳ thực trái tim của nàng đang còn thốn thức lắm.

*Lấy câu khẳng khái tiến đưa nhau,
Em muốn cho ta chẳng thảm sầu,*

Là sự vuốt ve, là lòng tốt của người con gái.

Nhưng chính lòng em còn thốn thức

Anh biết rằng trái tim của em đang thốn thức, nỗi buồn ấy của em, làm sao giấu được anh?

*Em đứng nương mình dưới gốc mai,
Vịn cành sương đọng, lệ hoa rơi,
Cười nâng tà áo đưa lên gió,
Em bảo: hoa kia khóc hộ người.*

Khi hai người chia tay, họ đứng ở dưới một gốc mai. Loan vịn vào cành mai và có những hoa mai rơi rụng xuống. Hoa khóc chứ em đâu có khóc, Loan đã nói như vậy.

*Rồi bỗng ngừng vui cùng lặng lặng,
Nhìn nhau bình thản lúc ra đi.
Nhưng trong khoảnh khắc thờ ơ ấy,
Thấy cả muôn đời hận biệt ly.*

Hai người nói nói, cười cười nhưng tới giây phút biệt ly, người con trai phải đi thôi. Hai người không còn nói nữa, họ im lặng, họ im lặng trong chốc lát rồi người con trai bước đi. Giây phút đó là giây phút khó khăn nhất của cả hai người vì không có hy vọng gì để trong tương lai hai người có thể đoàn tụ với nhau được.

Anh đi đường anh, tôi đường tôi

Đất nước đang lâm nguy, lại thêm ảnh hưởng nặng nề của chế độ phong kiến, nên đã gây ra không biết bao nhiêu mất mát, chia ly đau thương. Ta có thể thấy, hai vấn đề lớn của đất nước vào những năm 30:

- Vấn đề thứ nhất: đất nước không có chủ quyền.
- Vấn đề thứ hai: xã hội đang bị chìm đắm, ràng buộc trong những lề lối phong kiến, xưa cũ.

Dân trí chưa mở và những tập tục phong kiến chưa thể tháo được là hai trở lực mà cả hai người đang phải chịu đựng. Người con trai ra đi hoạt động để thay đổi tình trạng, còn người con gái ở nhà có thể làm được gì hay chỉ tiếp tục làm nạn nhân cho những tập tục phong kiến của gia đình cô?

Nhất Linh sinh vào năm 1905 và viết cuốn tiểu thuyết này lúc 31 tuổi. Cuốn sách có tựa là “Đoạn Tuyệt”, muốn đoạn tuyệt với tất cả những cái gì cổ hủ, phong kiến của xã hội, của gia đình, nó đã trói buộc tự do của con người. Thế Lữ đã viết bài thơ “Giây Phút Chạnh Lòng” này để tặng cho Nhất Linh cũng vào năm đó, tức là năm 1936.

Hồi đó họ chỉ là một nhóm nhỏ có khoảng sáu bảy người gọi là “Tự Lực Văn Đoàn”. Họ sinh ra vào đầu thế kỷ hai mươi, khoảng năm 1905, 1906 và 1907. Họ có cơ duyên được đi học và được ảnh hưởng tư tưởng tự do dân chủ của Tây phương nên họ quyết định phải làm một cái gì cho đất nước. Một mặt họ muốn tổ chức những hội kín để vận động quần chúng đi tới chuyện lật đổ chánh quyền Pháp, một mặt họ biết rằng mật thám Pháp có khắp nơi, trong đó có rất nhiều người Việt đi theo Pháp để làm tay sai, để do thám họ vì vậy công

việc của họ rất khó khăn. Biết bao nhiêu người đã bị bắt, bị ở tù, bị xử tử vì đã muốn đứng dậy để làm cách mạng đánh đuổi Pháp.

Năm 1932, có một tờ báo sắp chết tên là Phong Hóa, nhóm văn sĩ ấy xin lại giấy phép của tờ báo đó và với tài năng của mình, họ làm cho tờ báo đó trở thành một tờ báo rất nổi tiếng trong quốc dân. Họ viết những truyện ngắn, những truyện dài, họ làm những bài thơ, họ viết những bài khảo luận đánh động vào tâm trí của giới trẻ và tức khắc rất nhiều thanh niên trong toàn quốc đã trở thành độc giả của báo Phong Hóa (Bộ mới 1932, số 13).

Nhất Linh tên thật Nguyễn Tường Tam có người em trai tên là Nguyễn Tường Long lấy bút hiệu Tứ Ly. Tứ ly là giờ xấu nhất trong ngày (người ta thường kiêng làm những chuyện quan trọng vào giờ này), và Tứ Ly đã thật sự là một cây bút châm biếm tài tình. Tất cả những gì cổ hủ, lỗi thời, tất cả những gì lỗi bịch, ông ta đều dùng ngòi bút để châm biếm và cây bút Tứ Ly đã làm cho chính quyền, nhất là chánh quyền Pháp, rất sợ hãi và đến năm 1936 chính quyền Pháp bắt buộc phải đóng cửa tờ Phong Hóa.

Chưa chịu thua, nhóm Tự lực văn đoàn đã tìm cách cho ra đời một tờ báo khác với tên gọi “Ngày Nay”. Kỳ này, Nguyễn Tường Long bỏ bút hiệu Tứ Ly, lấy bút hiệu mới là Hoàng Đạo –Hoàng đạo là giờ tốt nhất trong ngày. Với những bài khảo luận, truyện ngắn, truyện dài, họ giúp mở dân trí, và chỉ trong vòng bảy tám năm, họ đã giúp thay đổi được suy nghĩ của cả một thế hệ thanh niên trong nước. Tôi lớn lên trong hoàn cảnh ấy và đã bị ảnh hưởng tư tưởng và văn chương của Tự Lực Văn Đoàn khá nhiều.

Một người con trai lớn lên trong không khí, trong hoàn cảnh ấy, rõ ràng chỉ có hai cách lựa chọn: một là vâng lời cha mẹ đi cưới vợ và sống trong môi trường cũ ; hai là bỏ nhà đi làm cách mạng. Một là làm như Loan, lập gia đình, sanh ra vài ba đứa con, cho nó đi học rồi chịu đựng tất cả những tập tục cổ hủ; hai là làm Dũng, cương quyết bỏ ra đi làm cách mạng. Nếu không có nhân duyên trở thành người xuất

gia, chắc tôi cũng đã đi vào một trong hai con đường ấy, và hôm nay, tôi đã không ngồi đây.

Thời đó ảnh hưởng của Tự Lực Văn Đoàn rất lớn, thơ của Thế Lữ, của Xuân Diệu và tiểu thuyết của Khái Hưng, của Nhất Linh ảnh hưởng đến tuổi trẻ rất nhiều. Thơ của Nguyễn Bính, những câu thơ rất đơn giản cũng đã ảnh hưởng sâu sắc tới tôi. Xin đọc lại vài câu để xem có thầy cô nào nhớ nhà không?

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi, chị một em, em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông
...
Cột nhà hàng xóm lên câu đối
Em đọc tương tư giữa giấy hồng
Gạo nếp nơi đây sao trắng quá
Mỗi ngày phiên chợ lại thêm đông*

Tôi đọc những dòng này hồi mười mấy tuổi mà tới bây giờ vẫn còn thuộc.

*Gạo nếp nơi đây sao trắng quá
Mỗi ngày phiên chợ lại thêm đông
...
Đêm nay em thức thi cùng nển
Ai biết tình em với núi sông*

Lớn lên, đêm giao thừa nào, tôi cũng ưa ngồi một mình, đốt đèn bạch lập, và đọc thơ, chỉ vì chịu ảnh hưởng vồn vẹn hai câu thơ của Nguyễn Bính. Và khi trở thành một ông thầy tu trẻ, tôi vẫn còn thói quen đó, cũng tìm ba ngọn bạch lập, cũng đem thơ của thi sĩ mình yêu thích ra đọc. Bây giờ, tôi bỏ cái tật ấy rồi, đêm giao thừa ngồi chơi với đệ tử thôi.

Ngày xưa có cái mốt là những người trí thức văn nghệ sĩ tới giờ giao thừa là phải đốt nến, đốt trầm lên để đọc thơ, nhất là nến bạch lập

(đèn cây trắng) và thơ phải in trên giấy thật tốt tức là giấy bản trắng. Đọc thơ Đường in trên giấy lụa dưới ánh sáng của bạch lập là một hình ảnh đẹp. Hồi đó chưa có đèn điện, mà thắp đèn dầu mờ mờ thì đọc thơ không được rõ lắm. Vì vậy thắp lên một ngọn bạch lập, thắp lên hai ngọn bạch lập, hoặc thắp lên ba ngọn bạch lập để đủ ánh sáng mà đọc thơ.

Cách đây mấy hôm, tôi thấy có một vị trên xóm Thượng đọc tiểu thuyết của Minh Đức Hoài Trinh, tôi nói thôi đừng có đọc cái này. Tại vì tôi biết hơn ai hết, mình đọc cái gì thì sẽ thường chịu ảnh hưởng cái đó. Vì vậy phải rất cẩn thận với nội dung văn nghệ mà mình tiêu thụ. Trong luật nói rằng, vị sa di, sa di ni muốn đọc sách gì thì phải hỏi y chỉ sư, điều này rất đúng. Vì nếu rủi mình đọc lỡ những cuốn có chất độc, thì nó hại mình lâu lắm.

Hồi còn làm học tăng tại Phật học đường Báo Quốc, tất cả các tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn chúng tôi đều không được đọc. Có mấy chú học tăng “ăn gian”, làm một thư viện bí mật, mua những cuốn tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn, đem giấu lên trên một cây nhãn, nếu chú nào muốn đọc thì chỉ cần ra leo lên cây nhãn mà đọc, ở dưới dù các thầy cứ đi ngang qua mà không biết rằng trên đầu mình học tăng đang đọc tiểu thuyết. Mình tưởng như vậy là mình khôn ranh lắm, mình qua mặt được mấy thầy, ai dè làm như vậy là tự đầu độc mình. Dầu đã là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni rồi, mình cũng phải cẩn thận lắm mới được, chỉ nên đọc những cuốn sách nào, và thưởng thức những tác phẩm văn nghệ nào mà không đem lại độc hại cho trái tim của mình mà thôi.

Năm 1935 Hội Phật Giáo Bắc Kỳ xuất bản một tạp chí Phật học tên là tờ Đuốc Tuệ. Sự kiện của tờ Đuốc Tuệ, đã cứu được tôi. Nếu chỉ có Tự Lực Văn Đoàn thì một là tôi làm Loan và hai là làm Dũng. Nhưng nhờ có Đuốc Tuệ nên tôi đã làm Phùng Xuân. Tuy đã là Phùng Xuân rồi nhưng Loan, Dũng vẫn cứ đi bám lấy tôi. Tại vì những hạt giống mình đã gieo trước đó vẫn tiếp tục đi theo mình. Nhưng hạt giống của Đuốc Tuệ rất mạnh nên nó có thể ôm được cả hai hạt giống kia mà không sao cả. Tờ Đuốc Tuệ có những bài viết về Nhân Gian Phật

Giáo, tức là về đề tài Phật Giáo Đi Vào Cuộc Đời. Và niềm mong về ước nguyện đem đạo Phật nhập thế trong tôi đã có từ đó.

Tờ Đuốc Tuệ có nhiều bài viết nói đến các thiền sư Việt Nam trong quá khứ và hạnh nguyện của các ngài trong việc giúp dân, giúp nước. Điều này giúp tôi thấy được, đạo Phật có thể đóng một vai trò rất lớn trong công cuộc xây dựng đất nước và cứu độ con người. Con đường phục vụ đất nước theo tinh thần đạo Phật nhập thế đã mở ra cho tôi một chân trời mới rất rộng lớn.

Tại thư viện quốc gia Pháp ở Versaille, quý vị có thể tìm được những tờ Đuốc Tuệ ngày xưa, vì mỗi số Đuốc Tuệ được phát hành, thì phải đem nộp lưu chiểu một bản. Và người Pháp đã đem về nước đầy đủ các ấn bản đã được phát hành từ số đầu – khoảng năm 1935, đến số báo cuối, khoảng năm 1945, và lưu trữ nó tại thư viện quốc gia Pháp. Tờ Đuốc Tuệ chỉ được lưu hành khoảng mười năm. Nếu không có tờ Đuốc Tuệ và không có mười năm đó, đã không có tôi đang ngồi đây. Do vậy, những cái mà quý vị đang làm như Lá Thư Làng Mai, nhà xuất bản Parallax, nhà xuất bản Lá Bối, những khóa tu được tổ chức khắp nơi sẽ có ảnh hưởng rất lớn trong các thế hệ. Có thể trong vòng năm năm hay mười năm nữa, mình sẽ có thể tạo ra được một thế hệ mới, mình có thể làm nên lịch sử. Mình nên biết, mình đang nắm giữ lịch sử trong tay.

Ngày xưa nhóm Tự Lực Văn Đoàn chỉ tồn tại dưới mười năm, nhưng đã làm được chuyện rất lớn. Chúng ta với tư cách là một tăng thân, nếu ý thức được con đường mình đi thì trong mười năm chúng ta cũng có thể làm được lịch sử.

*Năm năm theo tiếng gọi lên đường,
Tóc rụng rơi bởi gió bốn phương,
Mấy lúc thần thờ trông trở lại,
Để hồn mơ tới bạn quê hương.*

Cuộc sống của người chiến sĩ, của người đang ở chiến khu rất cực nhọc, không có sự an ủi, thiếu thốn tình thương nên thỉnh thoảng trong lòng hay nhớ lại người yêu cũ. Đây là một điểm yếu, và người

con trai biết rằng nếu muốn thành đạt chí nguyện thì mình phải cương quyết đi tới, đừng để cho tâm hồn chùng lại, đừng để cho lòng mình có những giây phút trầm lắng xuống. Nhưng đã sinh ra làm con người thì làm sao tránh thoát khỏi những giây phút gọi là chạnh lòng đó? Vì vậy lòng mình, nhiều khi tự nhiên bất chợt yếu đi.

*Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng,
Gác tình duyên cũ thẳng đường rong.
Song le hương khói yêu đương vẫn,
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng.*

Người con trai nào lớn lên hoặc người con gái nào lớn lên mà không khao khát thương yêu? Dù lý tưởng của mình có vĩ đại cách mấy, dù Bồ Đề Tâm của mình có vững chãi cách mấy thì sự khao khát ấy cũng luôn luôn còn đó. Trên bước đường phụng sự, trên bước đường cách mạng, trên bước đường lý tưởng nếu có xảy ra những giây phút *Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng* cũng là chuyện bình thường thôi. Tôi đã quán chiếu và đã thấy trong trường hợp của một nhà cách mạng và trong trường hợp của một người tu, có sự khác nhau.

Có một bài thơ khác của Thế Lữ có thể giúp mình hiểu được thêm về bài Giây Phút Chạnh Lòng này, đó là bài Tiếng Gọi Bên Sông. Tôi xin đi lạc đề một chút để đọc bài thơ này.

*Ta là một khách chinh phu,
(một người đi làm cách mạng, một chiến sĩ)
Dấn bước truân chuyên khắp hải hồ.
Mũ lượt bốn bề sương nắng gội,
Phong trần quen biết mặt âu lo.*

*Vất vả bao từng, chi xá kê?
Gian lao như lửa rèn tâm trí,
Bấy lâu non nước mãi xông pha,
Chưa phút dừng chân, chưa lúc nghỉ.*

*Trong thuở bình sinh đôi mắt ta
Không hề cho đắm lệ bao giờ.*

(tôi chưa bao giờ khóc)
Cười theo thất bại, khinh nguy hiểm,
Nện gót vang đường nhịp khúc ca.

Đang độ nam nhi vui trẻ hoai,
Sâu tư bi thiết, gác bên tai.
Trái tim chỉ rộn khi căm tức,
Ghét lũ vô minh, giận nổi đời.

Vì bất bình, vì muốn có tự do dân chủ và bình đẳng xã hội mà đi làm cách mạng vậy thôi.

Trong khi lật đật nẻo sông Mê,
Trận gió heo may đuổi nhận về.
Bụi cuốn đường xa, chinh khách mỏi,
Bỗng nghe tiếng hát vắng bên kia.

Cố nhiên trên bước đường của người chiến sĩ, lâu lâu cũng có những giờ phút mệt mệ và trong những giờ phút ấy nếu có một tiếng hát rất trong trẻo vắng lên thì lòng người chinh khách sẽ bị chùng lại:

Tiếng hát trong như nước ngọc tuyền,
Êm như hơi gió thoảng cung tiên,
Cao như thông vút, buồn như liễu,
Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên.

Một người đi đường trường từ ngày này sang ngày khác, hai chân đã mỏi, mồ hôi đầm đìa, khát nước, cổ cháy khô mà tự nhiên thấy được một dòng nước trong, nghe được tiếng suối reo thì không dừng lại sao được? Trong lúc mệt mệ lại được nghe một tiếng hát vắng bên đường.

Chinh phu trong dạ dường tê tái,
Quay gót ta buồn trông trở lại.
Đường vẫn còn xa, còn phải đi,
Song le tiếng hát bên sông gọi.

Người thiếu nữ bên sông nói rằng anh đi đâu mà vội mà vàng, anh hãy ngừng ở lại đây, và cái đó đánh động tới sự khao khát yêu thương của người con trai.

*Tiếng ái ân kia réo rất hoài,
Mà lời mây nước giục bên tai.*

Có hai khuynh hướng chống đối nhau, một bên là tiếng hát của ái ân, cứ tiếp tục réo rất; một bên là lời mây nước giục bên tai, anh phải đi, anh phải đi, tại vì chí nguyện anh buộc anh phải dứt khoát lên đường.

*Tiếng ái ân kia cứ réo rất hoài,
Mà lời mây nước giục bên tai.
Đau lòng dứt mối tơ vương vấn,
Nước mắt đầu tiên đã rơi.*

Người con trai vừa khóc vừa bước đi vì không thể nào dừng lại được nữa, tại vì dừng lại là phản bội chí nguyện của mình. Có cái thế tương phản ở trong lòng làm người con trai phải khóc.

*Đau lòng rứt mối tơ vương vấn,
Nước mắt đầu tiên đã rơi.*

Đây là lần đầu tiên người con trai khóc.

*Trong thuở bình sinh, đôi mắt ta,
Không hề cho đắm lệ bao giờ,
Tôi chưa bao giờ khóc hết, tôi chỉ:
Cười theo thất bại, khinh nguy hiểm,
Nặng gót vang đường nhịp khúc ca.*

Bây giờ, tôi khóc, vì có sự mâu thuẫn trong lòng. Mâu thuẫn giữa sự khao khát yêu thương và chí nguyện muốn thành tựu. Là con trai mới lớn, mình khao khát yêu thương như bất cứ người con trai nào. Nhưng non sông mờ cát bụi, nếu mình vướng víu vào chuyện tình duyên, làm sao mình có thể đạt thành chí nguyện? Cần phải dứt khoát, và lần đầu tiên nước mắt rơi xuống.

Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng.

Đó là cái lý trí.

*Gác tình duyên cũ thẳng đường trông
Song le hương khói yêu đương vẫn
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng*

Không đuổi nó đi được, nó vẫn còn nằm trong trái tim.

*Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan
Trong lúc gần xa pháo nổ ran
Rũ áo phong sương trên gác trọ
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang*

Đây là một đêm giao thừa, là giờ phút người con trai chùng chân mỏi gối, là giờ phút người con trai nhớ về người yêu cũ và cảm thấy rất cô đơn và rất khao khát thương yêu.

Ta thấy xuân nồng thắm khắp nơi

Ai cũng đang lo chuẩn bị đón giao thừa. Ở Việt Nam có tám chục triệu người, ở Trung quốc có một tỷ hai trăm ngàn người đang chuẩn bị đón giao thừa. Nhà nào cũng có một cành mai, cũng có một cành đào, cũng có năm bảy cái bánh chưng, cũng có một phong pháo, chỉ có một mình là không có gì cả, ngoài một cái áo, một đôi giày đầy bụi đường. Khi mùa xuân về và mọi người đang được đoàn tụ thì mình - thân chiến sĩ cô đơn trong cuộc đời, mình thấy mệt mỏi và khát khao.

*Ta thấy xuân nồng thắm khắp nơi,
Trên đường rộn rã tiếng đua cưỡi,
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy,
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.*

Ta tìm thấy ba chữ xuân trong bốn câu thơ này: xuân nồng thắm khắp nơi, xuân đã về, bạn xuân năm ấy. Loan và Dũng cũng từng ngắm xuân về trên khóm mai. Ngày chia ly của hai đứa là một ngày xuân. Hôm đó, Loan mặc áo dài, tay vịn vào cành mai, nói những lời tiễn biệt. Loan làm rung cành mai, những cánh mai rơi xuống, và Loan

nói, cây mai khóc dùm em, chớ em đâu cần khóc, em bảo hoa kia khóc hộ người.

*Lòng ta tha thiết đượm tình yêu.
Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều,
Mắt lệ đầm trông miên cách biệt,
Phút giây chùng mõi gót phiêu lưu...*

Cuộc sống của người chiến sĩ quá kham khổ, quá khát khe, thiếu vắng những cái vỗ về và nuôi dưỡng cho nên ý tưởng muốn bỏ cuộc đời chiến sĩ nó hấp dẫn, nó cứ tới ám ảnh hoài.

*Cát bụi tung trời - Đường vất vả
Còn dài - Nhưng hãy tạm dừng chân.*

Chàng chiến sĩ ấy cho phép lòng mình chùng xuống trên căn gác trọ phong sương đó.

*Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân?*

Không biết Loan còn nhớ mình hay không? Loan còn thương mình hay không? Dũng rất cần tình thương đó.

Đêm hôm ấy liên lạc được với vợ chồng cô giáo Thảo, Dũng biết là Loan được tha bổng, Loan bây giờ có tự do rồi. Dũng có thể trở về với Loan như một cặp thanh niên tự do, không còn bị lẽ lối phong kiến ràng buộc nữa. Loan có thể xin đi dạy học hay đi làm nghề nào đó, Dũng cũng có thể đi kiếm một việc làm, hai người có thể kết hợp lại thành một gia đình. Trong căn gác đó Dũng lấy cây viết chì và một tờ giấy viết thư cho Loan: Nếu em còn thương anh thì chúng ta hãy nghĩ tới chuyện trở về với nhau.

Nếu chuyện này xảy ra thì không biết rằng lý tưởng của anh chàng sẽ đi tới đâu? Nếu hai người cưới nhau, hai người cần làm việc để kiếm sống thì lý tưởng của người chiến sĩ, người chinh phu đâu còn giữ được nữa? Vì vậy coi như con đường của Dũng bị thất bại.

Quý vị nào chưa từng có cơ hội nghiên cứu về lịch sử của đất nước, chưa biết những gì đã xảy ra cho những thế hệ con trai và con gái sinh ra từ đầu thế kỷ thứ hai mươi thì đây là sự mời gọi, quý vị phải tạo ra cơ hội để làm chuyện đó.

Quán chiếu thì chúng ta sẽ thấy con đường cách mạng cứu nước là một con đường rất hấp dẫn đối với thanh niên và con đường làm cách mạng xã hội để giải thoát thân phận của con người cũng là một con đường rất hay và những thanh niên sinh ra từ đầu thế kỷ thứ hai mươi đã dẫn thân vào một trong hai con đường đó.

Khi đem vào tình trạng một chiều thứ ba, tức chiều tâm linh, chúng ta thấy rằng chúng ta có thể có một bức tranh khác. Tờ Đuốc Tuệ đã đem tới một chiều thứ ba trong không gian của tôi và trong lòng người con trai mười lăm tuổi hồi đó đã mở ra được một hướng đi.

Bây giờ nhìn lại, tôi thấy một cách rất rõ rệt là khi mình đi tu, cũng giống như mình đi làm cách mạng, tại vì hành động cạo đầu của mình đích thực là một hành động rất cách mạng. *Hủy hình phi pháp phục*, tức là hủy cái đẹp hình thức, mặc cái áo thầy tu là hành động can đảm. *Cát ái từ sở thân*, cắt đứt những dây lưu luyến ràng buộc với những người thân, đó là quả thực là một hành động cách mạng.

Hủy hình phi pháp phục

Cát ái, từ sở thân

Bỏ cái đẹp hình thức, mặc vào chiếc áo thầy tu, xa lìa những người thân yêu để đi theo lý tưởng độ chúng sanh, đó là nội dung phần đầu bài kệ được đọc lên khi đưa mái tóc cho thầy cạo. Đó là con đường lớn của cách mạng.

Xuất gia cũng là làm cách mạng, đích thực làm cách mạng, nhưng người xuất gia có một mái nhà gọi là gia đình tâm linh, có những giới luật, có sự tu tập.

Khi làm cách mạng, mình chia sẻ với những người đồng chí lý tưởng cách mạng, tức là phục hồi độc lập quốc gia, thực hiện dân chủ. Mặc dù có chung lý tưởng nhưng phương tiện dùng để đi đến mục tiêu đó

khác nhau. Đơn cử như việc thành lập rất nhiều đảng trong hoàn cảnh ấy: Quốc Dân đảng, Đại Việt đảng, đảng Cộng Sản,...và những đảng này có thể không hài hòa nhau, có thể chống đối nhau, loại trừ nhau.

Nếu có cơ hội, mình nên đọc lại lịch sử của đất nước giai đoạn này. Mình biết được, giữa đảng Quốc Dân, đảng Đại Việt, đảng Cộng Sản và những đảng khác có những bất hòa nào? Có ý hướng loại trừ nhau, tiêu diệt nhau, ám sát nhau như thế nào? Những chuyện này gây ra niềm đau rất lớn cho những thanh niên đi làm cách mạng. Bởi cùng làm cách mạng, nhưng nếu không cùng đảng, bắt buộc họ phải lên án lẫn nhau, thậm chí còn bắt cóc, ám sát nhau.

Trong môi trường của người tu thì không có chuyện đó xảy ra. Trong tăng thân mình đã có giới luật, mình đã có lý tưởng, mình đã có nguyên tắc Lục Hòa, mình đã có những phương pháp thực tập và vì vậy cho nên dầu người kia theo Tịnh Độ, dầu người kia theo Thiền, dầu người kia theo những tông phái khác thì không có lý do gì mình phải chống đối. Đạo Phật có tới tám vạn bốn ngàn pháp môn và tinh thần của đạo Phật là tinh thần của sự bao dung cho nên những người xuất gia không bao giờ nghĩ đến chuyện thủ tiêu nhau, tiêu diệt nhau. Đó là một sự khác biệt rất lớn giữa những người đi xuất gia với những người đi làm cách mạng.

Điều khác biệt thứ hai, khi làm cách mạng, mình có thể thấy con đường quá dài. Có khi sống hết cuộc đời rồi, mà vẫn chưa thấy được cụ thể một kết quả nào của cách mạng mang lại. Hoặc đảng của mình, đường lối của mình đôi khi bị tiêu diệt, bị đàn áp đến nỗi không còn có thể phục hồi được. Có khi hai mươi năm, ba mươi năm, năm mươi năm vẫn không thấy được một kết quả nào cụ thể mà sự tổn thất về nhân mạng vẫn tiếp tục xảy ra.

Trong khi đó, nếu mình tu tập nghiêm chỉnh với tăng thân thì trong vòng vài ba tháng, mình đã thấy an lành, mình có thể bắt đầu độ được người. Nếu các thiền sinh từ xa tới thấy các sư cô, các sư chú – dù họ chỉ thực tập được sáu tháng hay một năm – đi đứng trong

chánh niệm, có oai nghi, có nụ cười, có sự tươi mát, họ có niềm tin nơi chánh pháp, và họ đã đỡ khổ rất nhiều.

Ngày xưa, khi số lượng các thầy, các sư cô ở Làng còn ít, tôi hay đi hướng dẫn các khóa tu một mình. Tuy những khóa tu đó rất thành công, nhưng không thể so sánh được với những khóa tu sau này. Khi tôi đem tới khóa tu ba mươi vị xuất gia hay năm mươi vị xuất gia, các thiện sinh thấy các vị xuất gia đi theo đều biết đi, đứng, nằm, ngồi trong chánh niệm, nói cười trong chánh niệm. Điều này đã mang lại cho họ niềm tin về chánh pháp. Rõ ràng, không cần phải tu năm mươi năm hay sáu mươi năm mới có thể mang lại hạnh phúc cho người khác, chỉ cần hành trì giới luật, uy nghi và chánh niệm có nội dung trong vòng ba tháng, năm tháng hay sáu tháng, mình có thấy được hiệu quả của con đường xuất gia.

Trong khi đó người thanh niên đi làm cách mạng có thể thấy con đường dài hun hút, tổn thất có thể tới hàng ngày mà sự ích lợi thiết thực của con đường lý tưởng chưa thấy đâu cả?

Mình không cần phải đợi khi nào trở thành giáo thọ rồi mới bắt đầu độ đời. Ngay trong ngày đầu tiên, giờ đầu tiên, nếu mình có hạnh phúc, mình thực sự nương tựa vào tăng thân thì niềm hạnh phúc đó được biểu hiện ngay trong lời nói, tiếng cười, dáng đi của mình, và như thế, mình bắt đầu làm hạnh phúc cho tăng thân và cho những người tới với mình.

Điểm khác giữa người tu với người làm cách mạng là thấy được kết quả của những hành động của chính mình. Bởi giáo lý đạo Phật là giáo lý vượt thoát thời gian, đến để mà thấy, có hiệu lực ngay trong giây phút hiện tại, nếu bắt đầu thực tập thì thấy có kết quả ngay lập tức, dù kết quả còn khiêm nhường.

Điểm khác biệt thứ ba, những người đi làm cách mạng ít được hưởng tình huynh đệ, tình gia đình, cuộc sống của họ phong sương rất nhiều, còn sự tập mỗi ngày của người tu hướng đến tình huynh đệ, thực tập như thế nào để sư anh, sư chị, sư em của mình trở thành những người thương thật sự của mình, thực tập như thế nào để mỗi

ngày có cơ hội để thương và được thương, thực tập như thế nào để xây dựng không khí đầm ấm của một gia đình tâm linh và do đó chúng ta có cơ hội mỗi ngày để thương và để được thương.

Người tu sĩ không thiếu thốn tình thương như người chiến sĩ, vì mỗi ngày, ta đều thực tập hiến tặng tình thương theo tinh thần tứ vô lượng tâm –thứ tình thương không bi lụy, không vương mắc, không đánh mất tự do của mình và người kia. Ta hiến tặng tình thương ấy cho những người bạn tu của ta, cho những người đến tu học với ta. Do vậy, ta không bị lâm vào tình trạng của Dũng.

Đọc bài thơ này, ta thấy thương cho những người con đã ra đi để tranh đấu cho chủ quyền quốc gia, bình đẳng xã hội. Lý tưởng đó rất đẹp, lý tưởng đó không thua gì lý tưởng của một vị Bồ Tát, nhưng tổ chức cách mạng có thể đã không nuôi dưỡng được người cách mạng như tăng thân nuôi dưỡng được những người xuất gia.

Một đảng chính trị, một đảng cách mạng, một hội cách mạng có thể áp dụng những phương thức để nuôi dưỡng những thành viên của họ. Nhưng cho đến bây giờ, chúng ta vẫn chưa thấy được dấu hiệu rõ rệt nào chứng tỏ điều đó. Còn với đạo Phật, qua hơn 2500 năm lịch sử, chúng ta thấy rất rõ, chúng ta có đủ những lẽ lỗi, những phương thức, những pháp môn áp dụng để có thể đi trọn được con đường tu tập của chúng ta với tư cách một vị Bồ Tát. Và đức Thế Tôn mong muốn rằng, chúng ta trở thành những vị Bồ Tát có thể giúp được mình và giúp được người.

Chúng ta xuất gia là phát nguyện dẫn thân vào một cuộc cách mạng lớn. Chúng ta có nhiều cơ hội thành công cuộc cách mạng này, vì chúng ta có tăng thân và có pháp môn rất rõ ràng, rất thực tế. Vấn đề bây giờ là khả năng nắm lấy cơ hội đó nơi mỗi người. Nếu khéo léo thực tập mỗi ngày để được nuôi dưỡng và nuôi dưỡng đến các thành viên khác của tăng thân thì thành công là vấn đề nằm trong tầm tay của mình. Và mình sẽ có rất ít những giây phút chạnh lòng. Giả sử, nếu có xảy ra những giây phút như vậy, mình vượt qua rất mau. Vì mình có tình thương của thầy, tình thương của anh, tình thương của

chị, tình thương của em, tình thương của Bụt nên mình sẽ không lâm vào tình trạng của Dũng trong bài thơ này.

Bài thơ này nói về tình yêu lứa đôi, nhưng nếu đọc thơ với con mắt của chánh pháp, mình có thể sử dụng những yếu tố không phải Phật pháp để làm thành Phật pháp. Phật pháp tức Thế gian pháp, đó là điều mình đã được học. Đọc thơ với sự quán chiếu sâu sắc, tình thương trong mình sẽ trào dâng. Mình thương cho Loan, mình thương cho Dũng, mình thương cho biết bao thế hệ thanh niên đã có một tấm lòng, đã có chí nguyện thương nước, thương dân và cải tạo xã hội. Nhưng vì chưa có những điều kiện thuận lợi để thực hiện chí nguyện ấy nên không biết bao nhiêu người đã ngã gục.

Tôi đã có nói với quý vị, chúng ta đang nắm lịch sử trong tay. Bởi chúng ta đã và đang có rất nhiều cơ hội góp phần vào việc tạo nên một thế hệ mới lành mạnh. Ngày xưa, nhóm Tự Lực Văn Đoàn hoạt động chưa tới mười năm. Hơn nữa lại hoạt động trong tình cảnh rất khó khăn. Nhưng họ đã rất thành công trong sự nghiệp của mình.

Ngày xưa, Hoàng Đạo, em ruột của Nhất Linh, đã lấy bút hiệu là Tứ Ly viết một tác phẩm với tựa là Mười Điều Tâm Niệm. Mười Điều Tâm Niệm kêu gọi thanh niên đi làm cách mạng. Chúng ta nên đọc nó và quán chiếu bằng con mắt trạch pháp, xem thử điều nào có thể chấp nhận được, điều nào hơi quá đà.

Theo giáo lý Tứ đế, chúng ta cần nhìn sâu vào khó khăn, đau khổ của tình trạng hiện tại để hiểu được nguyên nhân đưa đến những khó khăn, khổ đau đó – Nhìn vào khổ đế thấy được Tập đế. Thấy được Tập đế, chúng ta sẽ khai mở con đường Đạo đế để đi tới kết quả là Diệt đế.

Tất cả những gì ta làm, ta nói, ta viết đều có tác dụng mở rộng con đường cho những thế hệ tương lai. Nhóm Tự Lực Văn Đoàn tồn tại rất ngắn, chúng ta có thể may mắn hơn họ. Những gì chúng ta đang làm như mở những khóa tu cho người Việt, cho người Mỹ, người châu Âu, cho người Nhật, cho những nhà tâm lý trị liệu, cho giới văn nghệ sĩ, cho giới thương gia, cho giới bảo vệ môi trường, cho những

thầy giáo, cô giáo,... là những phương tiện, những cơ hội hướng dẫn cho thế hệ tương lai con đường của chuyển hóa, con đường của trị liệu. Chúng ta đang thật sự làm một cuộc cách mạng, chúng ta phải ý thức điều đó. Chúng ta không làm như những cá nhân, chúng ta làm với tư cách một tăng thân.

Chúng ta phải biết trân quý thời gian của mình. Trong mỗi giờ, mỗi phút, chúng ta phải nắm tay nhau, chúng ta phải thấy được lý tưởng vĩ đại, cao đẹp của chúng ta, chúng ta phải làm cho được, thực hiện cho được chí nguyện lớn của chúng ta trong thế kỷ hai mươi mốt này.

Còn khoảng một giờ đồng hồ nữa, chúng ta sẽ bước sang một năm mới. Đây là năm đầu của thiên năm đầu của thế kỷ mới, của thiên niên kỷ mới. Đọc bài thơ này, chúng ta phải ý thức rằng, chúng ta đang có may mắn được cùng sống với nhau như một tăng thân, chúng ta có lý tưởng, đường hướng và phương tiện để hoàn thành cuộc cách mạng của chúng ta. Thế giới hôm nay cần cuộc cách mạng đó, vì có rất nhiều người đang chìm đắm trong đau khổ, trong hận thù, trong đam mê. Chúng ta sẽ thành công như một tăng thân, chúng ta sẽ thành công như một dòng sông mà không phải là những giọt nước.

Trong giờ giao thừa, chúng ta sẽ tụng chung với nhau bài tụng Hạnh Phúc để chúng ta biết rằng, mình đang có nhau, đang cùng đi trên cùng một con đường. Nếu chúng ta ý thức được điều này, hạnh phúc của chúng ta sẽ tăng tiến rất mau chóng, và năng lượng đó sẽ giúp chúng ta thành đạt được lý tưởng mà chúng ta đã nguyện đi theo.

Hủy hình phi pháp phục

Cát ái, từ sở thân

Xuất gia hành Phật đạo

Nguyện độ nhất thiết nhân

Đó là giây phút mà ta nói lên lời cam kết, lời thề của tất cả những người xuất gia.

23.01.2001 Làng Mai – Pháp quốc

Giây phút chạnh lòng

(Tặng tác giả "Đoạn Tuyệt")

"Anh đi đường anh, tôi đường tôi,
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.
Đã quyết không mong xum họp mãi.
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi?

"Non nước đang chờ gót lãng du,
Đâu đây vẳng tiếng hát chinh phu,
Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc
Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ.

"Anh đi vui cảnh lạ, đường xa,
Dem chí bình sinh dãi nắng mưa,
Thân đã hiến cho đời gió bụi
Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ?

"Rồi có khi nào ngấm bóng mây
Chiều thu đưa lạnh gió heo may
Dừng chân trên bến sông xa vắng,
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây;

"Xin anh cứ tưởng bạn anh tuy
Giam hãm thân trong cảnh nặng-nề,
Vẫn để hồn theo người lận đận;
Vẫn hằng trông đếm bước anh đi."

Lấy câu khẳng-khái tiễn đưa nhau,
Em muốn cho ta chẳng thấm sâu.
Nhưng chính lòng em còn thốn-thức,
Buồn kia em giấu được ta đâu?

Em đứng nương mình dưới gốc mai,
Vin ngành sương đọng, lệ hoa rơi,
Cười nâng tà áo đưa lên gió,
Em bảo: hoa kia khóc hộ người.

Rồi bỗng ngừng vui cùng lẳng lẳng,
Nhìn nhau bình-thản lúc ra đi.
Nhưng trong khoảnh khắc thờ-ơ ấy,
Thấy cả muôn đời hận biệt-ly.

Năm năm theo tiếng gọi lên đường,
Tóc rụng rơi bởi gió bốn phương.
Mấy lúc thần thờ trông trở lại,
Để hồn mơ tới bạn quê hương.

Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng
Gác tình duyên cũ chẳng đường trông.
Song le hương khói yêu đương vẫn
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng.

Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan.
Trong lúc gần xa pháo nổ ran.
Rũ áo phong sương trên gác trọ.
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.

Ta thấy xuân nồng thấm khắp nơi,
Trên đường rộn rã tiếng đua cười,
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy.
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.

Lòng ta tha thiết đượm tình yêu,
Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều,
Mắt lệ đầm trông miên cách biệt,
Phút giây chùng mọi gót phiêu lưu...

Cát bụi tung trời - Đường vất vả
Còn dài - Nhưng hãy tạm dừng chân,
Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân?

Thế Lữ (1936)

Thế Lữ (1907 – 1989)



Thế Lữ tên thật là **Nguyễn Thứ Lễ**, còn có bút danh **Lê Ta**, sinh ngày 6 tháng 10 năm 1907, tại ấp Thái Hà, Hà Nội trong một gia đình Ki tô giáo. Ông quê ở làng Phù Đồng, huyện Tiên Du (nay là Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Ông theo người nhà lên sống ở Lạng Sơn từ nhỏ cho đến năm 11 tuổi. Năm 1918, Thế Lữ về sống ở Hải Phòng và từ năm 1925 đến năm 1928 học thành chung ở trường *Bonnal* (ở địa điểm nay là trường *Ngô Quyền*). Học đến năm thứ ba thành chung, ông thôi học lên Hà Nội học Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, sau đó một năm (1930), ông bỏ học. Năm 1932, Thế Lữ bắt đầu tham gia Tự Lực Văn Đoàn ^(*) và là một trong những cây bút chủ lực của báo *Phong hóa*, *Ngày nay*, *Tinh hoa*. Ông mất tại Sài Gòn ngày 3 tháng 6 năm 1989, để lại cho đời nhiều tác phẩm: *Mấy vần thơ*, *Vàng và máu*, *Bên đường Thiên Lô*, *Gió trắng ngàn*, *Trại Bồ Tùng Linh*, *Ba hồi kinh dị*, *Con quỷ truyền kiếp*, *Lê Phong phóng viên*, *Gói thuốc lá*, *Đòn hện*,...

(*) Gồm 7 người là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Thế Lữ, và Xuân Diệu.

Nguyễn Bính – *Hành phương nam*

Giao thừa năm ngoái, chúng ta đã đọc bài “Giây Phút Chạnh Lòng”, bài có chủ đề là ra đi. Vì lý tưởng, vì chí hướng, sự nghiệp mà người con trai đành phải từ giã người mình yêu để lên đường. Rồi sau đó, vào một ngày cuối năm, trong khi mọi người đang chuẩn bị đón giao thừa, ngồi một mình trên căn gác trọ người con trai cảm thấy cô đơn và chột chạnh lòng nhớ lại người xưa, nhưng anh cũng biết rằng mình không thể nào ở lại được, mình phải tiếp tục con đường, phải tiếp tục theo đuổi sự nghiệp của mình thôi. Người ở nhà nếu quả thực là hiểu được người mình yêu thì phải yểm trợ cho người ấy, để cho người ấy đi dù rằng đó là một quyết định rất khó khăn, dù trong lòng mình có xót xa, tiếc nuối.

Người con trai ấy có hoài bão, có chí hướng mà mình giữ chặt người ấy cho riêng mình thì người ấy sẽ không có hạnh phúc. Người ấy có một năng lượng mà mình đem nhốt năng lượng đó lại thì chỉ làm khổ người yêu và làm khổ chính mình thôi. Một làn hương, một tia nắng mà mình còn không giữ được, huống nữa là giữ một người con trai có chí nguyện lớn ?

Ngày xưa Yasodhara cũng có tâm trạng như vậy. Yasodhara biết rằng Siddhata không thể không ra đi. Yasodhara cũng chỉ là một người phụ nữ thường tình, nhưng cô biết là phải để cho chồng ra đi, bởi nếu vì mình mà người con trai không ra đi được thì người con trai đó đâu còn là người con trai của mình ? Tuy thân người ấy bên mình nhưng tâm người ấy không còn ở bên mình nữa. Có giữ thì cũng không còn. Và Yasodhara cũng hiểu rằng dùng tất cả mọi cách để trói buộc người con trai đều vô hiệu nghiệm.

Hồi 1940 cho tới 1945 phần lớn những người con trai Việt Nam đều muốn ra đi, tôi lớn lên trong giai đoạn đó và tôi đã chứng kiến được những cuộc ra đi. Hồi ấy người Pháp đang đô hộ Việt Nam, đất nước ta đang lâm than trong cảnh nô lệ, người dân đói khát, khổ đau. Năm tôi khoảng 14, 15 tuổi có những buổi sáng thức dậy, tôi thấy ngoài đường có những chiếc xe cam nhông chở đầy những xác chết của

những người đói. Và tôi cũng thấy những anh, những chị, chỉ khoảng 20, 22 tuổi bị bắt, họ bị người ta trói lại, giải đi, trông cảnh đó tôi rất xót thương. Lúc ấy tôi không biết họ đã làm gì để bị bắt như vậy? Nhưng tôi biết rằng trong trái tim họ đã ôm ấp một lý tưởng gì đó nên mới bị lâm vào vòng tù tội. Mới 14 tuổi tôi đã được đọc sách báo cách mạng và tôi cũng muốn ra đi.

Năm 1940, Thâm Tâm có viết một bài thơ rất nổi tiếng đó là bài “Bài Tống Biệt Hành”:

*Đưa người ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?*

Phải đưa qua sông thì mới thấy có sóng và thấy sóng ở bên ngoài thì sóng ở trong lòng mới nổi dậy. Nhưng ở đây mình đâu có đưa sang sông “sao có tiếng sóng ở trong lòng?” Tình trạng đất nước, xã hội, và những khổ đau đã thúc đẩy những người con trai, những người con gái lên đường. Là một người thanh niên trong hoàn cảnh ấy thì phải nên làm một cái gì đó cho đất nước. Tác giả cũng muốn đi nhưng chưa đi được, mà phải ở lại. Và khi những người bạn của mình, những người anh, người chị, người em của mình ra đi thì mình phải đưa tiễn. Đưa tiễn mà trong lòng không yên, những đợt sóng cứ chồm lên không ngớt.

*Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?*

Tuy đang là mùa hè, đất trời đang xanh tươi, cây cối chưa vàng vọt nhưng sao nhìn vào mắt của người kia mình thấy có hoàng hôn, có một nỗi buồn nào đó.

*Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một giã gia đình, một dừng dừng.*

Gia đình có mẹ, có chị, có em, lúc từ giã người đi phải làm bộ dừng dừng, nếu không thì không thể cất bước được.

Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ.

Chí lớn chưa về bàn tay không,

Ly khách là người đi. Nếu đã ôm một chí nguyện to lớn thì không thể nào về với hai bàn tay không được.

Thì không bao giờ nói trở lại!

Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.

Khi ra đi mình đã mang một chí nguyện nào đó và nếu không đạt được chí nguyện ấy thì mình sẽ nhất định không trở về. Có một hình ảnh mà tất cả thanh niên Việt Nam thời đó đều tôn thờ đó là hình ảnh của Kinh Kha. Kinh Kha sống ở thời Chiến Quốc, cuối đời Xuân Thu, vào thế kỷ thứ 5 cho đến thế kỷ 13 trước Tây lịch, khi ấy có bảy nước đang tranh chấp nhau. Có hai người anh hùng, một người tên Nhiếp Chính, một người tên là Kinh Kha. Nhiếp Chính là một người anh hùng ẩn thân đời Chiến Quốc đi giết tướng quốc của nước Hàn là Hiệp Lũy, rồi rạch nát mặt, tự vẫn chết để không ai tìm được tung tích. Kinh Kha là người nhận trách nhiệm đi ám sát Tần Thủy Hoàng, ngày Kinh Kha lên đường Thái tử Yên Đan tổ chức lễ tiễn đưa rất lớn vì biết rằng người này đi sẽ không bao giờ trở lại. Tại vì Kinh Kha đã lãnh một sứ mạng rất lớn, đó là phải giết cho được Tần Thủy Hoàng, giết cho được tên bạo chúa. Câu thơ ca ngợi hình ảnh đó người thanh niên Việt Nam thời bấy giờ người nào cũng thuộc:

Phong tiêu tiêu hễ Dịch thủy hàn

Tráng sĩ nhất khứ hễ bất phục hoàn

Nghĩa là gió thổi rờn rợn, nước sông Dịch lạnh lạnh và người tráng sĩ một phen đi thì không bao giờ trở lại. Bây giờ, trong bối cảnh phải đưa tiễn người bạn ra đi cũng vậy, cũng nghĩ tới Kinh Kha.

Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ.

Chí lớn chưa về bàn tay không,

Thì không bao giờ nói trở lại!

Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.

Trước năm 1940 các thi sĩ sáng tác toàn thơ tình, cứ yêu qua yêu lại rồi đau khổ, rồi sầu thương. Nhưng bắt đầu từ năm 1939 - 1940 có sự

thức tỉnh trong giới thanh niên, tỉnh dậy trước thực tại cay đắng, khổ đau đen tối của đất nước, của xã hội. Do đó họ không còn làm những bài thơ theo lối khóc gió thương mây nữa. Bài này là một trong những bài đánh dấu giai đoạn thức tỉnh của người thanh niên Việt Nam thời chống Pháp.

*Ta biết người buồn chiều hôm trước,
Bây giờ mùa hạ, sen nở nốt,
Một chị, hai chị cũng như sen,
Khuyên nốt em trai dòng lệ xót.*

*Ta biết người buồn sáng hôm nay
Trời chưa mùa thu, tươi lắm thay,
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Vo tròn thương tiếc chiếc khăn tay...:*

Buồn chứ sao không buồn, bỏ mẹ, bỏ các em ở lại để ra đi trong khi chưa biết rõ con đường phía trước như thế nào. Không biết mình sẽ làm cái gì? Chỉ biết là mình muốn đi thôi, con đường trước mặt là cả một khu rừng chưa khai phá. Rất là mờ ảo. Con đường cách mạng xã hội của một dân tộc, chưa có cái gì rõ ràng, chưa có gì được chuẩn bị, sắp đặt cả. Người ra đi mang tâm trạng hoang mang, nhớ nhung, luyến tiếc nhưng cố giả vờ dừng dưng “*Một giã gia đình, một dừng dưng*”.

Người đi? Ừ nhỉ! Người đi thực!

Không phải chuyện chơi.

*Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi,
Em thà coi như hơi rượu cay.*

Đi là phải như vậy, thương mẹ bao nhiêu cũng phải đi, thương em bao nhiêu cũng phải đi tại vì chí hướng của người thanh niên là phải lên đường. Sống trong thời đại của mình, mình là một chàng trai, mình là một cô gái, thì mình đại diện cho cả một thế hệ của mình. Mình không đi với tư cách một cá nhân, mình đi với tư cách của cả

một thế hệ. Mình thấy tất cả những người đó trong mình, mình không phải đi đơn độc.

Nguyễn Bính cũng ra đi nhưng trước giạt mình tỉnh thức thì Nguyễn Bính đã nghiện rượu, đã nghiện thuốc phiện. Thời đó thanh niên Hà Nội cũng ăn chơi, cũng lao vào cuộc sống của sự hưởng thụ.

Bài Hành Phương Nam của Nguyễn Bính làm vào khoảng năm 1946 - 1947.

Hai ta lưu lạc phương Nam này

Hai đứa đi vào Nam.

*Trải mấy mùa qua én nhận bay
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Riêng ta với người buồn vậy thay!*

Hai đứa không nhà, không cửa, đi tìm con đường, tìm chí hướng nhưng mà tìm chưa ra, cũng không biết tìm ở đâu nữa, hai đứa cứ làng thang với nhau trong cảnh cô đơn không nhà. Tội nghiệp ghê.

*Lòng nằng xá gì đôi hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say!*

Đã nghiện rượu rồi, đâu có thể không uống được, vì vậy có đồng nào là đem ra uống rượu hết đồng đó. Muốn ra đi lắm nhưng vốn liếng của mình còn nghèo nàn quá, đã vướng vào rượu, vào ma túy rồi thì ý chí còn được bao nhiêu ?

*Lời thề buổi ấy câu Tư Mã
Mà áo khinh cừ không ai may!*

Tư Mã Tương Như là một chàng nhạc sĩ đánh đàn cho Trác Văn Quân nghe, khúc đàn đó là Tư Mã Phụng Cầu. Phụng Cầu Hoàng là con chim Phụng đi tìm con chim Hoàng tức là khúc hát của tình yêu.

*Lời thề buổi ấy câu Tư Mã
Mà áo khinh cừ không ai may.*

Không có ai may cho mình, đan cho mình một chiếc áo để mình có thể ra trận.

*Người giam chí lớn vòng com áo
Ta trói thân vào nợ nước mây*

Vấn đề com áo là vấn đề rất lớn. Nợ nước mây là nói về sự nghiệp của người con trai.

*Ai biết thương nhau từ thuở trước
Bây giờ gặp nhau trong phút giây
Nợ tình chưa trả tròn một món
Sòng đời thua đến trắng hai tay*

Tất cả những cố gắng của mình từ trước đến nay đều thất bại hết từ sự nghiệp cho tới danh vọng.

Nợ tình chưa trả tròn một món

Tình yêu thì không xong mà chí hướng cũng chẳng thành.

*Nợ tình chưa trả tròn một món
Sòng đời thua đến trắng hai tay
Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Ngóảnh lại tha hồ mây trắng bay*

Quê nhà thì ở mãi Hà nội còn mình đang lưu lạc tận miền Nam.

*Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc
Phân tán vì cơn gió bụi này
Người ơi! Buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đây
Vẫn dám tiêu hoang cho đến hết
Ngày mai ra sao rồi sẽ hay*

Trong lòng mình có mang một sứ mệnh lớn muốn ra đi nhưng những tập khí cũ, những thói quen xấu nghiện ngập, yếu đuối cứ trói buộc lấy mình. Nguyễn Bính cũng có nhắc tới Kinh Kha, cũng nhắc tới Nhiếp Chính.

*Ngày mai sáng lạn màu non nước
Cốt nhất làm sao từ buổi này*

Đây là một sự giác ngộ, thi sĩ thấy rằng ngày mai có tươi sáng hay không là do ngày hôm nay quyết định. Nhưng ngày hôm nay như thế nào? Hoàn cảnh của mình, tâm trạng của mình ra sao, và vốn liếng thì đến đâu rồi?

*Ngày mai sáng lạn màu non nước
Cốt nhất làm sao từ buổi này
Rã ruộng châu ngọc, thù son phấn
Mặt đỏ lên rồi, cứ chết ngay*

*Hỡi ơi! Nghiệp Chính mà bầm mặt
Giữa chợ ai người khóc nhận thân?
Kính Kha quán lạnh sâu nghiêng chén
Ai kẻ dâng vàng, ai biếu tay?*

Trước khi lên đường Kính Kha được Thái tử Yên Đan hậu đãi, có một cô thị nữ mang khay trà vào, Kính Kha khen hai bàn tay của cô đẹp quá. Thái tử Đan nghe báo cáo như vậy thì nói với cô thị nữ: *cô tặng cho tráng sĩ hai bàn tay đi*. Rồi sai chặt hai bàn tay cô thị nữ để trên khay rồi mang vào tặng cho Kính Kha. Thái Tử đã hy sinh một mạng người để nung nấu chí hướng của người tráng sĩ.

Ai kẻ dâng vàng, ai biếu tay?

Tráng sĩ nói ưa hai bàn tay đó thì chúng tôi dâng tặng cho tráng sĩ hai bàn tay. Ngày Kính Kha lên đường, đi qua sông Dịch, ba ngàn người mặc đồ tang đến đưa tiễn.

*Mơ gì ấp Tiết thiêu văn tự
Hài cỏ, gươm cùn, ta đi đây*

Đôi giày của mình là giày cỏ, gươm của mình là gươm cùn nhưng người tráng sĩ Nguyễn Bính vẫn không biết đi về đâu?

*Ta đi nhưng biết về đâu chứ?
Đã dấy phong yên khắp bốn trời*

*Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi thế nhân ơi!*

Muốn đi mà không biết đi về đâu! Thôi, nếu không đi thì ở lại uống cho say. Nguyễn Bính có tâm trạng như vậy nhưng rồi cuộc vẫn đi vào chiến khu, phục vụ trong Ủy ban Việt Minh tỉnh bộ tỉnh Rạch Giá và đi vào rừng U Minh phục vụ kháng chiến trong vòng chín năm trời cho đến khi tập kết ra Bắc. Trong thời gian đó Nguyễn Bính cưới một người vợ người miền Nam. Tôi đọc thơ thì thấy rằng thơ kháng chiến, thơ cách mạng của Nguyễn Bính không hay lắm, thơ Nguyễn Bính không hợp với thơ kháng chiến.

Số thanh niên có lý tưởng cách mạng, có lý tưởng kháng chiến ra đi rất là đông nhưng có hàng ngàn người, hàng chục ngàn người, hàng trăm ngàn người đã ngã gục. Không phải giữa súng đạn mà ngã gục trong tổ chức gọi là cách mạng. Điều này không phải chỉ đúng ở Việt Nam mà đúng cho hết tất cả các nước. Trong cuộc cách mạng có sự thủ tiêu lẫn nhau.

Khi ra đi mình mang một lý tưởng rất cao đẹp nhưng khi đã đi vào trong tổ chức, dù là tổ chức cách mạng, thì mình cũng thấy được sự lạm quyền, sự lợi dụng, thói đạo đức giả... Trong hoàn cảnh ấy nỗi khổ, niềm đau của người trẻ rất lớn, muốn lùi lại thì không được mà muốn tiến tới cũng chẳng xong, đi tới đây thì không còn phương hướng nữa. Đi tu cũng vậy, ban đầu mình nghĩ rằng trong tổ chức giáo hội có sự thánh thiện, có hào quang, có sự tốt đẹp nhưng khi đi vào trong tổ chức giáo hội mình cũng có thể thấy được những hư hỏng những tham vọng, những danh lợi, những giả dối, và người xuất gia cũng có thể ngã gục trên bước đường tu của mình.

Quý vị có thể đặt câu hỏi là tại sao tôi không đi vào đảng mà lại đi vào chùa? Đó là câu hỏi rất là hay. Chắc chắn phải có một hạt giống nào đó, phải có một nguyên do nào đó khiến một người thay vì đi vào một đảng chính trị thì lại đi vào một ngôi chùa. Muốn tìm hiểu được điều này thì phải đi vào trong đời sống của dân tộc mình, tại vì mình

có tổ tiên huyết thống nhưng cũng có cả tổ tiên tâm linh và người thanh niên nào cũng có ít nhiều chí hướng cả.

Thái tử Siddhatta cũng có thể đi vào con đường chính trị nhưng Siddhatta đã chọn con đường tâm linh. Trong khi vua Tịnh Phạn rất muốn Siddhatta đi vào con đường chính trị, ông đã đặt hết hy vọng của mình vào Siddhatta nhưng Siddhatta khước từ con đường đó và đi kiếm một lối đi khác. Mình là những người con trai, những người con gái đã không đi làm chính trị mà đi tu là vì mình cũng có cái gì đó giống như Siddhatta. Mình thấy đây cũng là con đường phụng sự, mình hợp với con đường này hơn và mình thấy con đường này đem lại cho mình nhiều sự an tâm, nhiều năng lượng hơn.

Những năm gần đây tôi khám phá ra rằng niềm thao thức, niềm trăn trở ở nơi mỗi người thanh niên phải được nuôi dưỡng, và người thanh niên không thể nào sống một cách thất niệm chôn vùi đời mình trong chuyện ăn chơi được. Thanh niên Việt Nam hồi 1940 đã làm được như vậy, trước tình hình của đất nước họ đã không thể tiếp tục sống cuộc sống quên lãng, ăn chơi. Thanh niên Việt Nam thời đó đã thức dậy, hàng chục ngàn, hàng trăm ngàn người đã đi vào con đường cách mạng nhưng cũng có hàng chục ngàn, hàng trăm ngàn đã ngã gục trên bước đường phục vụ cho cách mạng. Có những thầy trẻ, có những sư cô trẻ đi tu nhưng cũng phục vụ cách mạng và có nhiều người bị bắn chết. Tôi đã mang những người đó trong tôi. Liệu lý tưởng tâm linh có thể đi đôi với lý tưởng cách mạng? Có sự dằn dẳng giữa hai con đường, một là cởi áo tu đi theo cách mạng, hai là tiếp tục giữ áo tu? Câu hỏi đó day dứt trong rất nhiều người tu sĩ trẻ của thời đại 1945 - 1950. Hồi đó tôi có viết bài *Trái Ý Thức Chín Rồi*.

Tuổi trẻ tôi

Trái mơ xanh

Vết răng của em

Gây thành thương tích nhỏ

Những chân răng rúng động

Và nhớ hoài

Nhớ hoài

Đây là tình yêu của tuổi thanh niên.

*Nhưng từ thuở yêu em
Cánh cửa tôi mở rộng trước gió
Thực tại kêu gào cách mạng
Trái ý thức chín rồi
Cánh cửa
Không thể nào còn khép lại*

Đó cũng là tâm trạng chung của những người thanh niên Việt Nam thời 1940. Một khi đã thấy được những đau thương, những khổ nhục của đất nước mình thì không thể nào an tâm để sống một cuộc đời hưởng thụ được nữa.

*Nhưng từ thuở yêu em
Cánh cửa tôi mở rộng trước gió
Thực tại kêu gào cách mạng*

Đòi hỏi cách mạng

*Trái ý thức chín rồi
Cánh cửa
Không thể nào còn khép lại
Lửa
Lửa cháy tràn thế kỷ
Loang lổ núi rừng hoang
Gió thét ngang tai
Bão tuyết bên trời quần quai
Vết thương mùa đông
Vết thương mùa đông nằm nhớ lưỡi thép lạnh
Bồn chồn, trăn trở,
Nhức nhối
Thâu đêm*

Những câu thơ rất ngắn, chỉ có hai chữ, ba chữ. Những hình ảnh vết thương và đêm không ngủ, ôm lấy vết thương đó và nhớ lưỡi gươm đã tạo ra vết thương của mình.

Vết thương mùa đông
Vết thương mùa đông nằm nhớ lưỡi thép lạnh
Bồn chồn, trần trố,
Nhức nhối
Thâu đêm

Mình biết tình trạng của giáo hội và của đất nước thời kỳ ấy như vậy và ký ức đó không thể nào phai mờ được. Mình có một nỗi niềm thao thức, trần trố và chính trần trố đó, thao thức đó đã đưa mình đi tới. Trong hàng vạn người thanh niên đi cách mạng, người nào cũng có niềm trần trố đó nhưng họ đã đi tới đâu? Sau hai năm, sau ba năm, sau năm năm, sau mười năm ý chí của họ bị nhụt đi. Tại vì họ thiếu chất liệu nuôi dưỡng, họ không có đủ tình thương, không có đủ tình người, trong đó có sự tranh đua, có sự đè nén, có sự thủ tiêu. Vì vậy cho nên biết bao người thanh niên bị gục ngã trên con đường cách mạng.

Số thanh niên bị nhụt chí, chùn chân, bị thất vọng trên con đường phụng sự, con đường tranh đấu, rất là đông. Có những người chết âm thầm, có những người chết oan ức, có những người không có cơ hội nói ra được sự thật trong lòng mình. Số người sống âm thầm, chết oan khốc như vậy ở trong các trào lưu cách mạng đông lắm. Nếu quý vị có cơ hội nói chuyện với những người đã ở 10 năm, 20 năm, 40 năm trong cách mạng và nghe họ kể chuyện của họ thì quý vị sẽ thấy được.

Những thao thức, trần trố của mình có thể đưa mình đi tới giai đoạn nào đó trong thời đại nào đó, nhưng nếu mình không được nuôi dưỡng, nuôi dưỡng bằng chất liệu rất cần thiết cho tâm linh thì mình cũng bị khô kiệt tại vì sức người có giới hạn. Vì vậy cho nên chỉ trần trố và thao thức không thôi thì chưa đủ. Trên bước đường cách mạng cũng như trên đường tu học mình phải được nuôi dưỡng, phải có môi trường trong đó mình vừa phấn đấu, vừa được trị lành những thương tích.

Nếu không có môi trường thích hợp, không được nuôi dưỡng thì không thể đi xa được và mình sẽ chết giữa đường, khi ấy chí hướng

của người thanh niên không thể thành tựu được. Nghĩ như vậy thì chúng ta thấy cảm thông cho biết bao nhiêu triệu người thanh niên Việt Nam đã bị ngã gục. Trong nửa đầu thế kỷ 20 vừa qua, những người thanh niên có dư bầu nhiệt huyết, có dư năng lượng của sự chiến đấu nhưng họ lại không được nuôi dưỡng trong môi trường của họ, môi trường của tổ chức, môi trường của đảng, môi trường của xã hội, mà trong đó chỉ có sự giành giật, sự lấn áp, sự thủ tiêu, mà không có đủ sự nâng đỡ, nuôi dưỡng và thương yêu.

Chuyện ngoài đời như vậy mà chuyện trong đạo cũng như vậy, một tổ chức giáo hội cũng có thể có sự hư hỏng, cũng có sự tham nhũng, hủ hóa. Những người lãnh đạo trong giáo hội có thể hoạt động trên cơ sở cái ngã của danh và lợi. Ngoài đời thì họ xôi thịt, danh lợi, còn trong đạo thì có thể “xôi chuối” thôi. Danh lợi trong chùa tuy “chay” hơn nhưng nó vẫn là danh lợi như thường.

Người trẻ khi thấy những người lớn bị vướng vào vòng danh lợi thì họ mất niềm tin, họ không đi tới được và họ cũng “chết” như những người đi làm cách mạng. Biết bao nhiêu người tu cũng đã chết theo cái kiểu đó. Cởi áo tu đi ra đời là gì nếu không phải là cái “chết” của người tu? Bao nhiêu người đã chết trong môi trường của sự tu học? Mình có dư ý chí, có dư sự thao thức, mình có dư sự trăn trở nhưng mình không có được sự nuôi dưỡng, mình không có được sự vỗ về, không có đủ tình thương.

Làm người xuất gia, Tôi đã đi ngang qua những kinh nghiệm đau thương đó, không những ở ngoài đời mà còn trong đạo nữa. Tôi sẽ đọc một bài thơ nói lên thông điệp đó:

*Trán tôi đã từng nhăn
Và ưu tư cuộc đời đã về ghi dấu chân nặng nề
Trên khoảng trời mai ấy
Nhưng trẻ thơ tâm hồn tôi hôm nay trở lại
Hoa lá về trên nụ cười buông thả
Vô tình xóa mờ những nếp nhăn đi*

Nếp nhăn ở trên trán, mình đã đi tu rồi nhưng trên trán cũng có hẳn lên những vết nhăn. Nếp nhăn đó vừa do hoàn cảnh xã hội bên ngoài tạo ra và cũng vừa do hoàn cảnh của giáo đem lại.

*Trán tôi đã từng nhăn
Và ưu tư cuộc đời đã về ghi dấu chân nặng nề
Trên khoảng trời mai ấy*

Vầng trán của người thanh niên là một bình minh nhưng cuộc đời đã ghi dấu nhăn lên trên đó.

Nhưng trẻ thơ tâm hồn tôi hôm nay trở lại

Rồi không biết vì lý do nào đó mà hôm nay những nếp nhăn trên trán biến đi. *Như trẻ thơ tâm hồn tôi hôm nay trở lại*, có nghĩa là tâm hồn tôi hôm nay trở lại như tuổi thơ.

Hoa lá về trên nụ cười buông thả

Mình có thể cười được và vì cười được nên những nếp nhăn trên trán biến đi.

*Hoa lá về trên nụ cười buông thả
Vô tình xóa mờ những nếp nhăn đi
Như mưa chiều nay xóa đi
những dấu chân trên bãi vắng - qua một chu kỳ.
Tôi đi giữa rừng chông gai
như đi giữa vườn kỳ hoa dị thảo*

Đó là một phép lạ, khi mình đi trong rừng chông gai mà mình thấy như mình đi trên vườn kỳ hoa dị thảo.

*Đầu cất cao, nụ cười ngày xưa còn đó
Những vắn thơ đã nổ trong tiếng gào súng đạn
Nước mắt ngày xưa khóc nắng quái chiều hôm
trên chiến trường vàng vọt
Bỗng đã trở thành mưa.
Tiếng mưa rơi êm êm trên mái lá
Quê hương tuổi thơ thăm gọi tôi về*

Mưa xóa đi bao tâm tư sầu muộn

Có những người có quê hương tuổi thơ rất đẹp và khi ấy phải về cầu cứu cái quê hương đó.

*Tôi vẫn còn - nụ cười chiều nay bình lặng
Trái ngọt chín trên cây rừng cay đắng
Ôm xác em thơ, tôi băng qua ruộng lúa quê hương đêm nay*

Biết bao nhiêu người vào nhà thương ôm xác người em của mình, người anh của mình băng qua ruộng lúa.

*Đất mẹ sẽ gìn giữ em
Để trên bãi cỏ xanh non,
sáng mai này em sẽ luân hồi thành những bông hoa mới
Những bông hoa cười trầm lặng trong bình minh đông nội.*

*Giờ phút này em có còn khóc đâu
– qua một đêm dài thăm thẳm sâu
Sáng nay tôi quỳ trên bãi cỏ xanh
khi trông thấy những bông hoa mang nụ cười huyền diệu
Thông điệp của hy sinh của hiểu biết quả đã tới nơi rồi.*

Tôi đã thấy những người bạn tu, những người thanh niên 25 tuổi, 20 tuổi, 18 tuổi, 17 tuổi, 16 tuổi bị bắn chết.

Khi đi tu tức là mình phải nhập vào một đoàn thể và mình đặt hết niềm tin vào đoàn thể đó, nhưng cũng có thể trong đoàn thể đó có người phản bội mình, phản bội lý tưởng của chính họ. Mình đi làm cách mạng, mình phải đặt niềm tin nơi đảng; mình đi tu mình phải niềm tin nơi giáo hội, nhưng đảng có thể phản mình, phản bội lý tưởng của người trẻ; giáo hội có thể phản bội lại niềm tin của người xuất gia trẻ. Tôi sẽ đọc bài “Xin Cúi Đầu Đưa Về”, bài này nói lên những khổ đau của tôi đối với những người trong giáo hội thời bấy giờ.

Nếu đọc bài này mà không để ý thì không thấy được.

Đây hai bàn tay tôi

*Xin trả về cho em
Thành khẩn nguyện cầu xin đừng nghiền nát
Tôi đã trở về, như một kẻ đầu hàng ngoan ngoãn
Dù muôn khổ đau, lòng không oán thán,
Bởi vì dưới ngôi sao em tôi đã sinh ra,
Bởi vì vì em tôi mới sinh ra
Để vạn kiếp làm người trai khờ dại*

Người ta phụ mình nhưng mình vẫn cứ thương. Mình thương Tăng bảo, mình đặt hết niềm tin vào Tăng bảo và Tăng bảo không có đủ “bảo”, Tăng bảo có phần tử vì danh, vì lợi đã phản bội mình, phản bội lý tưởng của mình. Mình gọi là người yêu của mình, mình nói là em, em đây tức là tổ chức giáo hội.

*Đây hai bàn tay tôi
Xin trả về cho em*

Đầu hàng thôi, mình đã bỏ đi rồi nhưng bỏ đi không được phải trở về xây dựng tăng thân, dù tăng thân hư hỏng, dột nát thì vẫn phải trở về để xây dựng lại tăng thân, không có sự lựa chọn thứ hai.

*Đây là hai bàn tay tôi
Xin trả về cho em
Thành khẩn nguyện cầu xin đừng nghiền nát*

hai bàn tay đã từng bị nghiền nát rồi và mình đã băng bó cho lành rồi để bây giờ đem dâng lại. Mình chỉ có hai bàn tay thôi, hai bàn tay của một người trẻ, hai bàn tay để mà thương yêu, để mà xây dựng, đóng góp nhưng bàn tay cứ bị nghiền nát hoài, nên có khi giận, có khi buồn bỏ đi, rồi vì thương nên bị nghiền mà vẫn trở về.

*Đây hai bàn tay tôi
Xin trả về cho em
Thành khẩn nguyện cầu xin đừng nghiền nát
Tôi đã trở về, như một kẻ đầu hàng ngoan ngoãn
Dù muôn khổ đau, lòng không oán thán,
Bởi vì dưới ngôi sao em tôi đã sinh ra,*

*Bởi vì vì em tôi mới sinh ra
Để vạ kiếp làm người trai khờ dại*

Yêu rồi bị phụ tình, phụ tình mà vẫn cứ yêu như thường mới lạ?

*Đây là hai bàn tay tôi
Là trái tim
Là khối óc
Là cuộc đời
Là tất cả những gì còn sót lại
Những bàn tay không mang quyền phép lạ
Nhưng đã hơn một lần nhỏ máu trên cung bậc thương yêu.*

Trên phím Piano đó, trên cây Guitar đó, những ngón tay này đã đàn, những bản nhạc của thương yêu, của phụng sự nhưng những ngón tay đó đã nhỏ máu. Thương hết sức, thương bằng tất cả trái tim của mình chứ không phải là thương sơ sơ.

*Đây là hai bàn tay tôi
Là trái tim
Là khối óc
Là cuộc đời
Là tất cả những gì còn sót lại
Những bàn tay không mang quyền phép lạ
Nhưng đã hơn một lần nhỏ máu trên cung bậc thương yêu.*

Trong Truyện Kiều cũng có câu: “Bốn dây nhỏ máu, năm đầu ngón tay.”

*Những bàn tay không mang quyền phép lạ
Nhưng đã hơn một lần nhỏ máu trên cung bậc thương yêu.*

*Đây hai bàn tay tôi
Xin trả về cho em
Kẻ thương yêu, mẹ dạy, không bao giờ tính toán
Cỏ mọc úa vàng, cũng như hoa hồng đương lú
Thương yêu muôn đời vẫn hạt sương trong*

Người ta có sao thì sao mình vẫn cứ thương như thường.

*Đây hai bàn tay tôi
Xin cúi đầu đưa về
Em nhìn xem: những vết thương ngày xưa vẫn chưa lành dấu máu
Mười ngón đơn sơ hồn em xin đậu
Như những giọt sương ngời đầu ngọn cỏ rung rinh*

Đây là những câu đẹp nhất của bài thơ. Những ngón tay của mình dâng hiến cho lý tưởng, cung đàn của thương yêu, của phụng sự và đầu mình có nhò máu trên năm đầu ngón tay thì mình vẫn phải tiếp tục như thường.

*Đây hai bàn tay tôi
Một kiếp luân hồi chưa xóa nhòa thương tích
Nụ cười còn đây, tôi không bao giờ oán trách
Còn đây tâm hồn thơ đại ngày xưa*

*Đây hai bàn tay xưa
Băng bó vẫn chưa lành
Tôi mang về trả lại
Thành khẩn nguyện cầu xin đừng nghiêng nát
Nguyện cầu mười phương trăng sao chứng minh.*

Những bài thơ này không phải là thơ, những bài thơ này là xương thịt của sự sống hàng ngày. Nếu quý vị có thì giờ tìm đọc truyện ngắn của tôi, câu chuyện “Người Con Trai Khờ Đại.” Dù bị phụ tình hoài mà vẫn cứ trở về như thường. Bí quyết của tôi là chỗ biết rằng mình phải nuôi dưỡng chính mình, đừng để cho nguồn năng lượng của mình bị khô cạn. Tôi viết những câu rất đơn sơ:

*Quê hương tôi là đây
Chỉ có dòng sông, hàng cau, bụi tre, vườn chuối.
Mặt đất dù mang đầy cát bụi
Nhưng trăng sao vẫn đẹp những đêm Rằm*

Tuy trên mặt đất nơi mình đang đứng có nhiều bụi nhưng mỗi khi ngược mặt lên thì mình vẫn tiếp xúc được với trăng sao trên bầu trời.

Vừa có một thế giới của trần lụy, của nhỏ mọn, ganh đua nhưng cũng có một thế giới của tâm linh lung linh đầy màu sắc nếu mình không bỏ cuộc. Nếu không thua cuộc chính là nhờ mình tiếp xúc được với thế giới đó. Có một câu ngạn ngữ nói rằng: “*đừng tự khinh mình*”. Phải biết rằng mình rất quý giá tại vì mình được làm bằng trăng sao. Ở trong ta có trăng sao, có tinh hà.

*Trong tôi có ngọn hùng phong
Vẫn vươn cao, trời mây khói
Trong tôi có một tinh hà chuyển động âm thầm
Những triệu tinh cầu sáng chói*

Trong con người của mình có hai phần, một phần đất bụi và một phần trăng sao. Nhưng mình đừng mặc cảm vì là đất bụi, cũng đừng có tự hào quá vì chất liệu của trăng sao.

*Quê hương tôi là đây
Chỉ có dòng sông, chỉ có hàng cau, bụi tre, vườn chuối.
Mặt trái đất dù mang đầy cát bụi
Nhưng trăng sao vẫn đẹp những đêm Rằm*

Mỗi khi tiếp xúc với những cái trần tục, với những cái hèn mọn, nhỏ nhoi thì mình đừng quên rằng trăng sao vẫn còn đó, chỉ cần ngẩng đầu lên thì sẽ thấy năng lượng, niềm tin của mình không hề mất đi. Đây là chuyện rất quan trọng đối với người tu. Cho nên có một bài thơ tôi đã tự nhắc lại cho mình cái câu đó, nó giống như là ngẫu nhiên mà không phải ngẫu nhiên. Đó là bài Tươi Son Bền Sắt, hãy giữ cho mình được tươi như là một thỏi son, bền vững như một thanh sắt:

*Trăng sao vẫn đẹp đêm Rằm
Bãi dương vẫn mượt, sóng từng vẫn xao*

Khi tiếp xúc với những khổ đau, tuyệt vọng, mình có thể đánh mất thăng bằng, vì vậy phải tìm cách thiết lập lại sự thăng bằng để vượt qua giai đoạn của cơn bão tố đó.

*Trăng sao vẫn đẹp trăng Rằm
Bãi dương vẫn mượt, sóng từng vẫn xao*

Có những bãi từng rất lớn, khi gió thổi từng như là sóng.

*Lòng quê dù có khát khao
Hoa mai vẫn cứ đôi cao gọi mời
Tháng tư lá lục hoa cười
Cho trăng thêm tuổi, cho đôi thêm xuân
Vườn xanh cây mướt trở bông
Trẻ thơ đùa giỡn trước sân nắng đào
Chợ Văn bán sách lâu cao
Muỗi dưa đắp đôi hôm nào cũng vui*

Đây là năm 1975, là thời điểm tất cả các cơ sở của giáo hội, tất cả những hoạt động văn hóa xã hội bị ngưng hết điều này đã gây ra rất nhiều khổ đau cho đất nước, cho những người đồng hành trên con đường tu học. Vì vậy, trong lúc đó nếu muốn sống sót phải biết nhìn lên, nhìn lên để tiếp xúc với trăng sao. Những câu thơ này không phải để ca tụng trăng sao đẹp, ca tụng bãi dương, sóng từng, ca tụng hoa mai, ca tụng tháng tư, trường ca Avril mà là để nhắc cho mình rằng ngoài bình diện của khổ đau, của tuyệt vọng thì còn có bình diện của sự nhiệm mầu của trăng sao. Những hình ảnh đó không làm cho mình tuyệt vọng, những hình ảnh đó nó nuôi dưỡng mình. Bài này tôi viết ở Phương Vân Am.

*Chợ Văn bán sách lâu cao
Muỗi dưa đắp đôi hôm nào cũng vui*

Hồi đó thầy trò xuất bản sách và bán sách.

*Xót quê lòng cũng ngậm ngùi
Tin quê đồn dập tới lui chẳng ngừng
Chùa xưa vắng tiếng chuông ngân
Trẻ kia cha mẹ gởi thân tù đầy
Văn nhân nghệ sĩ bó tay
Con thơ nheo nhóc chẳng ai ngó ngang
Sóng xô nghiêng vịnh Thái Lan
Bao nhiêu tuổi ngọc chìm làn nước sâu*

Cái bi kịch của thuyền nhân, cái bi kịch của các chùa bị đóng cửa và các thầy bị đi học tập cải tạo thì chỉ có tám câu thôi nhưng vì tám câu đó nên mới có mười hai câu trước và nếu không có mười hai câu trước thì tám câu kia nó sẽ làm cho mình ngã quy.

*Chùa xưa vắng tiếng chuông ngân
Trẻ kia cha mẹ gởi thân tù đầy
Văn nhân nghệ sĩ bó tay
Con thơ neho nhóc chẳng ai ngó ngang
Sóng xô nghiêng vịnh Thái Lan
Bao nhiêu tuổi ngọc chìm làn nước sâu*

Trong tình trạng đó mình chưa tìm ra cách nào để có thể nâng đỡ cho những người đang kẹt vào trong tình huống khổ đau đó, tại vì bao nhiêu công tác của mình ở nhà đều bị ngưng lại hết. Không những người tu sĩ mà là người cư sĩ cũng vậy, không những nhà chính trị, những nhà văn hóa mà những nhà nghệ sĩ đều bị đi vô tù hết.

*Tấm thương, lòng vẫn nguyện cầu
Nỗi đau đường ấy, làm sao đỡ dần?*

Nỗi đau khổ quá lớn, trong khi đó thì mình không được phép làm gì để yểm trợ, giúp đỡ. Có cái gì giống như là niềm tuyệt vọng và đó là giai đoạn khó khăn mà mình phải đi ngang qua. Khi ấy phải cầu cứu tới trăng sao, cầu cứu tới hoa mai, cầu cứu tới trẻ thơ.

*Trước sau xin chớ ngại ngần
Những bàn tay ấy tình thâm vẫn tròn
Giữ cho bền sắt tươi son
Giữ cho tâm lặng giữa cơn ba đào*

Rất là tuyệt vời, *giữ cho bền sắt tươi son*, cho bền, cho tươi, hai cái đó là sắt là son. Son thì luôn luôn là đỏ thắm và sắt thì luôn luôn bền vững, đó là bản chất của người tu, đó là bản chất của nhà cách mạng.

Siddhatta có những đêm ngồi trong rừng, sức khỏe hao mòn gần như tuyệt vọng, ban đêm ngồi thiền dưới gốc cây, nghe một cành cây khô gãy, tưởng tượng là có con trăn đang trườn tới làm gãy. Có tiếng lá

khô xào xạc, tưởng tượng là có một con cạp đang từ từ tiến lại. Siddhatta xa hoàng cung đã bốn năm, năm năm mà vẫn chưa làm nên một công trạng gì hết, giờ này thì vẫn đang ngồi một mình trong rừng, còn những người bạn đồng tu đã bỏ chàng đi hết, những lúc đó thật là khó khăn, nếu không có son, không có sắt thì không thể nào tiếp tục được.

*Giữ cho bền sắt tươi son
Giữ cho tâm lặng giữa cơn ba đào
Còn đây nắng gọi đôi cao
Còn đây những gốc anh đào trước sân
Còn đây trăng đẹp đêm Rằm
Còn đây dương mướt sóng từng năm xưa*

Bài thơ này là một chứng tích của một cuộc tranh đấu nội tâm để mình có thể đứng vững trên con đường của mình.

Bây giờ mời đại chúng nghe bài “Thơ Từng Ôm và Mặt Trời Từng Hạt”. Bài thơ này nếu không quen thì sẽ thấy nó hơi lạ, cố nhiên không quen thì là lạ rồi, tại vì không biết tác giả muốn nói gì trong này.

*Nắng trên không gian và thơ trên nắng
Thơ làm ra nắng nắng ra thơ*

Đây có phải là những suy luận triết học? Hay thi sĩ muốn diễn bày một giáo lý nào đó?

Nắng trên không gian và thơ trên nắng

Thơ là một cái gì rất là hiện thực. Thơ là nỗi khổ, niềm đau; thơ là hy vọng, là niềm vui; thơ là sự giải thoát. Có thơ vào tất cả đều thay đổi hết.

Nắng trên không gian và thơ trên nắng

Nếu không có thơ trên nắng thì nắng không còn là nắng nữa và mình sẽ không thấy mình, nhờ thơ mình còn thấy được nắng, cho nên có nắng là có thơ và có thơ là có nắng, nắng và thơ tương tức.

*Thơ làm ra nằng nằng ra thơ
Mặt trời cất chứa trong lòng trái khỗ qua
Thơ bốc thành hơi trên bát canh mùa Đông,
trong khi bên ngoài gió hú
Thơ theo gió đi về cồn xưa bãi cũ
Mái tranh nghèo còn đứng đợi ven sông*

Có đủ hết trong này. Mùa hè mình trồng rau và có thể khỗ qua ra trái nhiều quá ăn không hết, mình đem để dành trong tủ đá. Vào mùa Đông, khoảng tháng giêng mình đem ra để nấu canh. Mình thấy rõ ràng rằng trời lạnh như vậy, mặt trời đi vắng luôn cả tháng không chịu xuất hiện, nhưng mình vẫn thấy được mặt trời ở trong trái khỗ qua, trái khỗ qua đã giữ mặt trời lại cho mình, mình chứa mặt trời ở trong tủ đá và bây giờ mình lấy khỗ qua ra thì khỗ qua nói: *Ở trong tôi có mặt trời*. Mặt trời đâu phải chỉ ở ngoài, nó có cả ở trong nữa.

Mặt trời cất chứa trong lòng trái khỗ qua

Nếu không có mặt trời thì làm sao có trái khỗ qua?

*Thơ bốc thành hơi trên bát canh mùa Đông,
trong khi bên ngoài gió hú*

Có khỗ qua tức là có thơ rồi, có khỗ qua là có bát canh mùa đông và bát canh đó bốc hơi lên. Thơ là đó chứ thơ ở đâu nữa?

*Thơ bốc thành hơi trên bát canh mùa Đông,
trong khi bên ngoài gió hú*

Mùa Đông ở Làng Mai có nhiều khi như vậy, mùa Đông năm nay rất lạnh. Có những mùa Đông cứ mưa, mưa, mưa hoài... không thấy mặt trời đâu hết, chỉ thấy một màu xám xịt và gió hun hút.

Thơ theo gió thì mình nghe gió, đi theo gió, gió đi đâu, mình đi đó. Thơ theo gió, đi đâu? Đi về cồn xưa bãi cũ và mình thấy.

Mái tranh nghèo còn đứng đợi ven sông

Lời thề của mình năm xưa nó còn, nhìn lên trời không hồ câu vàng đá. Khi ra đi, cũng như Siddhatta, mình đã phát lời nguyện lớn, bây giờ nhìn lên trời, mình không thấy hồ thẹn với lòng, tại vì đời sống của mình không có giây phút nào trong đời sống hàng ngày mà mình phản lại lời thề năm xưa. Mình vẫn còn là mình. Anh vẫn còn là anh chứ? Chị vẫn còn là chị chứ? Em vẫn còn là em chứ? Mình đã phản bội mình chưa? Mình đã phản bội lại cái câu gọi là đá vàng năm ấy chưa?

Thấy trăng chẳng thẹn lời nguyện non sông

Tại vì ngày xưa, trăng sao đều chứng giám cho lời nguyện của mình. Làm sao để nhìn trăng mà không thấy mắc cỡ? Trong Kiều có câu:

Thấy trăng mà thẹn những lời non sông

Lời thề non sông là gì? Là lời nguyện khi mình đi xuất gia, mình đã hủ hóa chưa? Mình đã phản bội lý tưởng xuất gia của mình chưa? Mình đã để Bồ đề tâm của mình chết rũ chưa?

Thơ theo gió đi về cồn xưa bãi cũ.

Vẫn canh cánh bên lòng. Tình trạng xã hội, tình trạng đất nước, tình trạng quê hương, nó vẫn còn là đối tượng, chí hướng của người xuất gia, cho nên trong vùng tâm thức đó, mái tranh nghèo năm xưa bên bờ sông nó hiện ra và nói: Tôi vẫn đang chờ đợi. Mình chưa phản bội lời thề năm cũ. Trong khi ăn bát canh ở cái vùng rất xa lạ, thơ của mình chợt sống dậy, thơ của mình đi theo gió và gió đưa mình về ven sông để thấy được mái tranh nghèo còn đứng đợi. Mình chưa phản bội, mình chưa bao giờ phản bội.

Lời nguyện xưa còn nguyên vẹn như trái tim ban đầu.

Thơ nơi từng giọt mưa Xuân

Thơ trong từng đốm lửa hồng

Mưa Xuân có đó, lửa hồng có đó và thơ bao giờ cũng còn đó. Thơ là chất liệu của lý tưởng, thơ là sự sống của từng giây, từng phút.

Nắng cất chứa trong lòng gỗ thơm.

Khi mình lấy ra một thanh gỗ để bỏ vào lò sưởi, mình phải thấy rõ ràng đó là nắng, tại vì mình cần năng lượng của mặt trời để sưởi ấm, bây giờ mặt trời bị mây che lấp thì thanh củi này nó đại diện cho mặt trời vì thanh gỗ chứa mặt trời trong đó.

Nắng cất chứa trong lòng gỗ thơm.

Khói ấm đưa thơ về trên trang ngoại sử

Nhờ sức ấm của mặt trời từ gỗ thơm đưa ra mà mình ngồi đó và mình viết được những trang của tác phẩm “Am Mây Ngủ”. “Am Mây Ngủ” là một ngoại sử, một truyện thuộc lịch sử nhưng mà không phải là chính sử. Vì vậy cho nên mặt trời, trái khố qua, bát canh mùa đông bốc hơi lên là những nguyên tố làm ra tác phẩm “Am Mây Ngủ”, tác phẩm viết về Trúc Lâm Đại Sĩ và công chúa Huyền Trân.

Nắng cất chứa trong lòng gỗ thơm

Khói ấm đưa thơ về trên trang ngoại sử

*Nắng vắng trong hư không,
nhưng nắng chắt đây một lò sưởi đỏ.*

Ai nói là không có nắng? Nắng trong trái khố qua, nắng trong lò sưởi.

Nắng lên thành mầu Khói, thơ đọng lại thành mầu Sương.

Không có sự xa cách nào hết, nắng luôn luôn có đó cho mình và vì vậy thơ cũng luôn luôn có mặt.

Nắng cất chứa trong lòng gỗ thơm

Khói ấm đưa thơ về trên trang ngoại sử

*Nắng vắng trong hư không,
nhưng nắng chắt đây một lò sưởi đỏ.*

*Nắng lên thành mầu Khói,
thơ đọng thành mầu Sương*

Nắng cất giữ trong từng hạt mưa Xuân

Giọt nước cúi xuống hôn đất, cho hạt cây nảy mầm

Thơ đi theo mưa, về trên từng đợt lá

Nắng thành màu xanh, thơ màu hồng

Thơ cũng có màu và nắng không phải chỉ là màu vàng hay là màu đỏ. Nắng có thể là màu xanh. Mình là người tu thì mình có khả năng thấy được nắng trong màu xanh. Tại vì nếu không có nắng thì làm sao có màu xanh của cây cỏ? Cho nên thấy màu xanh của cây cỏ là phải thấy nắng, không thấy như vậy thì không thấy được duyên sinh mà không thấy được duyên sinh thì không thấy được Bụt, đầu cho mình vào chánh điện một ngày mười lần cũng vậy. Cho nên mình phải thấy nắng là màu xanh và mình phải thấy nắng trong những màu khác, mình phải thấy thơ màu hồng và thơ thêm nhiều màu sắc khác nữa.

Nắng chở trên cánh ong tới trú ẩn lên đài hoa

Khi con ong bay, nó chở những tia nắng trên đôi cánh và khi nó bay tới bông hoa thì nó trú nắng lên trên đài hoa.

Nắng chở trên cánh ong tới trú ẩn lên đài hoa

Thơ theo nắng về rừng xa uống mật

Có những tổ ong trong rừng và thơ theo nắng về rừng xa uống mật. Tại vì hoa với ong vốn gần nhau lắm. Hoa, ong với mật là một cho nên thơ mà đi theo nắng thì thơ thế nào cũng theo ong, mà thơ đi theo ong thì thơ thế nào cũng về rừng và thơ thành mật.

Nắng chở trên cánh Ong tới trú Ẩm lên đài hoa

Thơ theo nắng về rừng xa uống Mật

Tưng bừng, xôn xao, bướm ong về chập đất

Nắng làm nên khúc múa, thơ làm nên lời ca

Chiều nay, trong buổi văn nghệ các sư cô có múa và cái đó do thơ làm ra hết. Nắng làm nên khúc Múa. Ta thử nghĩ xem cái gì làm nên khúc múa nữa? Nếu không phải là nắng, nếu không có nắng thì làm sao quý vị múa được? Nếu trong quý vị không có nắng và không có thơ và không có khổ qua thì làm sao múa được?

Nắng làm nên khúc múa, thơ làm nên lời ca

Mồ hôi giọt xuống đất khô, thơ bay trên luống cày

Thơ bây giờ trở thành mồ hôi của người nông dân, nhỏ từng giọt xuống đất khô.

*Cán cuốc trên vai, thơ vào ra theo nhịp thở
Nắng rụng bên sông, bóng chiều ngập ngừng bờ ngõ
Thơ đi về chân trời, nơi vầng sáng đang đắp chăn mây*

Chăn mây là cái mền làm bằng mây, đắp cho một người sắp đi ngủ và người đó là mặt trời. Mặt trời sắp đi ngủ và mây làm cái mền đắp cho mặt trời.

*Mặt trời xanh ròn một rổ rau tươi
Mặt trời dẻo thơm trong bát cơm gạo Tám*

Các vị có thấy rằng nắng màu xanh, nhìn vào rổ rau tươi đó mình thấy mặt trời. Mình chưa nhìn thấy mặt trời trong rổ rau xanh là mình chưa thấy rau mà cũng chưa thấy mặt trời. Người tu là người quán chiếu về tự tánh duyên khởi, người tu nhìn vào rổ rau xanh là thấy được mặt trời và thấy được mặt trời thì mới thật sự thấy được rổ rau xanh, còn không thấy được như vậy thì không thật thấy cái gì hết.

Việt Nam có gạo Tám thơm rất ngon, khi nhai hạt cơm gạo Tám thơm là thấy như mình nhai mặt trời, còn nếu không thấy tức là mình đang ăn trong thất niệm, ăn trong thất niệm tội lắm đó! Thế nào quý vị cũng đã từng được ăn cơm gạo Tám rồi mà quý vị không biết rằng mình đã ăn cơm gạo Tám. Có ai nói mặt trời dẻo thơm không?

*Thơ trong ánh mắt em thơ,
thơ trong màu da nắng sạm
Thơ nơi từng cái Nhìn chăm chú
Thơ nơi từng bàn tay vun xới miền đồng chua nước mặn xa xăm*

Đã là người tu thì phải nhìn với con mắt chánh niệm, phải có định lực, nhìn chăm chú, sâu sắc để có thể thấy hết được chân tướng của sự vật. Nhìn rổ rau phải thấy được mặt trời, thấy được nắng, mưa. Muốn như vậy thì phải thực tập chánh niệm trong mỗi giây phút của đời sống hàng ngày.

*Mặt trời cười tươi trên bông hướng dương
Mặt trời trĩu nặng nơi trái đào Tiên tháng tám*

Mình đã đi tới tháng tám rồi.

Thơ nơi từng bước chân thiên quán

Nếu mà sư chú bước những bước chân có chánh niệm là sư chú đang làm thơ, nếu mà sư cô đang nhìn với ánh mắt của chánh niệm là sư cô đang làm thơ. Và sáu năm mà Siddhatta ở trong rừng để tu tập khổ hạnh là sáu năm làm thơ và nguồn thơ đó nó đã tỏa chiếu, nó đã trôi về cho nhân loại trong suốt 2500 năm.

Thơ nơi từng dòng chữ

Dòng chữ của cái gì ? Dòng chữ của những trang sách ngoại sử.

Thơ nơi từng nắp hộp kín đáo nuôi tình Thương.

Hồi đó, trước tình hình của đất nước chúng tôi không làm được gì nhiều về phương diện cứu trợ xã hội. Khi ấy đang ở nước ngoài, tuy không thể gửi tiền về cho những người nghèo được nhưng mỗi ngày thầy trò đều gói những gói quà gửi về Việt Nam với danh nghĩa là thân nhân. Ai cũng biết rằng thuốc Tây thời đó có giá trị kinh tế cao nên thầy trò đã gửi những hộp thuốc Tây về và biết rằng những loại thuốc nào thì người nhận có thể giữ lại một hộp để uống còn những hộp thuốc khác đều đem bán để lấy tiền để mua gạo và mua thức ăn.

Có biết bao nhiêu người cần được cứu trợ mà ở nhà chưa có thuốc tây, hồi đó đất nước bị phong tỏa nên thuốc men rất thiếu thốn, người dân chỉ dùng toàn thuốc dân tộc, chưa có "thuốc phi dân tộc" mà thiên hạ lúc ấy rất cần những "thuốc phi dân tộc" như: vitamin B, B1, B6, B12. Đối tượng mà thầy trò tôi gửi những thùng thuốc ấy là những gia đình có người đi học tập cải tạo, cho những trẻ em đói, cho các gia đình văn nghệ sĩ. Khi nhận được những gói quà này thì các gia đình có thể sống được trong ba tháng hay là bốn tháng và cũng có thể có phương tiện đi thăm nuôi những người đang ở trong tù hay trong các trại học tập cải tạo.

Hồi ấy người ta chưa vượt biên nhiều, chưa có thuyền nhân nhiều, chưa có đồng bào ở Cali, ở Pháp để có thể gửi tiền về cho người thân của họ, nhưng mình đã "sản xuất" ra không biết bao nhiêu là "thân thân nước ngoài". Theo luật lúc đó thì mỗi gói quà gửi về chỉ được tối đa là 1 kg, cho nên mình đã chọn những loại thuốc có thể bán được tiền nhiều nhất và trong những nắp hộp đề có ghi lời căn dặn: "*Thuốc này rất quý, thuốc này phải bán với giá này mới không bị lỗ, còn cái hộp này có thể giữ lại để trị bệnh cho gia đình và phải uống như thế này, thế này...*" Người nhận được hướng dẫn rất kỹ cách sử dụng để có thể vừa trị bệnh cho gia đình vừa mua được gạo mà cầm cự sống sót qua mấy tháng trước khi nhận được một gói quà mới.

Bưu điện mỗi ngày nhận hàng trăm gói quà như vậy và họ rất lấy là lạ. Những gói quà gửi về Hà Nội, Huế cho tới Sài Gòn. Thầy trò chúng tôi đều thực tập chuyện gói quà, lấy dây để cột và viết những hàng hướng dẫn trên nắp hộp một cách rất khéo để không bị hiểu lầm là bức thư có tính cách chính trị.

Người họ Đào thì có thân nhân họ Đào ở bên này gửi về, người họ Lê thì có thân nhân người họ Lê gửi về, toàn những cái thân, cái tên hóa ra hết. Vì vậy mình cần rất nhiều hóa danh và hóa thân, ví dụ ở bên kia là Đào Duy Từ thì bên này có cháu là Đào thị Mây, bên kia là Lê Thương thì bên này là Lê thị Phương Hương.

Như một phép lạ, có những văn nghệ sĩ đã buông bút, không sáng tác nữa vậy mà khi nhận được những gói quà và những lời thăm hỏi khơi gợi cảm hứng, đã thúc đẩy họ sáng tác trở lại. Thầy trò làm việc dưới sự chỉ huy của sư cô Chân Không, sư cô rất giỏi về lĩnh vực này, sư cô biết rất rõ thuốc này là thuốc nào, đáng giá bao nhiêu, làm sao để không bị đánh lừa, làm sao để bán được với giá cao nhất và những điều đó đều được ghi lại trong những bức thư.

Thơ từng bước chân nơi thiên quán

Thơ nơi từng dòng chữ

Thơ nơi từng nắp hộp kín đáo nuôi tình Thương

Hồi ấy phải làm một cách rất là kín đáo, để không ai biết là mình làm việc cứu trợ xã hội. Làm kín đáo thì bên kia mới có an ninh và việc làm này hoàn toàn không có danh, có lợi gì hết. Mỗi tuần thầy trò nhin đói một buổi chiều để nhớ là bên quê nhà dân mình đang đói khổ. Tôi nhớ là thầy trò tôi đã sống một cách rất xứng đáng trong thời gian đó và vượt thắng được những thất vọng, những u buồn, những gánh nặng bằng phương pháp tiếp xúc với những màu nhiệm của sự sống và nuôi lớn tình thương ở trong trái tim của mình, chớ không để cho nó khô héo và chết dần chết mòn.

Trong cuộc đời có những lúc chúng ta rơi vào tình trạng bế tắc, không biết mình có thể làm được gì nhưng một khi đã tìm ra được một vài việc có thể giúp cho chí hướng phục vụ, chí hướng thương yêu được biểu hiện thì trong người mình bỗng cảm thấy nhẹ nhàng và mình có thể sống vui được trong hoàn cảnh đó, còn nếu như khi ấy mình bị hoàn cảnh chi phối, mình sống một cách bất động không tìm ra con đường nào để đi hết thì rất là khó sống.

Nếu không có thơ, nếu không có năng, nếu không có bát canh khổ qua, nếu không có hoàng hôn, nếu không có những bước chân thiền quán, nếu không có những dòng ngoại sử, nếu không có những nắp hộp để mình dần trải tình thương của mình vào đó thì làm sao mình sống được? Và đó là nuôi tình thương. Tình thương ở đâu mà nuôi? Tình thương bên nhà hay là bên này? Tình thương nằm trong trái tim mình và mình phải nuôi tình thương thì mình mới sống được. Chừng nào tình thương của mình chết là chừng đó mình cũng chết luôn. Bởi vậy, người tu là người phải biết nuôi tình thương và có khi phải nuôi cho kín đáo, đừng có rầm rộ.

Ngoài ra cũng phải nuôi mình bằng thơ nữa nếu không mình cũng sẽ chết.

Bài thơ này có tựa đề là Thơ Từng Ôm và Mặt Trời Từng Hạt. Thường thường người ta nhìn mặt trời như những luồng ánh sáng nhưng ở đây mình thấy từng hạt. Tại vì không có mặt trời thì làm sao mà nước bốc thành hơi, hơi trở thành mây và đến khi mây nặng thì hóa thành

mưa rơi xuống dưới dạng những hạt nước và mình phải thấy trong những hạt mưa có mặt của mặt trời. Vì vậy mặt trời có thể thấy được từng hạt và thơ có thể thấy từng ôm, ta dễ thấy một ôm hoa hay một ôm lá nhưng ta cũng thấy được một ôm mặt trời. Mình đã rất nhiều lần ôm từng ôm mặt trời đưa vào trong nhà, chất lại, nó là những ôm củi, tại vì trong những ôm củi đó có chất chứa mặt trời bên trong.

Bài “Thơ từng ôm và mặt trời từng hạt” sử dụng một hình ảnh màu nhiệm của tương tức và tương tục để nói lên nếp sống lý tưởng của mình. Tuy không có mục đích để nói, nhưng tự thơ đã phản ánh lại sự sống hàng ngày của mình và bài thơ nào cũng có chất liệu của sự nuôi dưỡng.

Nếu tình thương của anh, của chị không được nuôi dưỡng thì anh, chị sẽ chết. Chết với tư cách của một người làm cách mạng, chết với tư cách của một người tu. Vì vậy phải tự lo liệu cái thân của mình mà lo cho thân mình tức là lo cho lý tưởng của mình, lo cho tăng thân của mình. Đừng bao giờ để cho mình bị khô cạn, bị đốt cháy, đừng để cho khổ đau tiêu diệt mình, đừng để cho tuyệt vọng xâm chiếm mình. Cuộc đời của người đi tu cũng không khác gì cuộc đời của một nhà cách mạng. Biết bao nhà cách mạng đã ngã gục trên con đường lý tưởng của mình, biết bao người tu cũng ngã gục trên con đường lý tưởng của mình. Vì vậy cho nên cả người cách mạng, cả người tu đều phải biết giữ gìn thân tâm, phải biết thương lấy mình, đó là kinh nghiệm của tôi. Biết tự nuôi dưỡng thân tâm thì mới có thể đi xa được. Phải ngược lên để trông thấy trăng sao, mà đừng đòi về với cát bụi.

Giá trị của mình không phải nằm ở chỗ mang nhiều khắc khoải, thao thức. Nếu anh chị không có nỗi thao thức trong lòng để đi tới thì anh chị cũng chết. Nhưng nếu anh chị bồn trồn khắc khoải lắm anh chị cũng chết. Giá trị của mình là ở chỗ biết giữ gìn thân tâm, nuôi dưỡng tình thương để gìn giữ cho năng lực đừng cạn kiệt

12.02.2002 Làng Mai – Pháp

Hành phương nam

Hai ta lưu lạc phương Nam này
Đã mấy mùa qua én nhận bay
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Riêng ta với người buồn vậy thay!

Lòng đắng xá chi muôn hớp rượu
Mà không uống cạn mà không say!
Lời thề buổi ấy cầu Tư Mã
Mà áo khinh cừu chưa ai may!

Người giam chi khí vòng còm áo
Ta trói thân vào lụy nước mây
Ai biết thương nhau từ buổi trước
Bây giờ gặp nhau trong phút giây

Nợ thế, trả chưa tròn một món
Sòng đời, thua đến trắng hai tay
Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay

Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc
Ly tán vì cơn gió bụi này
Người ơi! Buồn lắm mà không khóc
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy
Vẫn dám ăn tiêu cho đến hết
Ngày mai ra sao rồi sẽ hay
Ngày mai, có nghĩa gì đâu nhỉ?
Cốt nhất cười vui trọn tối nay
Rẫy ruộng châu ngọc, thù son phấn
Mất đồ lên rồi, cứ chết ngay.

Hỡi ơi! Nhiếp Chính mà băm mặt
Giữa chợ ai người khóc nhận thầy?
Kính Kha quán lạnh sâu nghiêng chén
Ai kẻ dâng vàng, ai biếu tay?

Mơ gì ấp Tiệt thiêu văn tự
Giày cỏ, gươm cùn, ta đi đây

Ta đi nhưng biết về đâu chứ?
Đã dấy phong yên khắp bốn trời
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi thế nhân ơi!

Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ
Ta với nhà người cả tiếng cười
Dần chén hắt cao đầu cỏ dại
Hát rằng phương Nam ta với người
Người ơi! Người ơi! Hề người ơi!
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi!

Nguyễn Bính (Đa Kao, 1943)

Nguyễn Bính (1918 – 1966)



Nguyễn Bính sinh vào năm 1918 với tên thật **Nguyễn Trọng Bính** tại xóm Trạm, thôn Thiện Vịnh, xã Đồng Đội nay là xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam Ninh nay là tỉnh Nam Định.

Thuở nhỏ Nguyễn Bính không được đi học ở trường mà chỉ được học ở nhà với cha là ông đồ nho Nguyễn Đạo Bình và người cậu ruột là Bùi Trinh Khiêm dạy kèm. Ông mồ côi mẹ rất sớm, gia đình túng quẫn, lên 10 tuổi đã phải theo anh là Nguyễn Mạnh Phác ra Hà Nội sinh sống. Thời gian này ông được người anh dạy học ở nhà. Năm 13 tuổi ông đã bắt đầu làm thơ và năm 1937 được giải khuyến khích về thơ của nhóm Tự Lực Văn Đoàn với tập thơ *Tâm hồn tôi*. Những năm đầu thập niên 1940, Nguyễn Bính nhiều lần lưu lạc vào miền Nam và đổi tên là **Nguyễn Bính Thuyết**. Năm 1943, Nguyễn Bính lại đi vào miền Nam lần thứ ba và đã gặp Đông Hồ, Kiên Giang. Đó là thời ông viết những bài

Hành Phương Nam, Tặng Kiên Giang, Từ Độ Về Đây... Chính vì vậy ông được gọi là "thi sỹ giang hồ".

Năm 1947, Nguyễn Bính tham gia kháng chiến chống Pháp ở miền Nam. Đến năm 1954, khi Hiệp định Genève chia đôi đất nước, Nguyễn Bính tập kết về Bắc năm 1955 và được bố trí phục vụ trong Hội Nhà Văn ở Hà Nội một thời gian. Năm 1956, ông được giao nhiệm vụ phụ trách tờ Trăm Hoa và tham gia vào phong trào Nhân văn - Giai phẩm. Đến năm 1958, bị buộc chuyển về tỉnh nhà Nam Định phục vụ trong Ty Văn hoá Nam Định cho đến khi mất.

Nguyễn Bính mất ngày 20 tháng 1 năm 1966, để lại cho đời nhiều tác phẩm tiêu biểu: các tập thơ *Lỡ Bước Sang Ngang* (1940), *Tâm Hồn Tôi* (1940), *Hương Cốt Nhân* (1941), *Mây Tần* (1942), *Người Con Gái Ở Lầu Hoa* (1942), *Tình Nghĩa Đôi Ta* (1960), *Tuyển Tập Nguyễn Bính* (1984); kịch thơ *Bóng Giai Nhân* (1942); truyện thơ *Truyện Tỳ Bà* (1944)...

Tổng biệt hành

(Thâm tâm)

*Đưa người ta không đưa qua sông
Sao nghe tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm không vàng vọt
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong?*

*Đưa người ta chỉ đưa người ấy
Một già gia đình, một dưng dưng.
Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ
Chí lớn không về, bàn tay không
Thì không bao giờ nói trở lại
Ba năm mẹ già cũng đành mong.*

*Ta biết người buồn chiều hôm trước
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt
Một chị, hai chị cũng như sen
Khuyên nốt em trai giòng lệ sót*

*Ta biết người buồn sáng hôm nay
Trời chưa vào thu tươi lắm thay
Em nhỏ thơ ngây đôi mắt ướt
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay.*

*Người đi? Ừ nhỉ, người đi thật
Mẹ! thà coi như chiếc lá bay
Chị! thà coi như là hạt bụi
Em! ừ xem như hơi rượu cay*

Nguyễn Bính – Hoa với rượu

Còn ba giờ đồng hồ nữa, chùa Tổ - Chùa Từ Hiếu, Việt Nam - sẽ nổi chuông trống Bát Nhã đón mừng năm mới. Chúng ta vừa được thưởng thức ca khúc do sư cô Quy Nghiêm sáng tác cách đây mười năm. Trong bài hát này có câu rất đáng chú ý: *Ta vẫn có ngày mai, ta vẫn còn quá khứ nên hôm nay ta vẫn sống nhẹ nhàng.*

An trú trong giây phút hiện tại là sự thực tập của Làng Mai. Vì an trú trong giây phút hiện tại, mình tiếp xúc được với những màu nhiệm của sự sống trong mình và chung quanh mình. Hiện tại được làm bằng quá khứ và cũng được làm bằng tương lai. Hiện tại không có cái ngã riêng biệt nên hiện tại được làm bằng những yếu tố không phải là hiện tại. Do vậy, quá khứ đóng một vai trò khá quan trọng trong sự góp mặt tạo nên hiện tại. Nếu chúng ta chưa có một quá khứ, chúng ta cần xây dựng quá khứ. Bởi bất kì người nào cũng cần dựa trên một quá khứ, gia đình nào cũng phải dựa trên quá khứ, dân tộc, đất nước nào cũng phải có một quá khứ để mà dựa. Mình có thể xây dựng một quá khứ vững chắc làm chỗ dựa cho chính bản thân bằng cách sống của mình trong hiện tại.

Người ta thường nói xây dựng tương lai chứ không ai nói xây dựng quá khứ, tại vì quá khứ đã đi qua, nhưng kỳ thực quá khứ có thể xây dựng được và quá khứ là cái rất cần thiết để làm chỗ nương tựa cho tương lai. Có những người trong chúng ta có quá khứ rất đẹp, chúng ta có một tuổi thơ hạnh phúc với những kỷ niệm êm đềm cùng gia đình và bè bạn. Đó là những người rất may mắn. Nhờ có quá khứ đẹp mà chúng ta có được niềm vui trong hiện tại và niềm tin trong tương lai. Nhưng cũng có những người trong chúng ta kém may mắn hơn, không có được một quá khứ như vậy. Có thể trong gia đình, mình đã phải chứng kiến cảnh ba mẹ, anh chị em làm khổ nhau. Có khi phải chứng kiến gia đình tan nát, chia rẽ. Bạn bè thì thù oán hoặc chơi xấu với nhau. Những nỗi đau đó chúng ta đã mang trong mình, và những vết thương của quá khứ ấy cứ ám ảnh chúng ta, nó như một bóng ma làm cho ta không có khả năng an trú trong giây phút hiện tại và không cho ta xây dựng tương lai một cách dễ dàng. Trong bài hát của

Tịnh Thủy có câu: “Ta vẫn có ngày mai, ta vẫn còn quá khứ, nên hôm nay ta vẫn sống nhẹ nhàng.” Câu đó có nghĩa là ngày mai rất có triển vọng nhưng ngày hôm qua của mình cũng đẹp lắm và mình muốn giữ lấy ngày hôm qua để nuôi dưỡng hôm nay và ngày mai.

Nếu ta không có một quá khứ đủ đẹp, đủ hạnh phúc thì ta phải biết sử dụng hiện tại để xây dựng cho mình một quá khứ đẹp. Nhưng xây dựng quá khứ như thế nào khi quá khứ đã đi qua? Ngày hôm nay, nếu mình sống với nhau hài hòa, an lạc, hạnh phúc, thì ngày hôm nay sẽ trở thành quá khứ của ngày mai. Do vậy, xây dựng quá khứ có thể làm được, và làm được trong hiện tại..

Khi gặp khó khăn ở hiện tại, nhiều người thường nghĩ về quá khứ để được an ủi: Ngày xưa, thân của mình được như vậy, cảm thọ của mình được như vậy, tâm hành của mình được như vậy, nhận thức của mình được như vậy. Nhưng than ôi, ngày hôm nay, thân xác của mình lại như vậy, cảm thọ mình lại như vậy... Rồi trách móc, than khóc cho số phận mình. Trong bài hát *Les Feuilles d'Automne* cũng toàn đề cập đến tiếc nuối về những gì đã qua. Cái gì ngày xưa cũng đẹp, còn ngày hôm nay, cái gì cũng thật chán.

Có rất nhiều người chỉ sống bám vào quá khứ. Họ không có khả năng sống trong hiện tại. Họ không lo xây dựng tương lai. Họ cũng không lo xây dựng một quá khứ mới mà chỉ khư khư ôm lấy cái quá khứ gọi là vàng son của họ. Có thể là chúng ta từng có một quá khứ thật hào hùng mà bây giờ nó không còn nữa, nhưng chúng ta không cần phải tiếc nuối quá khứ ấy vì chúng ta có thể xây dựng một quá khứ còn đẹp đẽ hơn cái quá khứ ngày xưa. Nếu có chánh niệm, chánh định, mình có thể tiếp xúc với những mâu nhiệm của sự sống, mình có thể có hạnh phúc ngay trong giây phút hiện tại, và hạnh phúc hiện tiền này chính là quá khứ của ngày mai. Ta thường nói, “ngày ấy bên nhau”. Nhưng “ngày ấy” là ngày nào? Ngày ấy là ngày hôm nay, và nếu ngày hôm nay, mình biết sống bên nhau có hạnh phúc, ngày hôm nay trở thành một quá khứ thật đẹp.

Hôm nay, mình sẽ thưởng thức những bài thơ với nội dung xoay quanh vấn đề vừa đề cập. Bài Xuân tha hương được Nguyễn Bính viết cách đây 60 năm, khi ông còn đang ở Huế. Ngày xưa, Nguyễn Bính sống với mẹ ở quê nhà, khi mẹ mất, Nguyễn Bính bỏ quê lên tỉnh thành – Hà Nội – tìm kiếm chút danh, chút lợi. Khi đuổi theo những đối tượng của sự ham muốn không lâu Nguyễn Bính đã nếm đủ mùi đau khổ. Trong những lúc khổ đau ấy, ông nhớ tới quá khứ, và nghĩ rằng chỉ có quá khứ mới đáng để cho mình sống thôi. Trong Xuân tha hương, Nguyễn Bính viết:

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi, chị một em, em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông*

Lúc này Nguyễn Bính đã cùng với một người bạn rời bỏ Hà Nội, đi vào Nam. Sau nhiều tháng sống lẩn lóc, rã rời ở Nam, họ trở về Huế. Khi đó Huế đang là mùa mưa, mưa dầm dề, mưa thổi đất thổi cát, mưa từ ngày này sang ngày khác.

*Trời mưa ở Huế sao buồn thế!
Cứ kéo dài ra tới mấy ngày*

Mưa ở Huế không phải chỉ vài ngày, mà mưa suốt cả mười mấy ngày luôn, ai đã từng ở Huế thì biết. Với tâm trạng buồn chán, thất vọng, chẳng biết làm gì, đôi bạn dùng rượu để làm vui bớt đi nỗi khổ đau.

*Hôm qua còn sót hơn đồng bạc
Hai đứa bàn nhau uống rượu say
Nón lá áo tôi ra quán rượu
Chơ vơ trên bến nước sông đây
Sầu nghiêng mái quán mưa tong tả
Chén ứa men lành lạnh ngón tay
Không hiểu vì sao đưa lại
Chung lưng làm một chuyến đi đây?*

Đây là những kỉ niệm với Huế, năm 1941, và năm 1942, Nguyễn Bính viết bài xuân tha hương để nhớ lại những kỉ niệm này.

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi, chị một em, em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông*

Nguyễn Bính đã cùng một người bạn đi từ Bắc vào Nam, rồi từ Nam trở ra Huế. Huế với Hà Nội cách nhau bởi bảy con sông: sông Mã, sông Cả, sông Gianh, sông Đồng Hới, sông Quảng trị, sông Bến Hải rồi tới sông Hương.

*Em đi dang dở đời mưa gió
Chị ở vuông tròn phận lãnh cung
Chén rượu tha hương, trời, đắng lắm
Trăm hờn nghìn giận suốt mùa đông

Chiều qua ngòi ngấm hoàng hôn xuống
Nhớ chị làm sao, nhớ lạ lòng...*

Mình thương thức đoạn ba.

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Chao ôi, tết đến em không được
Trông thấy quê hương thật nảo nùng!

Ai bảo mắc duyên vào bút mực
Suốt đời mang lấy số long đong!
Người ta đi kiếm giàu sang cả
Mình chỉ mơ toàn chuyện viễn vông*

Trong khi mọi người đang lao vào kiếm bằng cấp, đang cố gắng làm giàu còn mình lại từ bỏ tất cả để đi tu đó có phải là đang mơ chuyện viễn vông không? Hãy thử hỏi chính mình, có phải mình cũng giống Nguyễn Bính: toàn mơ chuyện viễn vông, Niết bàn, Tịnh độ xa vời?

Người ta đi kiếm giàu sang cả

Mình chỉ mơ toàn chuyện viễn vông
Em biết giàu sang đâu đến lượt
Nợ đời nặng quá gỡ sao xong?

Chúng ta xuất gia vì một lý tưởng cao đẹp. Chúng ta biết con đường cần đi. Mỗi ngày, chúng ta biết cần làm gì. Mỗi giờ, chúng ta biết cần làm gì. Còn Nguyễn Bính rời quê hương với mục đích kiếm tìm một công danh, một tình yêu nào đó. Và ta biết rõ, công danh và sắc dục chỉ khiến cho người ta thất điên bát đảo mà thôi. Chỉ cần đọc vài câu, là ta biết được tâm hồn của Nguyễn Bính lúc đó như thế nào.

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Tết này, ô thế mà vui chán
Những một mình em uống rượu hồng

Rượu cay nhớ chị hồi con gái
Thương chị từ khi chị lấy chồng
Cố nhân chẳng biết làm sao ấy
Rất những tin đồn chuyện bướm ong

Qua những câu thơ trên, ta nhận biết được, những khổ đau, những giận hờn trong chuyện tình yêu của Nguyễn Bính.

Thôi em chẳng dám đa mang nữa
Chẳng buộc chân vào sợi chỉ hồng
Nàng bèo bọt quá, em lặn lội
Chấp nối nhau hoài cũng uống công!

Và với giọng rất là chua chát:

Một trăm con gái đời nay ấy
Đừng nói ân tình với thủy chung!

Lúc này Nguyễn Bính không còn có thể tin tưởng được bất kì người con gái nào nữa. Bởi họ đã cho chàng leo cây, khiến chàng chật vật, lên xuống thất thường.

Người ấy xuân già chê gôi lẻ

Nên người nông nả chuyện sang sông

Sang sông là đi lấy chồng. Đây là cách dùng hình tượng.

*Dò ngang bến dọc tha hồ đấy
Quý hóa gì đâu một chữ “đông”!*

Dò ngang bến dọc tức là nếu không lấy được người này thì lấy người khác. Có hơi chút mỉa mai, cay cú, xen lẫn với sự giận hờn những người con gái đã đi qua, và để lại những vết thương cho lòng Nguyễn Bình.

*Vâng, em trẻ dại, em đâu dám...
Thôi, để người ta được kén chồng
Thiếu nữ hoài xuân mơ cát sĩ
Chịu làm sao được những đêm đông...
(Khốn nạn, tưởng yêu là khó chứ
Không yêu thì thực dễ như không)*

Đây là tâm trạng của Nguyễn Bình khi tình duyên và công danh sự nghiệp thất bại.

*Chị ơi, tết đến em mua rượu
Em uống cho say đến não nùng
Uống say cười vỡ ba gian gác
Ném cái chung tình xuống đáy sông!*

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Sương muôi gió may rầu rĩ lắm
Còn vài hôm nữa hết mùa đông
Xuân đến cho em thêm một tuổi
Thế nào em cũng phải thành công*

Dù thất bại ê chề, nhưng vẫn cố bám víu và hy vọng ở tương lai.

*Xuân đến cho em thêm một tuổi
Thế nào em cũng phải thành công*

*Em không khóc nữa, không than nữa
Đây một bài thơ hận cuối cùng*

Nguyễn Bính nói rằng, đây là bài thơ than khóc cuối cùng, nhưng sau bài thơ này còn có tới hàng trăm bài thơ than khóc khác nữa.

*Không than chắc hẳn hồn tươi lại
Không khóc tha hồ đôi mắt trong*

Bài Hoa với Rượu viết vào tháng Chạp, năm Nhâm Ngọ tức 1942, khi Huế đang chuẩn bị đón tết. Bài Hoa Với Rượu cho ta thấy rõ hơn về thói thường của con người khi gặp khó khăn ở hiện tại đó là tìm về quá khứ để được an ủi. Quá khứ của Nguyễn Bính là mối tình con nít hồi còn sáu bảy tuổi. Ngày ấy, Nguyễn Bính sống với mẹ, và gọi mẹ bằng u. Hàng xóm của Nguyễn Bính là hai chị em cô hàng rượu. Cô bán rượu có một người em gái nhỏ xíu chừng sáu bảy tuổi. Nguyễn Bính thường sang chơi với cô bạn nhỏ này.

*Thấy rét u tôi bọc lại mền
Cô hàng cất rượu ủ thêm men*

Loại rượu cô hàng bán là rượu nếp. Nó giống như rượu Sake của Nhật Bản. Khi trời lạnh, muốn cho nếp thành rượu dễ dàng hơn cần phải bỏ thêm men.

*Mẹ cha mất sớm còn em nhỏ
Say cả tứ mùa cho khách quen*

Cô gái cất rượu để đem bán vào các phiên chợ. Rượu của cô làm cho người ta say sưa, và đặc biệt làm cho khách quen say cả bốn mùa: làm cho họ say mùa xuân, say mùa hạ, say mùa thu, say luôn mùa đông.

*Em nhỏ là Nhi, bạn nhỏ tôi
Suốt ngày hai đứa nhẩn nha chơi*

Cô bé Nhi, cô bạn của Nguyễn Bính, trạc tuổi hoặc nhỏ hơn Nguyễn Bính một chút. Hai đứa thường chơi chung với nhau.

Chị Nhi bán rượu đôi chiều chợ

Vẫn nhớ mua quà cho cả đôi

Mỗi khi đi chợ về, chị của bé Nhi đều mua bánh ú, bánh giò cho cả hai đứa. Lẽ ra thì chỉ mua cho Nhi thôi nhưng có thằng nhỏ hàng xóm hay sang chơi nên chị Nhi mua cho cả hai.

*Hai đứa thường nhân buổi vắng nhà
Người ta bắt chước chị người ta!
Ra vườn nhặt những hoa cam rụng
Về bỏ đây nồi cất nước hoa*

Trong vườn của hai chị em cô hàng xóm có nhiều hoa cam đang nở. Và khi hoa cam rụng, chị Nhi hay nhặt lấy hoa cam rồi bỏ vào nồi nấu làm nước hoa. Con nít thấy người lớn làm vậy thì cũng bắt chước làm theo, chúng cũng nhặt hoa cam để nấu nước hoa. Giọng của con nít rất hay, rất ngộ nghĩnh: “Người ta bắt chước chị người ta!”

*Ra vườn nhặt những hoa cam rụng
Về bỏ đây nồi cất nước hoa
Nước hoa tuy chẳng thơm là mấy
Hai đứa bôi đây cả tóc nhau*

Chúng đùa giỡn với nhau rất ngây thơ và dễ thương.

*Hí hửng bảo nhau: “Thơm đấy chứ
Nước hoa ngoài tỉnh thấm vào đâu”*

Chất giọng Bắc rất hay: “Thơm đấy chứ, thấm vào đâu...”

*Một tối nhà Nhi có giỗ thầy
Chị Nhi cho uống rượu cay cay*

Cúng bố xong, chị Nhi cho hai đứa ăn, và còn cho uống rượu nữa.

*Chừng đâu chén nhỏ làm hai đứa
Mặt đỏ lên rồi chệnh choáng say*

Chị rót cho hai đứa một chén nhỏ xiu, chén nhỏ bằng ngón chân, nhưng tội nó say chệnh choáng, vì tội nó đâu có biết uống rượu.

*Hai đứa ôm nhau đánh giấc dài
Bất đồ ngủ đến sáng ngày mai*

Hai đứa ôm nhau để ngủ, rất là ngây thơ. Đánh giấc một giấc dài tức là ngủ luôn một giấc dài. Đánh ở đây có nghĩa là liên tục không gián đoạn.

*Chị Nhi cứ chế làm sao ấy
Hai đứa nhìn nhau ngó ngẩn cười*

Nghe người lớn chế nhạo, hai đứa trẻ không hiểu gì hết, chúng nhìn nhau cười rất ngớ ngẩn.

*Chị Nhi thường nói với u tôi:
- “Hai đứa, thưa bà, đến đẹp đôi!”
U tôi cười đáp ngay như thật:
- “Tôi có nàng dâu giúp đỡ rồi!”*

Đó là những gì Nguyễn Bính có thể nhớ lại được, là những gì Nguyễn Bính bám vào để sống. Nguyễn Bính cần một chỗ để nương tựa, vì Nguyễn Bính có quá nhiều khổ đau trong chuyện tình duyên.

*Thuở ấy làm sao thật thái bình
Trai hiền bạn với gái đông trinh
Đời say men rượu thơm hoa rụng
Tràn những thơ ngây ngập cảm tình...*

Rượu và hoa là hai thứ mà Nguyễn Bính nhớ nhất. Giấc mơ trở về quá khứ là để gặp hoa và rượu ở ngày xuân.

*Ấy thế mà rồi cách biệt nhau,
Nhà Nhi không biết dọn đi đâu?*

Cuộc đời thật vô thường, hai đứa nhỏ thân với nhau như vậy, hạnh phúc như vậy, mà phải bị lìa xa.

*Mình tôi giờ bắt làm thi sĩ
Mẹ mất khi chưa kịp bạc đầu
Bỏ lại vườn cam, bỏ mái tranh*

*Tôi đi đan dúi với kinh thành
Hoa thơm mơ mãi vườn tiên giới
Chuồn mãi men say rượu ái tình*

Chàng có số làm thi sĩ, nên muốn tới chốn kinh kỳ để kiếm chút công danh sự nghiệp. Hơn nữa mẹ mất rồi, ở quê cũng chẳng làm gì. Và thi sĩ nghĩ rằng, mình sẽ tìm thấy hạnh phúc nơi kinh thành hoa lệ, nơi ấy sẽ có đủ những điều kiện mà một người con trai mới lớn cần tới. Nhưng sau một thời gian ngắn, Nguyễn Bính biết rằng, nó không hề dễ dàng như mình tưởng tượng.

*Rượu ái tình kia thành thuốc độc
Vườn trần theo bướm phấn hương bay
Đời tôi sa mạc, ôi sa mạc
Hoa hết thơm rồi, rượu hết cay*

Hoa với rượu là hai biểu tượng của hạnh phúc của Nguyễn Bính. Nhưng hoa ngày xưa không còn thơm nữa, rượu ngày xưa cũng không còn cay nữa, nhạt nhẽo vô cùng, thất vọng nào nê.

*Trăm sầu nghìn tủi mình tôi chịu
Ba bốn năm rồi năm sáu năm
Khóc vụng mỗi lần tôi nhớ lại
Men nồng gạo nếp nước hoa cam*

Những thất bại, những khổ đau được diễn tả bằng câu: “trăm sầu nghìn tủi mình tôi chịu” . Còn ai chịu chung với mình đâu? Nhi bây giờ lớn rồi, có thể đã đi lấy chồng rồi, đâu biết mình đang trải qua cơn khổ đau oằn oại như vậy. Mẹ cũng mất rồi. Và vì vậy cảm giác cô độc, lẻ loi càng lớn hơn. Những nỗi khổ đau của mình chỉ mình biết, chỉ mình mình chịu thôi.

Nguyễn Bính dùng chữ rất hay, rất đơn giản, *trăm sầu nghìn tủi mình tôi chịu, ba bốn năm rồi năm sáu năm*. Nói thơ như mình nói chuyện bình thường vậy.

*Khóc vụng mỗi lần tôi nhớ lại
Men nồng gạo nếp nước hoa cam*

Khi nhớ lại thời thơ ấu thanh bình hạnh phúc, thì tiếc nuối, đôi khi khóc thầm, khóc vụng. Cũng may mà Nguyễn Bính có một quá khứ của thời thơ ấu để nhớ về, nếu không có quá khứ ấy, chắc sống không nổi.

*Xa lắm rồi Nhi! Muộn lắm rồi
Bẽ bàng lắm lắm nữa Nhi ơi!
Từ ngày Nhi bỏ nơi làng cũ
Mộng ngát duyên lành cũng bỏ tôi*

Đó là hình ảnh đẹp duy nhất của quá khứ. Nhưng nếu muốn trở về để tìm lại người cũ, thì cơ hội được gặp lại rất mong manh, chắc gì đã gặp được. Lâu quá rồi còn gì, trong thời gian ấy biết bao nhiêu biến cố đã xảy ra, không biết bây giờ người ấy ra sao rồi. Nên đã nói, muộn lắm rồi, xa lắm rồi. Mình đã bỏ lại miền quê của mình, lỡ bỏ thiên đường của mình để đi tìm danh vọng, đi tìm tình duyên ở kinh đô ánh sáng, và làm hình ảnh hạnh phúc của ngày xưa tan biến.

*Xa lắm rồi Nhi! Muộn lắm rồi
Bẽ bàng lắm lắm nữa Nhi ơi!
Từ ngày Nhi bỏ nơi làng cũ
Mộng ngát duyên lành cũng bỏ tôi*

Thi sĩ đang tưởng tượng, nghề của các chàng là tưởng tượng, các chàng không thể sống trong hiện thực màu nhiệm. Thi sĩ và nhạc sĩ là như vậy. Cũng như Văn Cao, tác giả bài Bến Xuân, tưởng tượng rằng, *nhà tôi bên chiếc cầu ven suối, em đến tôi một chiều...* Nhưng anh nào có một chiếc nhà bên suối, để cô nàng tìm tới suối với anh. Nguyễn Bính tưởng tượng:

*Chắc ở nơi nào dưới mái tranh
Chị em Nhi vẫn sống yên lành
Chị Nhi cất rượu cho Nhi bán
Hồn vẫn trong và mộng vẫn xinh*

Nguyễn Bính tưởng tượng Nhi lớn rồi, có thể bán rượu được rồi, nhưng nàng vẫn còn trong sáng và ngây thơ như ngày xưa. Điều này

liệu có xảy ra được không ? Hồn của em còn trong không? Mộng của em còn xinh không? Còn hồn tôi đã tan vỡ, đã xấu xí, đục ngầu. Tôi đã đi lên tỉnh thành, tôi đã lặn lội, và đã thất bại, đã mệt nhoài, tôi đã như muốn chết. Do vậy, tôi vẫn mong rằng em đừng bị như tôi. Tôi muốn em cứ đẹp hoài như ngày xưa, nếu cả tôi và em đều bị cuộc đời làm vẩn đục thì chẳng còn gì để cho tôi bám víu mà sống nữa, lúc ấy chắc chỉ có chết mà thôi. Tôi ước rằng, em còn giữ gìn trong khung cảnh lạnh lặn của thôn quê, không bị những bụi bặm, những chất độc của kinh thành quấy nhiễu, làm hư hỏng. Tôi hy vọng rằng, hồn em vẫn trong và mộng của em vẫn xinh.

*Ngày xưa còn bé Nhi còn đẹp
Huống nữa giờ Nhi đã đến thì
Tháng tháng mười mười lăm buổi chợ
Cho người thiên hạ phải say mê*

Cô bán rượu rất đẹp và còn rất trẻ. Mỗi khi có chợ phiên, đem rượu ra bán, ai trông thấy cô hàng xinh đẹp, tươi mát cũng tới mua rượu. Đây là những câu hỏi tới tập với cô hàng xinh đẹp:

*Xóm chị em Nhi ở mấy nhà?
Bến đò đông vắng? Chợ gần xa?*

Xóm em ở có mấy nhà? Xóm em gần bến đò không? Cách bến đò, cách chợ bao xa?

*Nhà Nhi thuê có vườn không nhỉ?
Vườn có trồng cam, có nở hoa?*

Nguyễn Bính mơ ước, người xưa vẫn còn sống ở trong một khung cảnh yên bình: Có xóm nhà tranh, có chợ phiên, có bến đò gần đó, và vườn nhà của người xưa vẫn còn có hoa cam mỗi độ xuân về.

Mơ tưởng vu vơ lòng dôi lòng

Nguyễn Bính mơ mộng, và biết rằng mình mơ mộng.

*Thở vào tôi biết rằng tôi đang mơ mộng
Thở ra tôi biết là tôi không có thực tế*

Không hẳn thi sĩ không thấy, nhưng sự thật có thể rất phũ phàng.

*Mơ tưởng vu vơ lòng dôi lòng
Thực ra có phải thế này không?
Chị Nhi đã lấy chồng năm trước
Nhi đến năm sau lại lấy chồng*

Hết rồi còn gì nữa mà mong. Biết vậy nhưng vẫn tiếp tục mơ tưởng như thường, vì nếu không mơ tưởng thì chết. Những câu tiếp theo, tác giả vẫn tiếp tục mơ mộng.

*Uớc gì trên bước đường lưu lạc
Một buổi chiều nào gặp gió mưa
Gõ cửa nhà ai xin ngủ trọ
Giật mình tôi thấy tiếng Nhi thưa*

Tưởng tượng rằng, mình đơn độc đi trong mưa gió lạnh lẽo, ở miền quê xa lắc xa lơ. Tối rồi mà vẫn chưa có chỗ ngủ trọ. Đánh liều tới ngôi nhà nào đó, rồi gõ cửa. Tác giả giật mình khi nghe tiếng người xưa đáp: Ai đó? Ai đó? Tác giả sung sướng quá.

*Ngồi bên lò rượu đêm hôm đó
Nhi rót đưa tôi nước rượu đầu*

Nước rượu đầu ngon hơn nước rượu thứ hai, thứ ba. Nguyễn Bính được người xưa cho uống nước rượu đầu sau bao năm xa cách.

Nhắc chuyện ngày xưa mà thẹn lại

Nhắc lại chuyện xưa, hai đứa cảm thấy thẹn. Chuyện ngày xưa, hai đứa được chị cho một chung rượu rất nhỏ, hai đứa châu đầu uống chung với nhau.

*Nhắc chuyện ngày xưa mà thẹn lại
E dè hai đứa uống chung nhau*

Họ nhắc lại chuyện cũ, rồi hai người bắt chước chuyện ngày xưa, rót một chén thôi, rồi uống chung với nhau.

Tôi kể: “U tôi đã mất rồi,

Cửa nhà còn có một mình tôi ...”

Mẹ mất, Nguyễn Bính không ở quê, bỏ lên tỉnh. Sống ở tỉnh mười mấy năm, bị gió bụi thị thành làm tan nát cả tâm hồn và thể xác. Nhưng Nguyễn Bính nói dối rằng, mẹ mất, mình vẫn một mình nơi quê nhà. Nói dối để được cô nàng thương xót.

*Ngậm ngùi Nhi bảo: “Không anh ạ
Anh chẳng lo gì thiếu lúa đôi...”*

Nhi nói với tác giả thế này.

*“Chị em mới lấy chồng năm trước
Chồng chị trồng cam ở mé sông
Em ở mình đây nhà trồng trái
Trăng vàng đây ngô gió mênh mông ...”*

Em ở đây có mỗi một mình, buồn lắm, nếu anh ở lại được thì rất quý. Chị em vừa lấy chồng, bây giờ nhà chỉ còn mình em chăm sóc. Nhà rộng quá, mỗi khi gió lùa vào rất lạnh: trăng đây ngô, gió mênh mông,... Tất cả những điều kiện đều rất thuận lợi để mình và người xưa thành đôi.

*Như truyện Tương Như và Trác Thị
Đưa nhau trở lại đất Lâm Cùng
Vườn xuân trăng sáng hoa cam rụng
Tôi với em Nhi kết vợ chồng*

Ngày xưa, có Trác Văn Quân, một người có nhan sắc, rất giỏi văn chương, thơ phú, lại thích nghe đàn. Nàng còn trẻ, nhưng sớm góa chồng nên về sống với cha ở đất Lâm Cùng. Một hôm, có chàng nhạc sĩ tên Tư Mã Tương Như qua thăm, và đã gảy lên khúc đàn Tư Mã Phụng Cầu (Phụng Cầu Hoàng). Trác Văn Quân nghe được tiếng đàn thì không thể cưỡng lại được sự say mê, nên lén bỏ nhà đi theo Tư Mã Tương Như lên tận thành đô, tỉnh Tứ Xuyên. Sau một thời gian, hai người trở về đất Lâm Cùng, và mở ra một quán ăn.

Rượu cất kỳ ngon men ủ khéo

Say người thiên hạ lại say nhau

Rượu của Nhi bán làm say thiên hạ, và làm say cả hai đứa –Nguyễn Bính và Nhi.

Chiều chiều hai đứa sang thăm chị

Chồng hái hoa cho vợ giắt đầu

Thi sĩ đã tự họa cho mình bức tranh rất đẹp. Dù biết rằng, đó không thật nhưng vẫn phải mơ ước, vì ngoài mơ ước ra đâu còn gì để bám vào mà sống. Nhiều nghệ sĩ đã sáng tác, đã trình diễn, vì họ muốn cống hiến cho mình những ước mơ. Mình cần những ước mơ đó, vì mình có quá nhiều khổ đau, khó khăn, tuyệt vọng.

Nhưng những bài thơ, những bản nhạc, những cuốn sách, những tác phẩm nghệ thuật đó chỉ có thể giúp mình quên đi trong chốc lát những tình trạng khó khăn, khổ đau trong cuộc sống hiện thực này. Những thi phẩm của Nguyễn Bính cũng không ngoài tác dụng “giảm đau tạm thời” ấy. Rõ ràng, những điều này đi ngược lại với sự thực tập theo tinh thần của đạo Bụt. Sự thực tập của đạo Bụt là lìa bỏ những giấc mơ để đi vào thực tế. Nếu có niệm và định, chúng ta có thể tiếp xúc được màu nhiệm của sự sống, và thấy rằng, những điều ta cần tìm không cần tìm ở quá khứ hay tương lai xa xôi, nó nằm ngay trong hiện tại.

Nếu mình tu học nghiêm chỉnh, có sự tu chứng, có kinh nghiệm, có sự hiểu biết về giáo pháp, về sự hành trì thì khi đọc những bài thơ như thế này, mình thấy rất rõ con đường mình đi. Dầu cho mình đọc thơ tình hay chuyện chường của Kim Dung cũng vậy, mình không bị những cái đó kéo đi. Cho nên trong đạo Bụt có nói bất cứ cái gì cũng có thể trở thành Phật pháp, có khả năng tưới tẩm hạt giống chánh pháp nơi mình, củng cố ý chí tu học của mình. Thấy rõ tâm người để so với tâm mình; biết con đường người ta đi để thấy rõ con đường của mình đi. Mình đang đi trên con đường rất đẹp, rất sáng, và rất lành.

Nếu chưa có một quá khứ đẹp ta có thể xây dựng cho mình một quá khứ đẹp. Khi xây dựng quá khứ đồng thời mình cũng đang xây dựng

tương lai. Nếu mình biết chăm sóc hiện tại, sống một đời sống thiện lành thì chắc chắn mình sẽ có một tương lai tươi sáng, vững chắc. Vì tương lai được làm bằng chất liệu của hiện tại, điều này không ai có thể phủ nhận được. Và ngày hôm nay sống có hạnh phúc thì ngày hôm nay trở thành quá khứ đẹp của ngày mai. Do vậy, chăm sóc hiện tại tức là đang xây dựng cho mình một tương lai, đồng thời cũng là đang xây dựng cho người mình một quá khứ. Mình có đủ phương pháp để làm việc đó: khi đi, đứng, nằm ngồi mà biết trở về với giây phút hiện tại tiếp xúc được với những màu nhiệm của cuộc sống, tạo được niềm tin, tình thương, xây dựng tình bằng hữu thì đó là đang chăm sóc hiện tại để làm chỗ nương tựa cho quá khứ và tương lai. Đó là ý nghĩa của câu hát: *Ta vẫn có ngày mai, ta vẫn còn quá khứ.*

Khi đau khổ, nhiều người không có một quá khứ để tìm về. Nên họ tìm một nơi nương tựa ở tương lai, bám vào những hứa hẹn nào đó để có thể vượt qua những khó khăn trong hiện tại. Hiện tại với họ vốn là những chuỗi ngày đau khổ, khó khăn, nặng nhọc. Chúng ta có thể tin vào một Thiên đường nào đó, một Tịnh độ nào đó ở trong tương lai để chúng ta có khả năng chịu đựng được hiện tại. Ta ráng chịu đựng để ngày mai ta sẽ được rời bỏ cái cõi đau khổ, bạo động, uế trược này và ta sẽ bước vào cõi thanh tịnh an vui, gọi là Thiên đường hay là Cực lạc. Theo Làng Mai, mơ ước này có thể là một ảo tưởng, vì ta biết rõ, ngày mai chỉ có thể được làm bằng chất liệu của hiện tại. Hiện tại như thế nào thì tương lai sẽ như thế đó. Vậy nên muốn có một tương lai tươi sáng thì mình phải chăm sóc hiện tại. Hiện tại có bình an, có vững chắc, có tình nghĩa, có nụ cười, có hạnh phúc, chắc chắn tương lai sẽ có vững chắc, sẽ có tình thương, và sẽ có niềm vui. Nhìn vào hiện tại, đánh giá hiện tại, ta có thể biết, mình có tương lai hay không. Do vậy, ta phải biết quản lý hiện tại thật thông minh, để có thể xây dựng cho mình một quá khứ, và cũng xây dựng cho mình một tương lai. Ngoài ra không còn có con đường nào khác.

*Rượu cất kỳ ngon men ủ khéo,
Say người thiên hạ lại say nhau
Chiều chiều hai đứa sang thăm chị
Chồng hái hoa cho vợ giắt đầu*

Thi sĩ là nhà ảo thuật. Họ đã tạo ra một khung cảnh lý tưởng, một khung cảnh hạnh phúc mà mình chưa từng tìm được trong giây phút hiện tại. Rồi họ đem bán cho mình. Mình tiêu thụ nó, vì muốn quên đi trong chốc lát những đau khổ da diết của hiện tại. Những nghệ sĩ biết rất rõ điểm yếu này. Đây là điểm yếu của nhiều người, và có thể cũng là điểm yếu của chính họ. Họ ru ngủ mình, và ru ngủ chính họ bằng những tác phẩm nghệ thuật.

Say người thiên hạ lại say nhau

Đa số trong chúng ta chỉ có khả năng dẹt mộng hoặc trở về bám vào quá khứ. Tưởng tượng ra một tương lai, trong đó mình có hạnh phúc chính là dẹt mộng. Bám vào quá khứ để sống cũng là dẹt mộng.

Chao ôi! Là mộng hay là thực?

Tác giả biết rõ, đó là mộng nhưng phải tiếp tục dẹt, vì không dẹt thì không sống nổi. Mình dẹt mộng để giúp chính mình đỡ khổ, và cũng có thể giúp người khác quên đi một vài giây phút khổ đau thống thiết của họ.

Chao ôi! Là mộng hay là thực?

Là thực hay là mộng bấy lâu?

Hai đứa sống bằng hoa với rượu

Sống vào trời đất, sống vào nhau

Trong giây phút hiện tại, mình có thể sống được với những mâu nhiệm của vũ trụ hay không? Mình có thể sống với nhau một cách an lành, người này dựa vào người khác hay không? Mình có thể tạo được tình huynh đệ hay không? Đó là vấn đề. Và tác giả đã kết thúc bài thơ một cách rất tội nghiệp.

Nhưng mộng mà thôi, mộng mất thôi

Hoa thừa rượu ế, đầy tình tôi

Sự thật hoa đã thừa và rượu đã ế. Hoa đã tàn, rượu đã chua. Đó là tình trạng của tôi. Tôi biết rõ tình trạng của chính mình. Tôi không

muốn gặp lại người xưa, vì gặp, tôi sẽ thất vọng, mộng tôi sẽ tan, và tôi không còn chỗ nào để bám víu.

Chiều nay tôi chấp tay tôi lay

Đừng gặp người xưa nữa, lay trời

Thực tế quá phũ phàng. Đó là tình trạng của chúng ta, của rất nhiều người trong chúng ta. Nhưng nhiều người lại nói rằng, các vị đi tu là các vị mơ mộng, các vị sống với ảo tưởng Tịnh độ hay Niết bàn, các vị bỏ lạc thú trong hiện tại để tìm cái lạc thú phi thời.

Trong kinh Tuổi trẻ và Hạnh phúc, có vị khất sĩ trẻ tên là Samiddhi gặp cô Thiên nữ, cô nói như thế này: “Tại sao còn rất trẻ mà thầy lại bỏ đi tu? Cuộc đời có những vui thú, có những mục đích thiết thực sao thầy không chịu hưởng thụ, mà lại đi mơ tưởng những cái xa xôi như niết bàn, tịnh độ, với giải thoát?”

Trong đời sống hàng ngày, cũng có những cô Thiên nữ tới nói với mình như vậy, nhưng mình đã biết cách trả lời, mình trả lời giống như thầy Samiddhi vậy: *Thiên nữ ơi, tôi đang sống rất thực tế đấy chứ. Tôi biết rõ, chạy theo năm đôi tượng của dục vọng sẽ làm người ta tan nát cả thân thể lẫn tâm hồn. Do vậy, tôi đã khước từ nó. Tôi không trốn chạy, chính tôi đang thực tập để có thể có những giây phút đích thực của hiện tại, không mơ tưởng về những điều trong tương lai.*

Pháp hiện pháp lạc trú của đức Thế Tôn dạy: Biết sống sâu sắc trong giây phút hiện tại để tiếp xúc với tất cả màu nhiệm của cuộc sống. Khi có người hỏi như cô thiên nữ nọ, thì mình trả lời: Chúng tôi không mơ tưởng niết bàn, chúng tôi không mơ tưởng tịnh độ trong tương lai. Sự thực tập pháp hiện pháp lạc trú giúp chúng tôi sống trong cõi cực lạc ngay trong giây phút hiện tại.

Sự thực tập của chúng ta là thiết lập được Tịnh Độ trong giây phút hiện tại. Khi thực tập, chúng tôi xây dựng tình huynh đệ, xây dựng hạnh phúc, xây dựng tình thương và xây dựng sự hiểu biết. Chúng tôi có một con đường, nếu các bạn muốn thì chúng tôi chia sẻ sự thực tập của chúng tôi để các bạn cũng có khả năng tiếp xúc với những màu

nhiệm của đời sống hiện tại, để các bạn xây dựng cho các bạn một quá khứ, và để các bạn xây dựng cho các bạn một tương lai.

31.01.2003 Làng Mai – Pháp

Hoa với rượu

*Thấy rét u tôi bọc lại mền
Cô hàng cất rượu ủ thêm men
Mẹ cha mất sớm còn em nhỏ
Say cả tứ mùa cho khách quen*

*Em nhỏ là Nhi, bạn nhỏ tôi
Suốt ngày hai đứa nhả nha chơi
Chị Nhi bán rượu đôi chiều chợ
Vẫn nhớ mua quà cho cả đôi*

*Hai đứa thường nhàn buổi vắng nhà
Người ta bắt chước chị người ta!
Ra vườn nhặt những hoa cam rụng
Về bỏ đây nôi cất nước hoa*

*Nước hoa tuy chẳng thơm là mấy
Hai đứa bôi đây cả tóc nhau
Hí hửng bảo nhau: “Thơm đấy chứ
Nước hoa ngoài tỉnh thấm vào đâu”*

*Một tối nhà Nhi có giỗ thầy
Chị Nhi cho uống rượu cay cay
Chèng đâu chén nhỏ làm hai đứa
Mặt đỏ lên rồi chệnh choáng say*

*Hai đứa ôm nhau đánh giấc dài
Bất đồ ngủ đến sáng ngày mai
Chị Nhi cứ chế làm sao ấy.
Hai đứa nhìn nhau ngó ngẩn cười*

Chị Nhi thường bảo với u tôi:

- “Hai đứa, thưa bà, đến đẹp đôi!”
U tôi cười đáp ngay như thật:
- “Tôi có nàng dâu giúp đỡ rồi!”

Thuở ấy làm sao thật thái bình
Trai hiền bạn với gái đông trinh
Đời say men rượu thơm hoa rụng
Trần những thơ ngây ngập cảm tình...

Ấy thế mà rồi cách biệt nhau
Nhà Nhi không biết dọn đi đâu
Mình tôi giờ bắt làm thi sĩ
Mẹ mất khi chưa kịp bạc đầu

Bỏ lại vườn cam, bỏ mái tranh
Tôi đi đan dúi với kinh thành
Hoa thơm mơ mãi vườn tiên giới
Chuồn mãi men cay rượu ái tình

Rượu ái tình kia thành thuốc độc
Vườn trần theo bướm phấn hương bay
Đời tôi sa mạc, ôi sa mạc
Hoa hết thơm rồi, rượu hết cay

Trăm sầu nghìn tủi mình tôi chịu
Ba bốn năm rồi năm sáu năm
Khóc vụng mỗi lần tôi nhớ lại
Men nồng gạo nếp nước hoa cam

Xa lắm rồi Nhi! Muộn lắm rồi
Bẽ bàng lắm lắm nữa Nhi ơi!
Từ ngày Nhi bỏ nơi làng cũ
Mộng ngát duyên lành cũng bỏ tôi

Chắc ở nơi nào dưới mái tranh
Chị em Nhi vẫn sống yên lành
Chị Nhi cất rượu cho Nhi bán
Hồn vẫn trong và mộng vẫn xinh

Ngày xưa còn bé Nhi còn đẹp
Huống nữa giờ Nhi đã đến thì
Tháng tháng mười mười lăm buổi chợ
Cho người thiên hạ phải say mê

Xóm chị em Nhi ở mấy nhà?
Bến đò đông vắng? Chợ gần xa?
Nhà Nhi thuê có vườn không nhỉ?
Vườn có trồng cam có nở hoa?

Mơ tưởng vu vơ lòng dôi lòng
Thực ra có phải thế này không?
Chị Nhi đã lấy chồng năm trước
Nhi đến năm sau lại lấy chồng

Uớc gì trên bước đường lưu lạc
Một buổi chiều nào gặp gió mưa
Gõ cửa nhà ai xin ngủ trọ
Giật mình tôi thấy tiếng Nhi thưa

Ngồi trên lò rượu đêm hôm đó
Nhi rót đưa tôi nước rượu đầu
Nhắc chuyện ngày xưa mà thẹn lại
E dè hai đứa uống chung nhau

Tôi kể: “U tôi đã mất rồi,
Cửa nhà còn có một mình tôi ...”
Ngậm ngùi Nhi bảo: “Không anh ạ
Anh chẳng lo gì thiếu lúa đôi...”

“Chị em mới lấy chồng năm trước,
Chồng chị trồng cam ở mé sông.
Em ở mình đây nhà trống trải,
Trăng vàng đây ngô gió mênh mông ...”

Như truyện Tương Như và Trác Thị
Đưa nhau trở lại đất Lâm Cùng
Vườn xuân trăng sáng hoa cam rụng

Tôi với em Nhi kết vợ chồng

*Rượu cất kỳ ngon men ủ khéo
Say người thiên hạ lại say nhau
Chiều chiều hai đĩa sang thăm chị
Chồng hái hoa cho vợ giắt đầu*

*Chao ôi! Là mộng hay là thực?
Là thực hay là mộng bấy lâu?
Hai đĩa sống bằng hoa với rượu
Sống vào trời đất, sống vào nhau*

*Nhưng mộng mà thôi, mộng mất thôi
Hoa thừa rượu ế, đầy tình tôi
Chiều nay tôi chấp tay tôi lạy
Đường gặp người xưa nữa, lạy trời.*

Nguyễn Bính, 1941

Xuân tha hương

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi, chị một em, em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông

Em đi trăng gió đòi sương gió
Chị ở vương tròn phận lãnh cung
Chén rượu tha hương, trời: đắng lắm
Trăm hờn nghìn giận một mùa đông

Chiều nay ngồi ngắm hoàng hôn xuống
Nhớ chị làm sao, nhớ lạ lòng...
Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng

Vườn ai thấp thoáng hoa đào nở
Chị vẫn môi son vẫn má hồng?
Áo rét ai đen mà ngóng đợi
Còn vài hôm nữa hết mùa đông!

Cột nhà hàng xóm lên câu đối
Em đọc tương tư giữa giấy hồng
Gạo nếp nơi đây sao trắng quá
Mỗi ngày phiên chợ lại thêm đông

Thiên hạ đua nhau mà sắm Tết
Một mình em vẫn cứ tay không
Vườn nhà Tết đến hoa còn nở
Chị gửi cho em một cánh hồng

Tha hương chẳng gặp người tri kỷ
Một cánh hoa tươi đủ ấm lòng
Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng...

Chao ơi, Tết đến em không được

Trông thấy quê hương thật náo nùng
Ai bảo mắc duyên vào bút mực
Sòng đời mang lấy số long đong

Người ta đi kiếm giàu sang cả
Mình chỉ mơ hoài chuyện viễn vông
Em biết giàu sang đâu đến lượt
Nợ đời nặng quá gỡ sao xong?

Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Tết này, ô thế mà vui chán
Nhưng một mình em uống rượu nồng

Rượu cay nhớ chị hồi con gái
Thương chị từ khi chị lấy chồng
Cố nhân chẳng biết làm sao ấy
Rất những tin đồn chuyện bướm ong

Thôi, em chẳng dám đa mang nữa
Chẳng buộc vào chân sợi chỉ hồng
Nàng bèo bọt quá, em lặn lội
Chấp nối nhau hoài cũng uống công!

(Một trăm con gái đời nay ấy
Đừng nói ân tình với thủy chung!)
Người ấy xuân già chê gôi lẻ
Nên càng nôn nả chuyện sang sông

Đò ngang bến dọc tha hồ đấy
Quý hoá gì đâu một chữ đông!
Vâng, em trẻ dại, em đâu dám
Thôi, để người ta được kén chồng

Thiếu nữ hoài xuân mơ cát sĩ
Chịu làm sao được những đêm đông
Khốn nạn, tưởng yêu thì khó chứ
Không yêu thì thực dễ như không!

Chị ơi, Tết đến em mua rượu
Em uống cho say đến nảo lòng
Uống say cười vỡ ba gian gác
Ném cái chung tình xuống đáy sông

Thiên hạ “chi nghinh Nam Bắc diều”
Tình đời “Diệp tông lãng lai phong”
Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một chút lòng

Sương muối gió may rầu rĩ lắm
Còn vài hôm nữa hết mùa đông
Xuân đến cho em thêm một tuổi
Thế nào em cũng phải thành công

Em không khóc nữa, không than nữa
Đây một bài thơ hận cuối cùng
Không than chắc hẳn hồn tươi lại
Không khóc tha hồ đôi mắt trong

Chị ơi, Em Cưới Mùa Xuân nhé?
Đốt pháo cho thơm với rượu hồng
Xa nhà xa chị tuy buồn thật
Cũng cố vui ngang gái được chồng

Em sẽ uống say hơn mọi bận
Cho hồn về tận xứ Hà Đông
Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng

Với lá thư này là tất cả
Những lời tâm sự một đêm đông
Thôn gà eo óc ngoài xa vắng
Trời đất tàn canh tối mịt mù

Đêm nay em thức thi cùng nển
Ai biết tình em với núi sông
Mấy sông mấy núi mà xa được

Lòng chị em ta vẫn một lòng

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Cầu mong cho chị vui như Tết
Tóc chị bền xanh, má chị hồng*

*Trong mùa nắng mới sâu không đến
Giữa hội hoa tươi ấm lại lòng
Chắc chị đời nào quên nhắc nhở:
- Xa nhà, rượu uống có say không ?*

Nguyễn Bính

Tản Đà – *Thề non nước*

Hôm nay, chúng ta sẽ thưởng thức một thi phẩm của thi sĩ Tản Đà – Bài thề non nước. Nội dung bài *Thề non nước* là lời thề giữa núi và nước, là mối tình, là sự cam kết giữa núi và nước. Đồng thời qua câu chuyện giữa núi và nước, tác giả cũng muốn đề cập đến lời thề giữa hai người thương nhau. Hai người đó có thể là hai cha con, hai mẹ con, hai anh em, hai vợ chồng hay hai thầy trò. Người này nguyện với người kia, hứa hẹn với người kia là không bỏ người kia cho dù biển có cạn đá có mòn. Nhưng vì biển cổ nào đó, mà cách xa nhau. Do cách xa nên có sự trách móc, giận hờn.

Chữ thề trong “Thề non nước” là lời nguyện. Non là núi và nước là sông, là biển. Một điểm rất thú vị ở bút hiệu của tác giả thi phẩm: Tản Đà là từ được ghép từ hai chữ đầu của hai địa danh rất nổi tiếng ở miền Bắc – Núi Tản Viên và sông Đà Giang. Đây cũng chính là quê hương của thi sĩ. Được sinh ra, được lớn lên, được hun đúc bởi khí thiêng của sông núi nơi đây – Núi Tản, sông Đà, đã hình thành trong ông khí phách của người chí sĩ.

Hai câu đầu của bài thơ là:

*Nước non nặng một lời thề,
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.*

Lời thề rất nặng, rất sâu. Mình đem cả trái tim của mình để thề nguyện, để cam kết. Nhưng mà:

Nước đi, đi mãi, không về cùng non.

Tôi rời quê hương năm 1966, và hứa với bạn bè sẽ trở về sau ba tháng. Vậy mà phải ở nơi đây suốt bốn mươi năm. Đọc bài thơ này, tôi thấm lắm. Mặc dù chưa được phép về quê hương, nhưng tôi tìm cách về. Nếu không về quê hương bằng thân xác này, tôi sẽ về bằng con đường tinh thần. Tôi gửi đệ tử xuất gia cũng như đệ tử tại gia từ nhiều nước về. Sách của tôi, đĩa của tôi đã được nhiều người trong nước biết đến. Mặc dù sách, đĩa ấy chưa được phép phát hành công khai trong nước. Đó là một cách về quê hương của tôi. Mình cần nhìn

mọi thứ bằng con mắt vô tướng, đừng để kẹt vào hình tướng bên ngoài. Tuy tôi chưa về quê hương bằng thân xác này, nhưng nếu nhìn cho kỹ, tôi đã về rồi.

Nước non nặng một lời thề.

Thế mà nước lại cứ đi hoài.

Nước đi, đi mãi, không về cùng non.

Trong chúng ta, nếu ai đã từng ở trong trạng huấn ấy, khi đọc bài này sẽ rất thấm.

Nhớ lời "nguyện nước thề non",

Nguyện nước thề non là một thành ngữ gốc Hán việt, *thệ hải minh sơn*. Mình và cô nàng (mình tạm cho núi là anh chàng và nước là cô nàng) đã thề thốt rất sâu nặng với nhau, vậy mà cô nàng đi, đi hoài không chịu về.

Nước non nặng một lời thề,

Nước đi đi mãi, không về cùng non.

Nhớ lời "nguyện nước thề non",

Nước đi chưa lại, non còn đứng không.

Non còn đứng không tức là núi đứng chờ vợ một mình. Nước đi chưa lại tức là nước đi chưa về. Khứ và lai, khứ là đi, và lai là trở lại. Núi đứng một mình, và núi nói giọng trách móc.

Nước đi chưa lại, non còn đứng không.

Non cao những ngóng cùng trông,

Mình chưa có hạnh phúc, vì mình luôn có tâm trạng chờ đợi, ngóng trông. Mình nghĩ rằng, khi nào người kia trở về, mình mới được hạnh phúc. Sự chờ đợi, ngóng trông cản trở mình tiếp xúc với những màu nhiệm của sự sống đang có trong giây phút hiện tại. Có thể nói, cuộc đời mình bị đánh cắp bởi những chuỗi dài đợi chờ. Thật uổng phí. Nói đến sự chờ đợi ngóng trông, người ta nghĩ ngay đến tích Vọng phu. Ngày xưa, có đôi vợ chồng rất mực yêu thương nhau. Chồng ra

trận, thiếu phụ bỗng con, vò võ trông chồng mỗi ngày trên bãi biển. Cuối cùng, nàng và con đã hóa đá.

Non cao những ngóng cùng trông,

Những ngóng cùng trông tức là suốt ngày chỉ để tâm vào chuyện nhớ thương, đợi chờ, và trách móc. Cuộc sống của những người như vậy sẽ không bao giờ có hạnh phúc. Trong chúng ta, người nào sống trong tâm trạng chờ đợi, khổ đau, than trách nên đọc bài này, và chiêm nghiệm cho kỹ. Bởi bài thơ này chứa đựng tuệ giác của đạo Phật.

Suối khô giòng lệ chờ mong tháng ngày.

Tác giả dùng hình ảnh “suối khô giòng lệ” để chỉ sự héo hắt, sự cạn kiệt, vì chờ đợi quá nhiều, khổ đau quá nhiều. Mong chờ mãi mòn đến nỗi không còn có thể khóc được nữa. Tác giả lại còn cường điệu thêm nữa.

Xương mai một nắm hao gầy,

Nhớ thương, chờ đợi đến nỗi trở thành mình hạc, xương mai. Người ta hay nói, buồn như liễu rũ. Bởi cành lá nó mềm, và rũ xuống như người đứng ủ rũ vậy. Buồn thì héo hon, thì gầy mòn đi, gầy như cây mai vậy. Người Việt Nam thường chơi mai vào dịp tết. Người ta chưng nó giữa nhà, hoặc nơi bàn thờ tổ tiên. Cái đẹp của cây mai là ở thế của nó và hoa của nó. Cành mai, thân mai gầy guộc mới đẹp. Người nào mảnh mai, gọi là mình hạc xương mai. Mình hạc, xương mai là hai hình ảnh đẹp. Nhưng hình ảnh *xương mai một nắm hao gầy* của núi trong bài thơ này cho thấy núi xơ xác quá, xơ xác vì quá nhớ thương.

Xương mai một nắm hao gầy,

Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.

Thường vào buổi tối, những đỉnh núi cao có mây che phủ. Mình có thể nói, ban ngày, mây lang thang dạo chơi khắp bầu trời, tối về, mây lên đỉnh núi ngủ. Do vậy, khi nhìn mây phủ đỉnh núi, thi sĩ nói: *Ôi, tóc bạc rồi, nhớ thương quá tóc bạc rồi*. Khi nhớ thương nhiều, lo lắng nhiều,

đầu mình bạc rất mau. Ngày có nhau, mình hạnh phúc, tóc mình xanh mượt. Bây giờ xa nhau, tóc mình trở nên bạc. Bạc tóc vì nhớ thương. Mình hạc, xương mai, tóc bạc là để nói tới sự nhớ thương của núi đối với nước.

Trời Tây ngả bóng tà dương

Triều dương là ánh sáng buổi ban mai, tà dương là ánh sáng buổi chiều. Khi mặt trời đã ngả bóng về phía Tây, ánh sáng vàng vọt phủ lên núi càng làm cho tình trạng của núi trông xác xơ hơn.

Càng phơi vẻ ngọc, nét vàng phai pha.

Kẻ đợi là núi. Núi có thể là đàn ông, núi có thể là đàn bà. Kẻ đợi có thể là cha, và kẻ ra đi có thể là con; kẻ đợi có thể là mẹ, và kẻ ra đi có thể là con; kẻ đợi có thể là thầy, và người bỏ đi có thể là đệ tử. Tự nhiên, con bỏ thầy ra đi, làm thầy phải thương, phải nhớ, và nếu thầy không thực tập, chắc thầy cũng xương mai một nắm hao gầy như bất cứ ai.

Trời Tây ngả bóng tà dương,

Khi trời về chiều, sự sầu muộn, tàn tạ của người ở lại, của người nhớ thương càng tăng. Vì chờ đợi nhiều quá, khổ đau nhiều quá, nét ngọc, nét vàng ngày xưa đã phai mờ, phai pha. Nhớ thương quá, chờ đợi quá thì đâu còn niềm vui, đâu còn hạnh phúc nữa. Và trời càng về chiều, niềm đau ấy như càng được trông thấy rõ hơn. Thơ như vậy mới đúng là thơ.

Trời Tây ngả bóng tà dương,

Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phai pha.

Càng phơi tức là phơi ra rõ hơn, bày ra rõ hơn nét buồn tủi.

Non cao tuổi vẫn chưa già,

Tác giả đã dùng nghệ thuật chơi chữ trong câu này. Chữ non có nghĩa là núi, nhưng cũng có nghĩa là trẻ. Mình cũng hay nói, núi thì non, trắng thì già. Tại sao nói vậy? Ca dao Việt Nam có câu:

*Trăng bao nhiêu tuổi trăng già
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non.*

Trăng bao nhiêu tuổi thì bị gọi là già? Núi bao nhiêu tuổi còn được gọi là trẻ?

*Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.*

Non thời nhớ nước, mà nước nhón nhơ, chẳng thềm đoái hoài gì đến non.

“Có khi Thầy xuất hiện giữa đường con đi, nhưng mắt con vẫn nhìn Thầy như nhìn một người xa lạ.”

Lời thề non hẹn biển ngày xưa đã bay theo gió mất rồi.

*Nước non nặng một lời thề,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.*

Ngày xưa mình nói rằng: *con quỳ xuống, con cầu mong Bụt và đại chúng cho con được xuất gia, cho con được ở luôn, suốt đời. Cúi đầu xuống con nhận cái y này, đời đời nguyện mang theo.* Thế mà mới tu được mấy năm đã bỏ thầy, bỏ chúng mà ra đi.

Non thời như nước, nước mà quên non.

Sự than trách, sự sầu muộn được diễn tả qua mười hai câu thơ. Quá nhiều rồi, không thể nào thêm được nữa. Chữ *mà* được dùng rất thường, nhưng trong bài này nó có ý trách móc rất đậm đà, rất hay.

Giữa hai người yêu nhau, giữa cha con, giữa mẹ con, giữa những người bạn, giữa thầy trò, giữa huynh đệ với nhau có thể mở ra một lời thề, như lời thề của non và nước: *dù núi có cạn, sông có mòn, liên hệ của mình vẫn không bao giờ suy chuyển.* Trong bài tựa kinh Lăng Nghiêm có câu: *Thuần nhĩ đa tánh khả tiêu vong, thược ca la tâm vô động chuyển.* Thuần nhĩ đa tánh tức là: *tính chất của hư không có thể tiêu vong được, nhưng tâm Bồ đề của con sẽ không bao giờ lay chuyển; con sẽ tu hành cho tới khi con thành đạt mới thôi, con sẽ không bỏ Bụt, không bỏ Pháp, không bỏ*

Tăng. Hư không hữu tận, ngã nguyên vô cùng có nghĩa là: hư không kia có thể có được sự chấm dứt của biên giới, nhưng nguyên của con là không có biên giới.

*Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước vẫn còn thề xưa.*

Khi nào anh còn đó, em còn kia, lời thề năm xưa giữa đôi ta vẫn còn giá trị, còn hiệu lực. Nhưng tại sao em nỡ vứt bỏ lời nguyên, đập lên lời nguyên mà ra đi, mà phụ bạc anh?

Khi nghe những lời tâm sự đau khổ của núi, thi sĩ can thiệp. Tác giả đưa ngón tay lên, và nói:

Non xanh đã biết hay chưa?

Thi sĩ gọi tên núi, và nói: *núi xanh ơi, hãy lắng nghe ta nói, đừng có ngồi đó mà than phiền nữa.*

*Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra biển lại mưa về nguồn.*

Nếu quan sát kỹ, mình có thể thấy được người kia sẽ trở về hoặc đã trở về rồi. Do thất niệm, nên mình nghĩ người kia một đi không trở lại, rồi mình sầu, mình khổ, mình than khóc: *nước đi rồi, nước đã bỏ mình, nước sẽ không bao giờ trở lại.* Mình bị kẹt vào hình tướng, nên không thấy nước đã trở về dưới hình thức khác, có thể là đám mây hay cơn mưa.

Nhiều người nói rằng, thầy Nhất Hạnh đi bốn mươi năm chưa về. Nhưng tôi đã về rồi, về trong những người đệ tử, về qua những cuốn sách, băng giảng. Nếu nói rằng, thầy Nhất Hạnh chưa về thì còn kẹt vào con mắt hữu tướng. Vậy nên, cần thực tập tam giải thoát môn: không, vô tướng và vô tác, cần áp dụng được nó vào cái nhìn đối với các vấn đề của cuộc sống.

Sau chuyến về Việt Nam, một số bạn hữu ở Hoa kỳ hay Úc châu có nói rằng: *Tuy hình hài Thầy không có ở Việt Nam, nhưng con thấy sự có mặt của Thầy ở Việt Nam rất rõ ràng, đi ra Trung cũng thấy Thầy, đi ra Bắc*

cũng thấy Thầy, đi vô Nam cũng thấy Thầy. Những người bạn ấy có con mắt vô tướng. Họ có thể thấy được những cái ngoài tướng. Trong kinh Kim Cương, có câu: phạm sở hữu tướng giai thị hư vọng, tức là nơi nào có hình tướng, nơi đó có sự lường gạt. Thi sĩ đã nhìn vấn đề của núi với con mắt vô tướng: Núi ơi, núi đừng than khóc! Nước đã trở về rồi, tại sao núi còn than khóc?

Nếu có người thân qua đời, mình thường nghĩ, họ đã bỏ mình ra đi vĩnh viễn. *Con ơi, sao con bỏ mẹ mà đi? Anh ơi, sao anh bỏ em mà đi, đành đoạn bỏ em mà đi một mình?* Người ở lại thường trách móc người quá cố giống như cách núi trách móc nước vậy. Người ở lại đập ngực, bứt tóc, khóc lăn ra, vì họ còn kẹt vào hình tướng. Nếu biết nhìn kỹ, mình có thể thấy được những người thân đã quá cố của mình đang ở trong mỗi tế của mình. Mình có thể nói: *ba ơi, con biết là ba đang có mặt trong con, và con đang mỉm cười với ba đây này.* Nếu biết nhìn với con mắt vô tướng, mình không còn cảm thấy xa cách với những người đã khuất, mình không còn cảm thấy sâu khổ nữa. Do vậy, người nào mới vừa mất người thương, muốn bớt sâu khổ, phải theo lời khai thị này của tác giả, phải nhìn để thấy rằng không có gì đi, không có gì mất, vô khứ, vô lai, và cái mình tưởng đã mất, kỳ thực nó đang còn ở trong mình.

*Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra biển lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi*

Rất từ bi! *Nước non hội ngộ còn luôn* nghĩa là sự gặp mặt giữa nước và non xảy ra trong từng giây phút. Mình trách móc người kia phụ bạc mình, nhưng kỳ thực người kia đang ở trong mình. Nếu gọi thầy, con tức khắc thấy thầy ngay. Nếu mình gọi mẹ, mình thấy rõ ràng, mẹ đang có trong mình, đang mỉm cười với mình, và mẹ chưa bao giờ chết. Bản chất của đức Thế Tôn là vô khứ, vô lai, bất sinh bất diệt thì bản chất của mẹ mình cũng vậy. Thấy được điều này, mình sẽ thoát khỏi sâu khổ. Điều này cần được khai thị chúng ta mới thấy được.

*Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chó có buồn làm chi.*

Buồn là kết quả của vô minh. Bởi mình nghĩ, giữa mình và người ra đi có sự xa cách, vĩnh viễn xa cách, nhưng kỳ thực không có gì tới, không có gì đi.

*Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chó có buồn làm chi.*

Câu này chứa đựng tuệ giác của đạo Bụt.

*Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.*

Nơi sườn núi có ngàn dâu mọc xanh tốt. Nếu không có nước liệu dâu có mọc tốt tươi được không? Mình tìm nước ở đâu? Nhìn dâu xanh tốt mọc bên sườn núi, mình có thể thấy được nước đang còn ở đây, đang còn ở với mình. Nếu nước không có ở đây, ngàn dâu sao có thể mọc tốt tươi được. Nước vẫn còn đây, sao núi lại trách móc?

Nước kia dù hãy còn đi,

Trên phương diện hình thức, nước đang đi, đang còn đi mãi. Nhưng trên phương diện nội dung, nước đã về rồi. Ngày hôm qua, thấy nước chảy đi, mình nghĩ, nước đã ra đi. Nhưng thực tế, nước có thể đã trở thành mây đang bay trên đầu chúng ta, nước có thể trở thành mưa đang rơi xuống xung quanh chúng ta, nước đang luân lưu trong ngàn cây nội cỏ tốt tươi.

Ngàn dâu xanh tốt, non thì cứ vui.

Chữ *ngàn* này có nghĩa là rừng, rừng dâu. Ngàn dâu xanh tốt là một đối tượng của sự quán chiếu. Nếu nhìn những tướng không phải tướng nước mà thấy được nước trong đó thì mới thực sự là thấy nước. Ví dụ, nhìn vào phô mai (cheese), mình thấy được sữa thì mới giỏi. Còn mình nói, sữa đâu còn nữa, chỉ có cheese thôi thì chưa giỏi. Cũng như nhìn vào nước đá, mình có thể thấy mây. Nếu không có mây, làm sao có mưa, không có mưa làm sao có nước để làm nước đá. Khi nhìn

tuyết rơi, mình thấy tuyết đâu phải nước, đâu phải mây, nhưng kỳ thực tuyết cũng là mây.

Con mắt của người tu là phải nhìn cái này mà thấy được cái khác thì mới hay. Đó là con mắt tương tức. Ví dụ nhìn anh mình, mình thấy ba, thấy mẹ, và thấy mình trong đó. Đó mới là cái nhìn của tuệ giác. Khi giận anh mình, nếu mình nói: *anh đi đi, tôi không có dính líu gì với anh hết*, chứng tỏ mình chưa có cái nhìn tương tức. Có một người thanh niên giận cha, anh ta nói: *ông đó không phải ba của tôi, tôi không có muốn dính líu gì với ông hết*. Nói như vậy là vô minh, là không thấy được mình là ba mình, mình là sự tiếp nối ba của mình. Mình giận cha, giận mẹ cũng như việc nước đá giận mây vậy. Nước đá giận mây là tự giận chính mình.

Tác giả có rất nhiều tuệ giác. Tác giả mời mình nhìn vào ngàn dâu xanh tốt, nhìn vào rừng dâu để thấy nước trong đó. Núi ơi, xin núi đừng có than phiền, đừng có sầu khổ nữa. Núi hãy vui lên, đừng có chờ đợi nữa, không có sự xa cách đâu. Ba mình, mẹ mình, người thương luôn luôn có mặt trong giây phút hiện tại.

Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui

Và đây là câu kết luận:

*Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi lời thề.*

Non non nước nước, chỗ nào có non là chỗ đó có nước, chỗ nào có nước là chỗ đó có non, không thể chia tách ra được. Không có gì có thể chia cách thầy trò, cha con, huynh đệ, anh em mình được, khi mình có tình thương đích thực, khi mình có mặt trong nhau. Lời thề đó rất nặng, sự cam kết đó rất sâu xa. Muốn giữ được sự cam kết đó, mình cần phải có tuệ giác. Có tuệ giác, có trí tuệ, mình không sầu khổ, than trách nữa.

Bài thơ Thề non nước của thi sĩ Tản Đà có tổng cộng hai mươi hai câu, có mười bốn câu than trách, sầu khổ, và tám câu dùng để khai thị. Chỉ với tám câu khai thị, tác giả đã giúp chúng ta biết nhìn mọi vấn đề của

cuộc sống bằng con mắt vô tướng, và khuyên chúng ta phải biết sống hạnh phúc trong giây phút hiện tại.

12.07.2003 Làng Mai - Pháp quốc.

Thề non nước

Nước non nằng một lời thề,
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.
Nhớ lời “nguyện nước thề non”,
Nước đi chưa lại non còn đứng không.
Non cao những ngóng cùng trông,
Suôi khô giong lệ chờ mong tháng ngày.
Xương mai một nắm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời tây ngả bóng tà dương,
Càng phai vẻ ngọc nét vàng phai pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước, vẫn còn thề xưa.

Non xanh đã biết hay chưa?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chó có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi lời thề.

Tản Đà (1888 – 1939)



Tản Đà tên thật là **Nguyễn Khắc Hiếu**, sinh ngày 8 tháng 5 năm 1888 (tức ngày 29 tháng 4 năm Mậu Tý), tại làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây; nay là huyện Ba Vì.

Thân sinh ông là Nguyễn Danh Kế, đỗ Cử nhân, làm đến Án sát và từng giữ chức Ngự sử trong kinh. Mẹ là Lưu Thị Hiền, cũng có sách ghi là đào Nghiêm, vốn là một đào hát, nổi tiếng tài sắc, giỏi

văn thơ.

Do ảnh hưởng gia đình, năm 14 tuổi, ông đã thạo các lối từ chương thi phú. Năm 1907, ông theo anh ra Hà Nội, học trường Quy Thức ở phố Gia Ngư. Năm 1909, đi thi hương ở Nam Định bị hỏng. Năm 1912, đi thi khoa Nhâm Tý vẫn hỏng, chán nản bỏ về Hòa Bình uống rượu, làm thơ và thưởng trăng.

Năm 1915, ông lập gia đình. Năm 1916, người anh từ trần, gia đình trở nên cùng túng, Tản Đà quyết định chuyển hẳn sang nghề cầm bút. Thời gian này ông viết tường cho các rạp và được đọc thêm nhiều sách dịch Âu Tây bằng chữ Hán, nhờ đó tư tưởng có nhiều biến chuyển.

Năm 1920, đi du lịch ở Huế, Đà Nẵng, trở về viết truyện "Thề non nước". Năm 1921, làm chủ bút tờ Hữu Thanh tạp chí. Được 6 tháng, từ chức, trở về quê. Năm 1922, lại ra Hà Nội lập Tản Đà thư điểm, sau tập hợp với Nghiêm hàm ấn quán thành Tản Đà thư cục.

Năm 1925, phong trào yêu nước dấy lên mạnh mẽ, Tản Đà càng nhập thế tích cực hơn. Ông tổ chức một chuyến du lịch vào Nam, gặp gỡ nhiều nhà chí sĩ và viết bài trên nhiều báo.

Tháng 2 năm 1928, trở về Bắc, rồi lên định cư vùng Yên Lập (Vĩnh Yên), sau xuống Hải Phòng, rồi lại lên Hà Nội. Năm 1933, sau khi An Nam tạp chí bị đình bản, ông chuyển sang trợ bút cho Văn học tạp chí ít lâu rồi về quê ở ẩn.

Cuối năm 1937, chuyển về làng Hà Trì (Hà Đông), tham gia dịch thuật, viết báo. Sau chuyển ra Hà Nội, mở lớp dạy Quốc văn hàm thụ, Hán văn diễn giảng, kiêm cả xem lý số Hà lạc. Ông sống nghèo, không đủ trả tiền nhà phải cùng gia đình dọn về phố Cầu mới.

Trong hai năm 1937 và 1938, ông dịch thơ Đường đăng trên báo Ngày nay, trong đó có bài Hoàng Hạc lâu nổi tiếng của Thôi Hiệu.

Ông qua đời vì bệnh vào ngày 17 tháng 6 năm 1939.

Trên văn đàn của văn học Việt Nam trong hơn 3 thập niên đầu thế kỷ 20, Tản Đà nổi lên như một ngôi sao sáng, vừa độc đáo, vừa dồi dào năng lực sáng tạo. Ông là một cây bút phóng khoáng, xông xáo trên nhiều lĩnh vực, đi khắp miền đất nước, ông để lại nhiều tác phẩm với nhiều thể loại. Ông đã từng làm chủ bút tạp chí Hữu Thanh, An Nam tạp chí. Ông được đánh giá là người chuẩn bị cho sự ra đời của thơ mới trong nền văn học Việt Nam, là "gạch nối giữa hai thời kỳ văn học cổ điển và hiện đại".

Ngoài sáng tác thơ, Tản Đà còn giỏi trong việc dịch thơ Đường ra thơ lục bát và được biết đến như một người dịch thơ Đường hay nhất.

Tác phẩm gồm nhiều thể loại. Văn: *Giấc mộng con I* (1917), *Giấc mộng con II* (1932), *Giấc mộng lớn* (1932), *Thề non nước* (1922), *Tản Đà văn tập* (1932). Thơ: *Khôi tình con I* (1916), *Khôi tình con II* (1916), *Tản Đà xuân sắc* (1918), *Khôi tình con III* (1932). Kịch: *Tây Thi* (1922), *Tống biệt* (1922). Dịch thuật: *Liêu Trai chí dị* (1934). Nghiên cứu: *Vương Thúy Kiều chú giải* (1938), *Một số bài báo...*

Lưu Trọng Lư – Lễ nào anh chết

Truyền thống của Làng Mai là mỗi đêm giao thừa sẽ được nghe đọc thơ và bình thơ. Chúng ta đã từng đọc thơ của Tản Đà, của Nguyễn Bính, của Thâm Tâm, của Thế Lữ và của nhiều thi sĩ khác rồi. Ngày hôm nay chúng ta đọc thơ Lưu Trọng Lư, một bài thơ được viết năm thi sĩ 70 tuổi mà rất ít người biết. Bài thơ này có những suy tư khá sâu sắc về sống chết.

Chúng ta cũng sẽ đọc một bài thơ nữa mà thi sĩ viết trước khi qua đời chỉ mấy tiếng đồng hồ. Bài thơ đó được coi như tương đương với một bài kệ của một thiền sư sắp tịch. Có nhiều vị thiền sư khi sắp tịch, bảo đệ tử đưa giấy mực, viết một bài hay ba câu, bốn câu gì đó, viết xong, quẳng bút rồi tịch. Lưu Trọng Lư cũng có một bài như vậy. Hôm nay chúng ta cũng sẽ có cơ hội đọc bài thơ đó.

Vào một buổi trưa tháng 7 năm 1991, lúc Lưu Trọng Lư đang nằm trong bệnh viện Việt-Xô ở Hà Nội, các cô y tá chuyển serum và cho thi sĩ hít oxygen. Một cô y tá nói: *“Bác ơi bác, khi nào bác khỏe, bác làm cho chúng cháu một bài thơ đi”*. Trong nhà thương ai cũng biết Lưu Trọng Lư là một thi sĩ nổi tiếng. Khi ấy, đang truyền nước biển và thở bình oxy, Lưu Trọng Lư vung tay ra viết một bài thơ, trong lúc tay còn đầy dây với dợ. Bài thơ chỉ có bảy, tám câu thôi, nhưng rất thật, có thể nói là một bài thơ thật nhất trong cuộc đời thi sĩ. Lúc đó thi sĩ không còn sợ hãi, không còn phải đối phó với ai nữa. Không cần đối phó với kẻ thù, cũng không cần đối phó với hoàn cảnh, không cần đối phó với một tổ chức chính trị nào nữa hết.

Lưu Trọng Lư là người Huế, mẹ của Lưu Trọng Lư có nụ cười đen nhánh tại vì thời đó người dân có “mốt” nhuộm răng đen. Quan niệm ngày xưa về cái đẹp rất khác bây giờ, ai mà răng trắng người ta nói trông giống hệt con ma, cho nên phải nhuộm răng cho đen. Mẹ và chị Cầm của tôi ngày xưa cũng vậy, cũng nhuộm răng đen. Nhưng về sau phong trào răng trắng xuất hiện, nên chị của tôi phải cạo cho răng trắng lại, cũng lại do cái mốt mới mà ra.

Nhà văn Nguyễn Trọng Thuật là một cây viết của tập san Phật học Đuốc Tuệ ở Hà Nội, xuất bản vào những năm 1930. Nguyễn Trọng Thuật có viết một tiểu thuyết Quả Dưa Đỏ, một cuốn tiểu thuyết đã sử nói về An Tiêm, con của vua Hùng Vương, người đầu tiên phát hiện ra trái dưa đỏ, nghĩa là trái dưa hấu. An Tiêm bị đày ra ngoài đảo cho chết nhưng nhờ khám phá ra trái dưa đỏ thành ra có cơ hội sống và cuối cùng được trở về nước. An Tiêm có làm một bài thơ vịnh Quả Dưa Đỏ, quả dưa có ruột rất đỏ và hạt rất đen, bài thơ như thế này:

*Gặp em ngoài cõi biển Đông
Yêu em vì một tấm lòng thắm tươi
Răng đen mỉm miệng em cười
Dầu trời nóng nực cũng nguôi cơn nóng
Yêu em anh bế anh bông
Nước non ghi nghĩa tao phùng từ đây*

Còn Lưu Trọng Lư thì có một bài nói về nụ cười đen nhánh của mẹ, là bài “Nắng Mới”.

Nắng mới

*Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác gà trưa gáy náo nùng.
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.
Tôi nhớ mẹ tôi, thuở thiếu thời
Lúc người còn sống tôi lên mười.
Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ người đưa trước dậu phơi.
Hình dáng mẹ tôi chứa xóa mờ,
Hãy còn mừng tượng lúc vào ra.
Nét cười đen nhánh sau tay áo,
Trong ánh trưa hè trước dậu thưa.*

Thế hệ của tôi đã được ru bằng thơ của Lưu Trọng Lư, cái lãng mạn này thật nhẹ nhàng thôi. Thơ của Lưu Trọng Lư là thơ tình, thơ mộng và thơ sầu, bất cứ người nào sống trong thời đại đó đều được ru bởi những bài thơ của Lưu Trọng Lư, vì trong chúng ta ai cũng có những hạt giống của tình, của mộng, của sầu cả.

Ở chùa không đọc và hát những bài thơ và những bài nhạc có tính cách trữ tình, sầu mộng. Nhưng hôm nay là Tết, nên mình cho phép các sư cô, các sư chú được nghe loại thơ, nhạc này. Tôi có chọn được hai bài điển hình của Lưu Trọng Lư nói về tính sầu, tính mộng.

Sầu Rụng

Vầng trăng từ độ lên ngôi
Năm năm bến cũ em ngồi quay tơ
Để tóc vương vãn thơ sầu rụng
Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo
Năm năm tiếng lụa se đều
Những ngày lạnh rớt, gió vèo trong cây
Nhẹ bàn tay, nhẹ bàn tay
Mùi hương hàng xóm bay đầy mái đông
Nghiêng nghiêng mái tóc hương nồng
Thời gian lặng rớt một dòng buồn tênh.

Tiếng Thu

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thốn thức?

Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?

Em không nghe rì rào thu
Lá thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?



Chân dung Lưu Trọng Lư
khi viết bài Tiếng Thu

Các vị đã từng nghe qua các bài thơ này rồi, hôm nay cho phép tưới tắm hạt giống đó trở lại. Những người trẻ, nhất là các cô, các chú chưa bao giờ được nghe, cũng được phép thưởng thức những bài thơ này, đó là thứ thơ và nhạc lãng mạn ngày xưa tôi đã đi ngang qua. Sau đó tôi sẽ nói chuyện thêm về Lưu Trọng Lư thời còn trẻ, thời tham gia kháng chiến chống Pháp và cuối cùng là thời tham gia cuộc chiến có

người Mỹ tham dự

Trong đời sống hàng ngày nếu bận rộn quá, chúng ta sẽ không có cơ hội để nhìn sâu vào sự sống và nhất là sự sống của chính mình. Mình cứ để thời gian đi qua một cách oan uổng, mình lo những chuyện gọi là “thực tế” vì vậy mình không có cơ hội nhìn sâu để thấy được mình là ai? Mình từ đâu tới và mình sẽ đi về đâu?

Lưu Trọng Lư hồi còn trẻ đã từng mơ mộng, đã từng yêu đương, đã từng sầu khổ. Khi lớn lên đã đi vào thực tế, ông tham gia kháng chiến, trải qua hai cuộc chiến tranh và đến tuổi bảy mươi thì ấn tượng của hai cuộc chiến đó vẫn còn ghi dấu nặng nề trong lòng. Nhưng Lưu Trọng Lư đã có cơ hội nhìn lại cuộc đời mình, đã suy tư và đã có quán chiếu về vấn đề sống chết.

Chúng ta từng thấy có những vị xuất gia lên đến tuổi bảy mươi mà chưa chắc có được cái thấy bằng cái thấy của Lưu Trọng Lư. Nhiều vị xuất gia chỉ lo làm chùa, lo hoạt động, lo hoằng pháp và không có thì giờ để tu tập, quán chiếu. Cái thấy của Lưu Trọng Lư là cái thấy của người xông pha trong tên đạn, tham dự vào cuộc chiến và đi qua bao nhiêu khó khăn, tủi nhục. Lưu Trọng Lư có một người con trai tên là Nông chết ở miền Nam trong khi tham dự vào cuộc chiến chống Pháp.

*Anh không ngồi đếm bao thu còn lại
Bao tuần lá đỏ vàng rơi
Khi cánh song anh khép kín cõi đời*

Anh vẫn không tin mình chết

Đến khi hình hài này tan rã rồi, anh vẫn không tin rằng anh sẽ chết. Như vậy có nghĩa là Lưu Trọng Lư đã thấy được tính bất sinh bất diệt của mình. Thi sĩ không tin rằng mình có thể chết được. Nhưng trong cuộc sống, thi sĩ đã có cơ hội để nhìn lại cuộc đời mình, nhìn kỹ sinh tử và có thể thấy được tính không sinh, không diệt ở chiều sâu. Tôi rất mừng khi thấy Lưu Trọng Lư còn có thể làm được bài này khi thi sĩ ở tuổi 70 và càng mừng hơn nữa khi đọc bài thơ cuối cùng, sáng tác trước khi thi sĩ chết mấy tiếng đồng hồ, chứng tỏ thi sĩ đã có sự giải thoát.

Chúng ta thường nói năm cũ sẽ đi qua để nhường chỗ cho năm mới. Năm cũ sẽ chết để cho năm mới sinh ra nhưng kỳ thực năm cũ không chết, năm cũ được tiếp tục trong năm mới và nếu nhìn vào năm mới cho sâu sắc, ta thấy năm cũ vẫn còn nguyên vẹn trong năm mới. Những gì ta làm trong năm cũ còn y hệt trong năm mới. Như vậy năm cũ không đi đâu hết, năm cũ vẫn còn ở lại với ta. Ngay bốn câu đầu mình đã thấy con người này có bản lĩnh.

Anh không ngồi đếm bao thu còn lại

Bao tuần lá đỏ vàng rơi

Khi cánh song anh khép kín cõi đời

Anh vẫn không tin mình chết

Khi chia tay không cất lời vĩnh biệt

Buổi giao ban không đứt đoạn đường dây

Trong gian nan ta gọi thếp sáng ngời

Giữa đôi thoai ngày mai ta sẽ không vắng mặt

Vào giây phút phải chia tay, tôi sẽ không nói vĩnh biệt, tôi chỉ nói: see you again (hẹn gặp lại). Vĩnh biệt có nghĩa là không bao giờ lại gặp lại nhau nữa nhưng đây không phải là vĩnh biệt. Mình sẽ gặp nhau nơi suối nguồn, mình sẽ gặp nhau khắp nơi trên mọi nẻo đường.

Hãy cười cùng tôi, hãy nắm tay tôi,

Hãy vẫy tay chào để rồi tức thời gặp lại. ^[1]

Vì vậy, nếu khi chia tay không cất lời vĩnh biệt là bởi không có sự biệt ly. Tôi với anh, tôi với em sẽ mãi mãi ở bên nhau, trong em có tôi và trong tôi có em, không có sự chia ly, xa cách.

Buổi giao ban không đứt đoạn đường dây

Có một thời khắc gọi là giao thời giữa năm mới và năm cũ, nhưng không có sự đứt đoạn, tại vì năm cũ tiếp tục trong năm mới cho nên chữ vĩnh biệt không còn có nghĩa. Giờ phút mình gọi là chuyển tiếp, không phải là giờ phút biệt ly.

Trong gian nan ta gọi thép sáng ngời

Giữa đôi thoai vào ngày mai ta sẽ không vắng mặt

Khi lâm vào thế gian nan, một thế cờ cần phải tranh đấu, thì mình cần có một lưỡi gươm, lưỡi gươm của trí tuệ, lưỡi gươm của ý chí. Tôi sẽ có mặt và hình hài mà anh thấy đây tuy sẽ tan rã nhưng tôi sẽ vẫn có mặt trong ngày mai. Cuộc đối thoại vẫn còn tiếp tục giữa con người với con người. Và Lưu Trọng Lư hiện đang có mặt trong giờ phút này với chúng ta.

Bão gió ba mươi đầu cành vẫn trong tiếng hát

Ôi mẹ! Với mây xanh, sao biếc, nắng vàng

Tơ rút ruột, kén thời gian tầm lót ổ

Cho trời, cho đất một tình thương

Ba mươi năm chiến tranh, ba mươi năm bão tố, giờ đây đầu cành vẫn vang lên tiếng con chim nhỏ đang líu lo, bông hoa vẫn chưa ngưng lời hát ca.

Đứng yên ngoài hàng dậu

Em mím nụ nhiệm màu

Lặng nhìn em kinh ngạc

Vừa thoáng nghe em hát

Lời ca em thiên thâu

Ta sụp lạy cúi đầu ^[2]

Bông hoa nhỏ bé mà ta thấy ngoài hàng đậu ấy đang tiếp tục hát bài thiên thu. Con chim nhỏ đậu đầu cành kia đầu có trải qua ba mươi năm bom đạn vẫn còn vang tiếng hót.

Tơ rút ruột, có nghĩa là tôi vẫn còn làm thơ, làm thơ trong bão tố, làm thơ trong chiến tranh, làm thơ trong hy vọng, làm thơ trong tuyệt vọng. Giống như con tằm luôn luôn rút ruột ra để làm sợi tơ óng ánh kết thành tổ kén. Thơ của tôi với sợi tơ vàng óng ánh cùng với mây xanh, sao biếc, nắng vàng là để hiến tặng cho trời cho đất một tình thương. Nhiệm vụ của tôi là chế tác tình thương, hiến tặng tình thương cho cuộc đời. Đây đích thực là một thi sĩ, là một chiến sĩ mà cũng là một đạo sĩ. Nếu cần phải tranh đấu thì ta là người chiến sĩ, nếu cần ca hát thì ta là người nghệ sĩ và nếu cần tình thương thì ta là nhà đạo sĩ chế tạo tình thương. Nhà đạo sĩ là người hiến tặng tình thương, tình thương là cái mà con người đang cần.

Đâu phải anh vào nơi bất diệt

Vì trăm năm sau

Cô bé nào bên cầu ao

Chợt ngâm đùa mấy câu thơ anh, vợ vẫn

Nói như vậy không có nghĩa là tôi sẽ đi vào một nơi gọi là Niết bàn, gọi là bất diệt, tách rời ra ngoài sự sống. Niết bàn, bất sinh bất diệt nằm ngay trong sự sống. Ta Bà là Tịnh Độ, Sinh Tử tức Niết bàn.

Tôi không mơ ước một cõi Niết bàn, một cõi vô sinh bất diệt tách rời ra khỏi sự sống, tại vì tôi biết rằng sự sống có sinh có diệt, nó chứa đựng niết bàn trong nó và không có sự phân biệt giữa niết bàn bất diệt với sự sống có sinh diệt. Tìm niết bàn ngay trong sinh tử.

Trăm năm sau, khi hình hài tôi tan rã, có những cô bé quê ở bên bờ ao sẽ ngâm nga một vài câu:

Em không nghe mùa thu

Dưới trăng mờ thôn thức. ^[3]

Đó là sự tiếp nối của tôi, cô bé đó là tôi. Thơ tôi và người đọc thơ tôi vẫn còn mãi mãi. Lưu Trọng Lư thấy được sự tiếp nối của mình ngay

khi hình hài ông chưa tan rã. Chúng ta là người đã từng nghe pháp thoại nhiều lần về đề tài sinh tử, chúng ta là người đã được hướng dẫn ngồi thiền, nhưng chúng ta có được một cái thấy như Lưu Trọng Lư hay chưa? Hay tại quá bận rộn trong đời sống hàng ngày, chúng ta không có cơ hội để nhìn, để thấy?

*Anh biết rồi mắt anh sẽ tan thành bụi phấn
Nhưng em có hay hạt bụi mắt anh
Là con thương của giọt nắng rơi từ trên cành
Và của hạt sương từ đất đen tụ lại?*

Cái gì mà không trở thành cát bụi nhưng cát bụi này lại trở thành quý giá. Sau này hình hài anh tan rã, mắt anh trở thành bụi phấn nhưng những hạt bụi phấn ấy cũng là đứa con thương mến của giọt nắng rơi từ trên cành. Tất cả đều tương tức. Những bụi phấn rơi từ con mắt cũng là đứa con thương của những hạt sương từ đất đen tụ lại.

Mắt là tứ đại: đất, nước, lửa và gió. Tai cũng là tứ đại, nhưng trong văn học đạo Bụt mắt đại diện cho sáu căn vì mắt luôn luôn đi trước (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Mắt của anh khi rơi xuống cũng sẽ trở thành bụi vàng và tai khi rơi xuống cũng sẽ thành bụi vàng. Bụi vàng đó cũng là đứa con thương của ánh sáng mặt trời từ trên rơi xuống, cũng là con thương của những hạt sương từ đất nâu kết tụ lại. Mắt của anh sẽ không bao giờ mất.

Hôm nay chúng ta ngồi đây trong giây phút chờ đợi giao thừa và đọc thơ của Lưu Trọng Lư. Đọc với tính cách quán chiếu, đọc ngay trong lòng, trong cơ thể của mình.

*Còn say, còn mơ, còn luân hồi mãi mãi
Bụi phấn vẫn bay đi cướp lửa những sao trời
Để sưởi nồng mảnh mảnh trăng rơi
Và chút chút nhen hồng trong mắt người bất hạnh*

Luân hồi nghĩa là sự tiếp nối, nghĩa là không có sự đứt đoạn, nghĩa là không có sự chấm dứt. Bụi phấn kia rơi từ mắt anh, đi luân hồi với tính cách của thơ, của mộng, của tình thương, tác hợp với ánh lửa sao

trời để sưởi nòng mảnh mảnh trăng rơi và chút chút nhen hồng trong mắt người bất hạnh. Có những con người không may, có những em bé đói, những người già không ai chăm sóc, có những người đang bị giam cầm, có em bé mất cha, mất mẹ. Những người bất hạnh đó cần có tình thương, cho nên bụi vàng trong mắt anh sẽ tiếp tục làm trong công việc đó với thơ, với mộng, với tình thương.

*Nếu chút thương còn vương trên mẩu bánh
Chút đau còn vương áo chưa lành
Bọn côn đồ còn dọa dẫm hành tinh
Bụi mắt anh, cả hồn anh khắp trời bủa lưới*

Mẩu bánh đây tức là bát cơm nguội, miếng bánh mì khô mà em bé đói đang mơ ước. Em bé cầm cái bát sứ mẻ trong tay chờ đợi giờ này sang giờ khác mà không có được một muống com, một miếng bánh nào. Em bé đứng trong trời lạnh căm căm không có một manh áo che thân. Chút đau đó, chút thương đó làm động trái tim mình và thơ trong lòng mình được xúc tác tạo ra trong lòng mình chút yêu thương, chút từ bi.

*Bọn côn đồ còn dọa dẫm hành tinh
Bụi mắt anh, cả hồn anh khắp trời bủa lưới*

Khi bọn côn đồ còn dọa dẫm hành tinh này thì thơ của anh vẫn tiếp tục làm công việc xúc tác chất tình thương, chất hiểu biết trong con người. Bụi vàng rơi từ mắt anh khi thân xác này tan rã cùng với tâm hồn anh sẽ bủa lưới khắp trời, bủa lưới tình thương để chăm sóc và bảo hộ cho hành tinh này, để lo lắng cho những người bất hạnh.

Sau khi hình hài tôi tan rã thì thơ tôi, tình thương tôi, những hạt bụi rơi xuống từ cơ thể tôi sẽ cộng tác với tất cả tâm hồn tôi để bủa thành tấm lưới để che chở, để ngăn ngừa không có cho tàn ác, bất công và bạo động hoành hành trên hành tinh này.

*Xin cảm tạ ngọn sóng lòng vừa tới
Giữa dòng thơ trên tờ giấy trắng tinh*

Khi mình có một ít cảm thọ, một ít xúc động, ngọn sóng lòng đưa tới sẽ biểu hiện thành một câu thơ trên tờ giấy trắng.

*Và băng quơ tiếng gió trên cành
Xua chút lạnh bên bờ cây còn sót lại*

Có tiếng gió trên cành băng quơ và tiếng gió đó sẽ giúp cho hình hài tôi tạo thành sức ấm để có thể xua bớt cái lạnh còn sót lại bên bờ cây.

*Có nhạc nào bằng khúc nhạc ấy
Của lời trao tiếng gọi giữa con người*

Khi giữa những con người với nhau có sự đối thoại, có sự truyền thông, có nhạc, có thơ, có sự tìm hiểu nhau thì không có khúc nhạc nào hay bằng khúc nhạc của sự đối thoại, của sự truyền thông đó. Con người phải tiếp tục truyền thông với nhau, trao đổi, cười nói và chia sẻ với nhau. Đó là khúc nhạc hay nhất trong tất cả các bản nhạc. Trong nhạc khúc đó, thơ là phương tiện lớn, thơ thiết lập sự truyền thông, thơ lấy đi những hiểu lầm, thơ lấy đi những hận thù, thơ thiết lập sự thương nhau và hiểu nhau.

*Có nhạc nào bằng khúc nhạc ấy
Của lời trao tiếng gọi giữa con người
Cũng bấy nhiêu tiếng khóc tiếng cười
Mà vàng ngọc trên thế gian không sánh nổi*

Chỉ cần tiếng khóc, tiếng cười, chỉ cần phương tiện truyền thông, mà không có vàng nào, ngọc nào trên thế gian có thể sánh nổi. Không gì quý bằng sự truyền thông giữa con người với con người mà ngày mai phải tiếp tục và tôi sẽ có mặt với các vị.

*Ta chẳng bao giờ tiếc nuôi
Những giọt nước mắt đổ ra
Vì một ý đẹp, một cành hoa
Hay vì một nỗi đau bên đường đụng phải*

Trong thơ ta đã cười, ta đã mơ nhưng ta cũng đã khóc và ta không tiếc rằng ta đã khóc tại vì tiếng khóc đó cũng là một phương tiện để truyền thông.

Có một ý đẹp, ta có thể khóc, khóc vì nó quá đẹp. Đó là những giọt nước mắt của sự cảm động. Có phải mình chỉ khóc khi mình khổ đau? Mình cũng khóc khi thấy đất trời quá đẹp, khi thấy tình người quá đẹp, những giọt nước mắt đó có khả năng trị liệu, làm lành thương tích nơi mình và nơi người.

Thấy một cảnh hoa đẹp quá mình cũng có thể khóc được. Thầy Giác Thanh, đệ nhất trụ trì của tu viện Lộc Uyển kể rằng có một hôm thầy đi vào trong núi, thầy thấy rất nhiều hoa nở vào mùa Xuân, thầy quỳ xuống, chấp tay lại và khóc. Tại sao khóc? Tại sao phải quỳ xuống? Tại vì thầy thấy được những cái hết sức màu nhiệm của đất trời.

*Vì một ý đẹp, một cảnh hoa
Hay vì một nỗi đau bên đường đụng phải*

Anh hùng gặp chuyện bất bình không thể nào bỏ qua được. Khi trông thấy sự bất bình, những bất công, những thương đau, thì mình sẽ luôn luôn lấy thơ ra để đáp ứng. Thơ của mình là tình thương, thơ của mình là sự hiểu biết.

*Có những hoàng hôn kia tan xóa mờ chân sỏi
Giữa nơi đây ta chong sáng ngọn đèn*

Bóng tối không cho chúng ta nhận diện được loài lang sói đang có mặt. Ta giữ ngọn đèn của ta cho thật sáng, đừng để bóng tối tràn ngập, đừng để cho những loài ma quái xâm chiếm cuộc đời ta. Giữ cho ngọn đèn của mình sáng chói để thấy, biết những gì đang xảy ra. Những con chó sói sắp ủa vào, tức là những mê mờ, thù hận bắt đầu biểu hiện trong tâm ta thì lúc ấy ta thắp lên một ngọn đèn chánh niệm đó là công việc rất là cần thiết.

*Giữ mãi hồn thương, sắc mơ còn đỏ mãi
Dầu mơ kia chưa trọn nở trước thềm*

Bổn phận của chúng ta là luôn nuôi dưỡng hồn thương, nuôi dưỡng bồ đề tâm. Những mơ ước của mình phải được giữ gìn đừng để cho chúng chết. Mơ ước gì? Mơ ước một ngày kia, nhân loại biết thương nhau, biết nắm tay nhau và tha thứ cho nhau. Thà là tôi bị lừa gạt còn hơn tôi bị mất niềm tin nơi con người. Dầu tôi có ngây thơ, tôi có bị lừa gạt, tôi vẫn muốn chấp nhận điều đó hơn là tôi nghi ngờ con người. Thành công của Lưu Trọng Lư là ở chỗ vẫn còn niềm tin nơi con người. Chừng nào bạn hết niềm tin nơi con người thì chừng đó bạn sẽ chết. Mình phải tin rằng trong mỗi con người đều có Phật tính mà Phật tính đó không bao giờ có thể tiêu diệt được. Dầu con người có độc ác, có nham hiểm nhưng mình vẫn tin rằng con người ấy một ngày nào đó sẽ vươn lên.

Tình thương và mộng ước, mộng ước này trong đạo Bụt gọi là đại nguyện. Nếu không có đại nguyện thì không có sức sống, còn nếu không có đại bi thì không có hạnh phúc. Đại bi và đại nguyện là hai cái mình phải nuôi dưỡng trong đời sống hàng ngày.

Giữ mãi hồn thương, sắc mơ còn đỏ mãi.

Đỏ mãi tức là còn cháy mãi như là một ngọn đèn.

Dầu mơ kia chưa trọn nở trước thêm

Có hạnh phúc nào như hạnh phúc niềm tin

Dầu mơ ước của mình mới thực hiện được một phần, một phần rất nhỏ, nhưng mình vẫn giữ được niềm tin và tình thương đó.

Chừng nào niềm tin không còn là mình sẽ chết. Ngày nào mình còn giữ được niềm tin, ngày đó mình vẫn còn năng lượng để sống: “Đã có đường đi rồi, con không còn sợ nữa”. Niềm tin là năng lượng giúp ta đi tới.

Vẫn như thuở nào tóc để rơi chiếc lược

Cho mắt anh lại được gặp mắt em

Cho hai tia lửa nhỏ hồng thêm

Ngày xưa khi còn trẻ, anh hai mươi tuổi, em mười chín tuổi, chúng ta còn rất ngây thơ, tuy rằng ngây thơ như vậy nhưng chúng ta có niềm tin nơi nhau và muốn làm sao để cho niềm tin đó còn mãi cho dù mình lớn lên, 30 tuổi, 50 tuổi, 70 tuổi hay 90 tuổi.

*Gà ban mai mỗi ngày còn đập cánh
Thì ai tắt được lửa bình minh*

Gà là con vật thức dậy sớm nhất, những con gà trống buổi sáng nào cũng đập cánh kêu ò ó o o o... Thời kháng chiến, nhất là ở miền quê, làm gì có đồng hồ nên sáng tinh sương mà còn nghe gà gáy thì đó là một tin mừng:

*Gà ban mai vẫn còn đập cánh,
Thì ai tắt được lửa bình minh ?*

Không ai thể có ai tắt được lửa bình minh.

*Khi tim anh còn chan chứa ân tình
Lẽ nào em tin rằng: Anh sẽ chết?*

Trái tim của anh còn đầy đầy ân tình thì làm sao anh có thể chết được. Thành ra cái chết là cái mình có thể vượt thắng. Cái chết không có, chỉ có sự tiếp nối thôi, cho nên tới tuổi bảy mươi, tám mươi mình vẫn giữ được niềm tin và tình thương trọn vẹn. Làm sao nói là mình chết được? Lưu Trọng Lư bằng cách sống của mình đã tìm thấy được chân lý vô sinh bất diệt, thấy rằng không có cái chết và nhờ đó thi sĩ đánh bại cái chết. Đó là đỉnh cao của Lưu Trọng Lư. Lưu Trọng Lư từ “*Em không nghe mùa Thu dưới trăng mờ thồn thức*” cho tới Lưu Trọng Lư của tuệ giác, của sự vượt thoát sống chết.

Và tiếp theo đây tôi xin đọc bài thơ cuối cùng của nhà thơ Lưu Trọng Lư. Khi cô y tá chưa kịp lấy cây kim ra, sợi dây truyền serum vẫn còn đó nhưng thi sĩ nhất định kêu cô y tá đưa cho ông ta cây bút để thi sĩ viết bài thơ cuối cùng.

Trời đã về chiều.

Chiều này không phải là chiều ở bên ngoài. Đó là chiều ở trong lòng, thi sĩ biết là thân hình mình sắp tan rã.

Buồn tà, vơ vẩn tà.

Tà tức là buổi chiều nghiêng nghiêng, có cái buồn, có cái vơ vẩn và ta đi tìm ai bây giờ? Cố nhiên cuộc sống là một cuộc đi tìm, một cuộc đi tìm không ngưng nghỉ. Chúng ta ai cũng là người đi tìm cả và cuộc tìm kiếm đó không bao giờ chấm dứt. Cho đến giờ phút chót, vẫn thấy rằng mình phải đi tìm nhưng mà tìm ai?

Ta đi tìm ai bây giờ?

Và ai tìm ta nữa?

Rất là lạ, mình cũng đang đi tìm mà mình không biết có tìm được hay không? Có thể có người đang đi tìm mình và không biết người đó có thể tìm được mình hay không? Khi đọc đến đây thì mình thấy được giáo lý về Bất khả đắc. Bất khả đắc là không nắm bắt được.

Có một lần khi thầy A Nậu La Độ đang đi khát thực thì bị một số thầy ngoại đạo chặn lại rồi nói: huynh phải trả lời cho chúng tôi vài câu hỏi về giáo lý. Sau khi đức Thế Tôn nhập diệt rồi thì Ngài còn hay là Ngài không còn? hay là Ngài vừa còn vừa không còn? hay là Ngài vừa không còn cũng không không còn? Huynh phải trả lời cho chúng tôi trong phạm vi bốn mệnh đề đó:

Đó gọi là tứ cú. Huynh không thể nào thoát ra khỏi bốn phạm trù đó được. Huynh phải trả lời là Bụt sau khi chết thì là Bụt nằm vào trong cái box nào của bốn cái box đó, bốn khái niệm đó? Thầy A Nậu La Độ nói: Theo như tôi hiểu thì đức Thế Tôn không bao giờ nói đến sự có mặt của Ngài trong bốn phạm trù như vậy.

Trong khi đi về, thầy A Nậu La Độ nghĩ rằng có thể là mình sẽ tiếp tục gặp những người du sĩ ngoại đạo như thế, và họ sẽ hỏi mình câu đó nhiều lần nữa và mình làm sao để trả lời được cho đúng ý của đức Thế Tôn. Cho nên thầy mới tới thăm Bụt và kể lại câu chuyện mình đã gặp những du sĩ ngoại đạo như thế nào và nhờ đức Thế Tôn cho mình một câu trả lời.

Đức Thế Tôn nhìn thầy A Nậu La Độ cười và nói rằng: Thầy có thể tìm Như Lai trong sắc hay không?

Thầy A Nậu La Độ: Đâu được, đâu có thể nhận diện đức Như Lai qua sắc được, tại đức Như Lai vượt thắng, vượt qua sắc, không kẹt vào trong sắc.

Đức Thế Tôn: Như vậy có thể nhận thức được Như Lai qua thọ, qua tưởng, qua hành, qua thức được không?

Thầy A Nậu La Độ: Không được, cũng không thể nhận thức được Như Lai qua thọ, tưởng, hành thức.

Rồi đức Thế Tôn nói: Như vậy có thể nhận diện Như Lai ngoài sắc được không?

Thầy A Nậu La Độ: Không được, không thể nhận diện Như Lai ngoài sắc được.

Bụt cười: Như Lai đang ngồi sò sò đây mà thầy tìm Như Lai còn không được, huống hồ là sau khi sắc thân Như Lai tan rã!

Như Lai không phải là một đối tượng có thể nắm bắt được bằng cái trí năng của mình.

Ta đi tìm ai?

Ai tìm ta nôi?

Có thể ta có người yêu và người đó đang muốn nắm ta, muốn bắt ta.

Biết ta là ai nhưng ai tìm ta nôi?

Tự thân của Lưu Trọng Lư bao giờ cũng màu nhiệm như tự thân của đức Như Lai, tự thân một chiếc lá hay một đám mây. Chúng ta không thể nắm bắt được một chiếc lá hay một đám mây bằng trí năng của ta được. Cái đó gọi là vô khả đắc, vô đắc, bất khả đắc.

Làm sao mà Lưu Trọng Lư đạt tới được cái thấy này? Lưu Trọng Lư học được cái này ở chỗ nào? Cố nhiên là Lưu Trọng Lư đã từng đi

chùa, có thể là đã được nói chuyện với các thầy. Thi sĩ đã có cơ hội chiêm nghiệm, để mà nhìn sâu vào trong bản chất của sự sống.

Bài thơ này là bài thơ thật nhất trong tất cả các bài thơ tại vì lúc đó thi sĩ đã gần chết rồi. Bài thơ này không phải làm ra để tặng cho các cô y tá. Các cô y tá lúc đó sức mấy mà hiểu được bài thơ này! Bài thơ này là để cho chúng ta, ngày hôm nay ngồi ở Lộc Uyển.

Ta đi tìm ai bây giờ?

Ai tìm ta rồi?

Mà ai tìm ta rồi và người ta đi tìm ta cũng không nắm bắt được nhưng ước muốn đi tìm vẫn còn đó. Có một thao thức muốn đi tìm, nhưng tìm bằng cái gì? Tìm bằng trí năng của mình hay tìm bằng trái tim của mình?

Ngày xưa đức Thế Tôn nói rằng: Với cái trí năng của mình và bốn mệnh đề: có, không, có và không, không có cũng không không ta không thể nắm bắt được cái gì hết. Ai tìm ra mình được và mình có thể tìm ra được ai?

Ai tìm cho rồi?

Có thể người yêu ta đang đi tìm ta nhưng người yêu ta cũng không tìm ra ta được. Mà cảnh sát công an có muốn tìm ta thì cũng không tìm ra ta được; sức mấy mà cảnh sát công an có thể tìm ra được ta. Họ có thể tìm ra được bóng dáng, có một khái niệm về ta rằng ta là người ngay hay kẻ gian, nhưng không ai có thể tìm ra chân tướng của ta, tìm ra chân như của ta. Với trí năng đó không ai có thể nào tìm ra ta được, tìm Bụt không được mà tìm Lưu Trọng Lư cũng không được, tìm một tờ lá hay một đám mây cũng không được.

Ta đi tìm ai bây giờ?

ai tìm ta rồi?

trăm khóa không giữ lấy ta

Trăm khóa tức là một trăm cái xiềng, một trăm cái xích. Một trăm cái khóa cũng không giữ được ta, dù đó là kẻ thù hoặc dù đó là người

thương cũng không thể nào khóa được ta. Ta đã trở thành con người tự do rồi, không cái gì có thể xích ta lại được. Và nếu các người đi tìm ta bằng khái niệm của các người, bằng những nhãn hiệu, những cái mũ chụp lên ta thì không bao giờ tìm thấy được ta hết. Trăm khóa không giữ nổi ta, tại vì ta đạt tới tự do rồi.

*Ta như con chim giữa trời
Vô ích, vô ích, vô ích*

Trong bài thơ này có đến sáu chữ vô ích. Chữ vô ích đó mình có thể hiểu theo nhiều cách. Tất cả những cái mình chạy chọt tìm kiếm, những cái mình đang tranh đấu, lùng bắt, theo đuổi đều là vô ích cả. Đây là cơ hội để chúng ta nhìn lại. Chúng ta đã và đang chạy theo cái gì? Chúng ta đã và đang mơ ước cái gì? Chúng ta thấy cái gì quan trọng nhất trong cuộc đời? Tất cả những cái đó thi sĩ Lưu Trọng Lư nói đều là vô ích hết. Đây là những tiếng hét, những tiếng hét rất lớn không kém gì tiếng hét của Thiên tổ Lâm Tế. Đó là lời tuyên án.

Vô ích, vô ích, vô ích.

Tất cả những cái mà các người theo đuổi, tất cả những gì mà ta theo đuổi trong thời trai trẻ, tất cả đều là vô ích. Chúng ta đã để cho những cái đó làm mất cuộc đời của ta. Chữ *vô ích* được lập lại sáu lần trong một bài thơ ngắn.

Vô ích, vô ích, vô ích

Đó là tiếng của một con chim đã bay trên không và phán xuống cho chúng ta: tất cả những cái gì mà các người đang làm đều là chuyện vô ích. Quý vị nên quán chiếu lại: những cái làm ta thất vọng, khổ đau, rên xiết, làm ta suy tụt chút nữa là tự tử, những cái đó có thật sự ích lợi cho cuộc đời ta hay không? Hay đó toàn là những chuyện không đáng, toàn những chuyện vô ích?

Tôi rất mừng và tôi rất biết ơn các cô y tá, đã tho thê như thế nào mà mời được người thi sĩ già, gom hết toàn lực của mình để viết ra bài thơ này. Bài thơ tương đương với một bài kệ của thiền sư trước khi nhập diệt.

*Không ai giữ nổi ta hết
Ta đi tìm người ta yêu*

Mục đích của sự sống là đi tìm người yêu của mình. Nếu quý vị để thì giờ đi làm chuyện khác là quý vị sai lầm.

*Đói lòng ăn nửa trái sim
Uống lưng bát nước đi tìm người thương ^[4]*

Đó là việc đáng làm nhất.

*Ta đi tìm người ta yêu
Cứu nhân của đời ta*

Cứu nhân (Savior, my savior) chính là người yêu của ta đã mở mắt cho ta, đã cho ta cái thấy, đã đưa ta thoát khỏi thân phận tù đày của con người, đã chỉ cho ta thấy được con đường để ta đi tìm người yêu của ta.

*Con đã đi tìm Thế Tôn
từ hồi còn ấu thơ
Con đang nghe tiếng gọi của Thế Tôn
từ khi mới bắt đầu biết thở
Con đã ruổi rong vạm nẻo đời hiểm trở
Ta từng đau khắc khoải
với trăm thương ngàn nhớ
trên bước đường hành hương ^[5]*

Mình phải đi tìm người yêu của mình.

*Ta đi tìm người ta yêu
Cứu nhân của đời ta
Muôn lần ...
Chỉ có người, người ta yêu*

Chữ người ở đây được hiểu là chỉ có con người, chỉ có người ta yêu mới đáng để ta đi tìm thôi.

Ai bắt ta nổi?

Ta đã tự do, không có ai cấm cản chuyện ta đi tìm người yêu ta, đầu đó là một guồng máy, đầu đó là một sự dọa nạt, một sự hứa hẹn, đầu đó là gông cùm. Không khóa nào giữ được ta, không có một lực lượng nào ngăn cản ta trên con đường đi tìm người yêu, người tôi yêu.

Ai bắt ta nổi?

Vô ích, vô ích, vô ích

Ta đi tìm người ta yêu

Thông điệp rất là rõ và thông điệp đó đã được gởi đi cho tất cả những người đã yêu mến thi sĩ.

21.01.2004 *Lộc Uyên – Hoa Kỳ 1*

-
- [1]. thi kệ của Sư Ông Làng Mai
 - [2]. Thơ Quách Thoại
 - [3]. Thơ Lưu Trọng Lư
 - [4]. Ca dao
 - [5]. Thơ của Sư Ông Làng Mai

Lẽ nào anh chết

Anh không ngồi đếm bao thu còn lại

Bao tuần lá đỏ vàng rơi

Khi cánh song anh khép kín cõi đời

Anh vẫn không tin: mình chết

Khi chia tay không cất lời vĩnh biệt

Buổi giao ban không đứt đoạn đường dây

Trong gian nan ta gọi thép sáng ngời

Giữa đôi thoại ngày mai ta không vắng mặt.

Bão gió ba mươi năm đầu càn vãn trong tiếng hát

Ôi mẹ! Với mây xanh, sao biếc, nắng vàng

Tơ rút ruột, kén thời gian tằm lột ố

Cho trời, cho đất một tình thương.

Đâu phải anh vào nơi bất diệt

Vì trăm năm sau
Cô bé nào bên cầu ao
Chợt ngâm đùa mấy câu thơ anh, vợ vẫn.

Anh biết rồi mắt anh sẽ tan thành bụi phấn
Nhưng em có hay: hạt bụi mắt anh
Là con thương của giọt nắng rơi tự trên cành
Và của hạt sương tự đất đen tụ lại?

Còn say, còn mơ, còn đời luân hồi mãi mãi
Bụi phấn vẫn bay đi cướp lửa những sao trời
Để sười nồng mảnh mảnh trăng rơi
Và chút chút nhen hồng trong mắt người bất hạnh.

Nếu chút thương còn vương trên mẩu bánh
Chút đau còn vương áo chưa lành
Bọn côn đồ còn dọa dẫm hành tinh
Bụi mắt anh, cả hồn anh khắp trời bủa lưới.

Xin cảm tạ ngọn sóng lòng vừa tới
Giữa dòng thơ trên tờ giấy trắng tinh
Và băng quơ tiếng gió trên cành
Xua chút lạnh trên bờ cây còn sót lại

Có nhạc nào bằng khúc nhạc ấy
Của lời trao tiếng gọi giữa con người
Cũng bấy nhiêu tiếng khóc tiếng cười
Mà vàng ngọc thế gian không sánh nổi

Ta chẳng bao giờ tiếc nuôi
Những giọt nước mắt đổ ra
Vì một ý đẹp, một cành hoa
Hay vì một nỗi đau bên đường đụng phải

Có những hoàng hôn toan xóa mờ chân sỏi
Giữa nơi đây ta chong sáng ngọn đèn
Giữ mãi hồn thương, sắc mơ còn đỏ mãi
Dẫu mơ kia chưa trọn nở trước thềm

*Có hạnh phúc nào như hạnh phúc niềm tin
Vẫn như thừa nào tóc để loi chiếc lược
Cho mắt anh lại được gặp mắt em
Cho hai tia lửa nhỏ hồng thêm.*

*Khi gà, mai mỗi ngày còn đập cánh
Ai tắt được lửa bình minh?
Khi tim anh còn chan chứa ân tình
Lẽ nào em tin rằng: Anh chết?*

Hà Nội - Nha Trang - Phan Thiết
Lưu Trọng Lư (1981)

Bài thơ cuối cùng

*Trời đã chiều
Buồn tà, vơ vẩn tà
Ta đi tìm ai?*

*Bây giờ
Ai tìm ta nổi?
Trăm khóa không giữ nổi ta
Ta như con chim giữa trời*

*Vô ích! Vô ích! Vô ích!
Không ai giữ nổi ta hết*

*Ta đi tìm người ta yêu
Cứu nhân của đời ta
Muôn lần...
Chỉ có người, người ta yêu*

*Ai bắt ta nổi?
Vô ích! Vô ích! Vô ích
Ta đi tìm người ta yêu.*

Lệnh truyền – Xuân Diệu và Thoát hình – Vũ Hoàng Chương

Năm nay, tiết Tiểu hàn bắt đầu từ ngày 06 tháng giêng năm 2007. Tiểu hàn tức là cái lạnh nhỏ và tiết Đại hàn bắt đầu từ ngày 20 tháng giêng năm 2007. Ngày Lập xuân bắt đầu là ngày 17 tháng chạp (tức là ngày 04 tháng hai dương lịch), hôm nay đã là ngày 30 tháng chạp và chúng ta đang ở vào trong tiết Lập xuân. Lập xuân có nghĩa là bắt đầu của mùa xuân. Mùa đông còn đó nhưng đã bắt đầu rút lui, mùa xuân chưa tới, chưa biểu hiện một cách rõ ràng nhưng mùa xuân đã bắt đầu tiến tới.

Khi chúng ta đọc bài thơ Lệnh Truyền của Xuân Diệu ở trong tác phẩm Xuân Diệu trường ca, ta thấy lệnh này ban bố vào tiết Lập xuân. Ban đầu có chúa Xuân ra lệnh cho mùa đông từ từ rút lui để mùa xuân bắt đầu lớn dậy. Trong Xuân Diệu Trường Ca có một bài thơ bằng văn xuôi tên là Lệnh Truyền và lệnh truyền cho ai? Lệnh truyền cho tứ đại là đất, nước, lửa và gió để bốn vị tướng tài đó bắt đầu hành động đem mùa xuân trở về. Xuân Diệu Trường Ca được sáng tác năm Xuân Diệu 28 tuổi. Chúng ta đang đón xuân nên chúng ta đọc bài Lệnh Truyền của Xuân Diệu.

Trước khi các thầy, các sư cô đọc bài thơ bằng văn xuôi Lệnh Truyền của Xuân Diệu, tôi muốn nói tới một bài kệ của vua Trần Thái Tông. Vua Trần Thái Tông có sáng tác ra 43 công án thiền. Vua đã viết niêm và tụng cho những công án đó. Công án tức là những đề tài của sự thiền tập mà Trần Thái Tông đã thừa hưởng được từ Tông phái Lâm Tế. Người đem giáo lý phái Lâm Tế cho vua là quốc sư Đại Đăng. Trần Thái Tông đã biết tu học từ năm 20 tuổi, đã sáng tác những tác phẩm Phật học nổi tiếng, trong đó có sách Khóa Hư. Trong sách Khóa Hư chúng ta thấy 43 công án mà vua Trần Thái Tông đã sáng tác và đã sử dụng như những đề tài thiền quán.

Cách đây ba mươi năm, tôi đã có cơ hội phiên dịch 43 công án này từ chữ Hán ra tiếng Việt, nhưng chưa bao giờ có dịp đem ra in hết. Có thể mai một mình đưa lên trang nhà của Làng Mai. Đây là công án thứ mười sáu có liên hệ tới Lệnh của mùa xuân.

Tổ sư Lâm Tế của chúng ta có phương pháp gọi là hét. Mỗi khi thấy một vị du tăng lấp ló ngoài cửa muốn xin vào, thì chuyện đầu tiên ngài làm là hét. Tiếng hét của thiền sư Lâm Tế giống như tiếng gầm của sư tử lớn, giúp cho vị thiền giả chấm dứt được những suy tư, giúp cho vị thiền giả có cơ hội mở ra một mùa xuân của trí tuệ, của giác ngộ.

Người ấy đang sống trong một mùa đông lạnh giá kéo dài của u mê, của cố chấp, của hận thù, của thành kiến và của tập khí. Người ấy nghĩ rằng mình có đường hướng, có phương pháp, mình đang đi trên con đường chánh đạo, nhưng tiếng hét của thiền sư Lâm Tế có nghĩa rằng anh đang đi trong một mùa đông giá lạnh kéo dài, anh phải để cho mùa đông chấm dứt, để mùa xuân của đạo lý, của giác ngộ, của chuyển hóa đi tới. Tiếng hét đó ra lệnh cho mùa đông rút lui và ra lệnh cho mùa xuân bắt đầu. Vua Trần Thái Tông đã diễn bày tiếng hét của thiền sư Lâm Tế là Tiếng Lệnh. Tiếng Lệnh ra lệnh cho mùa đông phải chấm dứt từ từ và ra lệnh cho mùa xuân phải bắt đầu chớm dậy. Đây là nguyên văn của bài kệ:

*Nhập môn tiện hát dục hà hành
Dẫn dắt nhi tôn túy lúy tinh
Bất thị xuân lôi thanh nhất chấn
Tranh giao hàm giáp tận khai manh*

Thiền sư Lâm Tế khi bắt đầu ra giảng dạy đã sử dụng cây gậy và tiếng hét. Hễ khi có một vị du tăng đi vào cửa thì lập tức hét lớn.

*Vừa tới cửa ngoài nghe tiếng hét
Tỉnh giấc hôn trầm lũ cháu con
Một tiếng sấm xuân vừa chấn động
Khấp nơi cây cối nảy mầm non*

Đó là cách vua Trần Thái Tông diễn tả tiếng hét của thiền sư Lâm Tế. Đó là tiếng sấm xuân, ra lệnh cho tất cả cây cối phải bắt đầu chuẩn bị để đâm chồi, nảy lộc. Hôm nay mình đọc bài Lệnh Truyền trong Trường Ca Xuân Diệu là để thấy Lệnh đó được ban ra như thế nào và ban ra cho ai?

Xin mời quý vị nghe Xuân Diệu Trường Ca, bài thơ Lệnh Truyền viết bằng văn xuôi do Xuân Diệu sáng tác, lúc thi sĩ mới 28 tuổi.

Lệnh truyền

(Xuân Diệu)

*Lệnh đã truyền ra,
đất vâng trước nhất.
Suốt một đêm trường
đất không sao ngủ được.
Cả mình sấm chuyển
cái ngực của đất phồng lên không muốn ngủ.
Mà ngủ làm chi
Đất của mình vì xôn xang trong da thịt
Lệnh đã truyền.
ngày mai đây
tháng sau đây
biết có xong công trình hay chẳng?
Thật tấm lòng của đất dạt dào
tính toán ngay từ phút đông vừa bớt lạnh
Đất mẹ đã nghe muôn con đòi nở
muốn vượt chồi lên trên đất, thở ánh sáng trời
Hàng triệu mầm hé ra khép vào
đâu hướng lên, chân mạch căng thẳng
ngửa cả mình đất
Vi trùng sáng tạo lên men dưới da
từ đáy sâu đưa lên bao sức lực để đỡ nâng
Đất mẹ sung sướng
đất mẹ lo âu
đất mẹ nằm sinh và làm việc
mẹ bao la chạy chia nghìn ngả
này núi này rừng này đồng này ruộng
lại còn linh tinh muôn vạn núi đôi nữa
làm sao đủ sữa căng lên*

Lệnh đã truyền
đất lãnh lấy công đầu.
đất nghìn năm đất triệu năm
đậm đà chắc chắn
càng già càng dai
Máu cũ biến mới
sục sục quang tuyến
mạch chạy đâm đũa
máu đen kế máu đỏ,
nhựa nâu đến ngả ba cùng với nhựa xanh.
Những con đường xéo lẫn nhau
chở chất chua chất ngọt chất mát chất nồng
theo rễ muôn cây lên cho mặt trời hòa hợp
Trên mặt đất vẫn chưa lộ gì cả
nhưng dưới nhà hầm biết bao là vôi vàng
Thì giờ trễ rồi
thời gian tính từng phút một
ngón tay nghiêm nghị không bao giờ đếm nhầm
cho nên đất mẹ làm việc không nghỉ
Không lẽ năm nay lại trễ hơn mọi năm?
Ánh sáng vâng lệnh thứ hai
có cô em sức nóng đi kèm
nàng tiên quyền cao phép cả chẳng ai dám đương
khi hứng thú nồng nàn ánh sáng lẫn áp cả không gian
ôm chầm vũ trụ, đè bẹp bóng tối dưới triệu móng chân
mi của ánh sáng thật dài, tia của ánh sáng thật đượm
ánh sáng bắn tin truyền hịch đưa lệnh khắp hang cùng núi hẻm
bảo rằng sắp sửa tin vui
Ánh sáng nhún nhảy tươi cười không chút lo lắng
tài lực của nàng nhiệm màu nhanh chóng
nàng có thể giấu mình suốt tháng vờ như không hay gì cả
nhưng mảnh khóe tinh anh sao
nàng làm việc ngấm ngấm
chỉ một ngày một sáng mai nàng đến
là cả bầu không đã treo ngọc giăng tơ

cả mặt đất đã trải vóc gấm thêu thừa trong gió lững lờ qua cây.

*Ánh sáng đứng một chỗ
mà ở khắp nơi con mắt điện quang thấu suốt muôn trùng
trông nom từng nụ mầm non từng vọt sâu bọ
nàng ôm những thân cây giá lạnh,
sưởi những luống đất ẩm hiu
Nàng lách vào những kẽ lá
cho màu xanh non biến thành màu lục đậm
cho nên những cội rừng già yếu
nàng cũng gõ mãi ngoài vỏ
đến nỗi một ngày kia bật ra mầm xanh
và ánh sáng ngồi kéo muôn triệu chỉ vàng
tiếp theo muôn triệu chỉ vàng cuộn tròn vào bánh xe hay mắc ngang
khung cửi,
giấu điểm khắp nơi để đến lúc cần dùng sợi ngày vàng sẽ lộ ra chỉ chít.*

*Nước nhận lấy phần
nước đi theo ánh sáng
làm thành cặp uyên ương kỳ dị
rẽ nhau một lần là đông khô cỏ cháy
Nước mát êm cho nắng tựa vào
nước cũng chảy chia nghìn ngã
chạy vào làm máu cho đất
chạy ra làm lời cho suối
độn thổ dâng vân.
Ánh sáng loảng xoảng trong mình
âm điệu róc rách giữa lòng
nước lấy ôn nhu vỗ về nuôi nắng cho muôn vật phát sinh
mà cái liếc mắt đưa dài nghìn lý
Nàng chen vào búp hoa này lẫn vào nhánh cây kia
trái uổng nàng vào bụng,
mây giữ nàng trong mình
nụ hút nàng vào tim
cây kiếm nàng làm nhựa
ôi nước ngọt ngào mát mẻ thành thời*

Không ai tranh
nên về phần gió.
phải xem dáng điệu nàng thu gọn
mới biết nàng khéo dấu sức phá hoại của mình
chỉ còn là một làn phớt qua
áo nàng tha thiết phiêu phiêu
hồn nàng phất trần
Nàng lên tinh tú gió bay gió lượn
gió phất phơ như hơi thở ân tình
gió đưa duyên bướm
gió làm môi lá cho hoa
gió múa điệu lẳng lơ
nói lời cợt ghẹo
vạn vật nghe gió mà rợn tình.
Gió phẩy móng tay búng muôn đầu lá
gió rào rào rúng động ngàn cây
âm nhạc theo nàng mà vào không gian
nàng là những sợi dây sắt cầm lượn bay
Không khí tự xoay vang tiếng tơ đồng
miễn xa lại gần gió mới tỏ tình
hương đà theo hút
gió có cần vội vã đâu
chỉ thoáng lên xe đi thúc giục các chồi các nụ
đến hôm ấy gió chỉ việc dịu dàng bay chơi
là cuốn theo muôn lòng đắm say.

Lệnh được vâng
tất cả đều làm việc
tất cả giao hòa giúp sức lẫn nhau.
tất cả cũng đều một niềm yêu thương quảng đại
tất cả cùng đồng một ý trau chuốt điểm trang.
Ngày ấy Lệnh đột tiếng pháo đầu
muôn tiên đã núp sau màn
chim chóc cũng lên đây cổ họng
mặt trời xé màn sương mỏng

*xé màn mơ mộng còn ủ ấp non sông
nhạc vang reo hương nồng tỏa.*

*Công chúa Xuân nương hiện hình
sương đeo một triệu hoa tai cho nàng
nàng cười một nghìn điệu hoa
nàng mặc chín triệu lá non
má nàng điểm đôi chút sương hồng
tóc nàng gió xuân lỏa tỏa
muôn lời của vũ trụ
đồng tâm tặc khen nàng công chúa con chung.*

*Xuân nương! Xuân nương! hội mừng nàng
hội của nàng sẽ lâu chín mươi ngày
góp thêm chín mươi đêm vui suốt sáng
Nàng ra đời nàng lại về
nàng không mới tái sinh
trời ơi Xuân Nương cười
trông thấy công chúa phụ hoàng đôi mắt sáng ngời
đáp lại bằng nụ cười thái dương
âm nhạc khởi lên chín mươi ngày đêm
bắt đầu bằng một buổi sớm.*

Xuân Diệu sinh năm 1917 và Xuân Diệu Trường Ca được xuất bản năm 1945, năm thi sĩ 28 tuổi.

* * *

Vũ Hoàng Chương sinh trước Xuân Diệu một năm, vào năm 1916. Năm 24 tuổi thì xuất bản thơ Say, năm 38 tuổi làm bài ca Siêu Thoát và trước đó hai năm, tức năm 1952 làm được bài Thoát Hình, mà chúng ta sẽ được nghe bình thơ. Bài Thoát Hình cũng nói về mùa xuân nhưng mà đi sâu hơn Xuân Diệu, bài Thoát Hình cho ta thấy được nghiệp sinh diệt và sự liên hệ giữa nhân và quả.

*Rào rạt trong cây nhựa trắng ngần
Đã nghe đồn cả tới đài xuân
Đã nghe rào rạt từng cơn gió*

Về mách tin hương với cõi trần
Vườn đây rìeng đầy cùng xao xuyến
Này phút hồn hoa sắp hiện thân
Nụ đã trên cành đau đón cựa
Giờ thiêng hấp hối đã nghe gần.

Trong bài Thoát Hình, Vũ Hoàng Chương nói tới sự xuất hiện, sự biểu hiện, giờ phút sinh ra của một bông hoa. Phát hiện sự sinh nở của bông hoa kèm theo những khổ đau, những lo lắng, những cái chết, những gì đưa tới cho bông hoa ấy. Trong những câu đầu mình cũng thấy là lệnh đã đưa ra và nhựa trong cây bắt đầu dồn tới để đem lại mùa xuân, làm cho đóa hoa mùa xuân nở.

Rào rạt trong cây nhựa trắng ngần

Nhựa trong cây bắt đầu rào rạt, bắt đầu chảy mạnh vì lệnh đã ban truyền.

*Rào rạt trong cây nhựa trắng ngần
Đã nghe đồn cả tới đài xuân*

Có thì giờ, có hai lỗ tai, có chánh niệm, mình có thể nghe được sức sống lưu chuyển trong vũ trụ, trong lòng đất, trong thân cây để đưa tới một mùa xuân, tới sự thoát hình của một bông hoa, sự có mặt của một bông hoa.

*Rào rạt trong cây nhựa trắng ngần
Đã nghe đồn cả tới đài xuân
Đã nghe rào rạt từng cơn gió
Về mách tin hương với cõi trần*

Ở đây mình cũng thấy lại hình ảnh của tứ đại: đất, nước, gió, lửa.

*Đã nghe rào rạt từng cơn gió
Về mách tin hương với cõi trần*

Có nghĩa là lệnh truyền ra, mình tiếp nhận được lệnh, mình truyền lại cho tất cả mọi người. Cũng như khi vị trụ trì nhận được lệnh phải có một khóa tu tháng sáu, vị trụ trì mới truyền lệnh lại cho tất cả đại

chúng, để chuẩn bị cho khóa tu tháng sáu thành công, khóa tu tháng sáu là một đóa hoa. Muốn có khóa tu tháng sáu, nhựa phải lưu chuyển trong hình hài của tăng thân lâu ngày, mình mới có được khóa tu tháng sáu. Tin hương là một tin rất thơm, tin nói rằng sẽ có một bông hoa nở, bông hoa đó là mùa xuân.

Bây giờ chúng ta đọc báo chỉ nghe những tin không thơm lắm, mỗi ngày bao nhiêu người chết, bao nhiêu trái bom nổ. Những tin đó không phải là tin thơm. Nhưng tin mùa xuân đang về là một tin thơm vì mùa xuân về nó đưa lại cho chúng ta biết bao nhiêu là nụ hoa kỳ diệu.

*Vườn đây rừng đấy cùng xao xuyến
Này phút hồn hoa sắp hiện thân
Nụ đã trên cành đau đón cựa
Giờ thiêng hấp hối đã nghe gần.*

Giây phút của sự sinh nở không phải là một giây phút tầm thường, nó bao gồm cả sự đau đón. Khi sắp sinh mình, mẹ đau đón lắm và khi trái đất sắp hạ sinh mùa xuân, trái đất cũng đau đón lắm. Có một cái gì giống như cái chết xảy ra trong khi chuẩn bị cho cái sống thành hình. Vũ Hoàng Chương hồi đó chưa nghiên cứu Phật giáo sâu sắc, nhưng đã có một linh tính, một tuệ giác. Vũ Hoàng Chương thấy được cái sống dựa vào cái chết, nếu không có cái chết thì không có cái sống.

Khi một hạt cây nứt ra để cho mầm cây trở thành ra một cây con thì đó là cái chết của hạt cây. Ở trong Thánh kinh có nói là nếu hạt không chết thì làm sao mầm sinh ra được? Và Vũ Hoàng Chương thấy được điều đó. Vì vậy khi sinh mình, mẹ cũng có chết ở trong lòng một ít; khi trái đất sinh ra mùa xuân, trái đất cũng chết trong mình một ít; khi thầy sinh ra mình, thầy cũng chết trong lòng một ít. Cái chết đó không phải là cái chết, mà là tất cả sức sống của người mẹ trao truyền cho thai nhi, cho đứa con.

Đất mẹ truyền tất cả sức sống cho mùa xuân và khi thầy sinh ra mình, thầy cũng truyền sức sống của thầy vào trong mình. Đó cũng là một

hình thái chết, nhưng cái chết này không phải là một cái chết đau buồn, mà là một cái chết rất đẹp. Chúng ta phải học chết như vậy để sự sống càng ngày càng đẹp hơn.

Vườn đây rừng đấy cùng xao xuyên

Cả rừng, cả vườn nhận được lệnh đều xao xuyên hết vì máu chảy trong huyết quản, nhựa chảy trong lòng cây.

Vườn đây, rừng đấy cùng xao xuyên

Là tại vì sao?

Này phút hồn hoa sắp hiện thân

Đã tới giây phút mà bông hoa của mùa xuân nở.

Nụ đã trên cành đau đón cựa

Giờ thiêng hấp hối đã nghe gần.

Có sự đau đón của sự sinh nở. Cái chết nó đưa thành sự sống, cái sống không thể nào có được nếu không có sự chết. Cái chết này không phải là sự chết mà nó là sự tiếp nối của sự sống và sự sống này không phải là sự sống mà là sự tiếp nối của sự chết. Sống và chết là tương tức với nhau, không thể nào lấy ra khỏi nhau được.

Vườn đây rừng đấy cùng xao xuyên

Này phút hồn hoa sắp hiện thân

Nụ đã trên cành đau đón cựa

Giờ thiêng hấp hối đã nghe gần.

Muôn vạn tế bào đang hủy thể

Hủy thể tức là đang chết và chết như vậy để làm cho sự sống có thể xảy ra được. Trong hình hài của mình cũng vậy, mỗi giây phút có hàng ngàn tế bào hủy thể và nếu những tế bào trong mình không hủy thể thì không thể nào sinh ra những tế bào mới. Khi nhìn vào lớp da ngoài của hình hài, mình biết rằng lớp da ngoài gồm có những tế bào khô, những tế bào chết và mỗi khi mình gãi có hàng ngàn tế bào chết rơi xuống và nếu những tế bào đó không chết thì làm sao có những tế

bào mới sinh ra? Cái chết và cái sống tương tức. Nhìn thấy cái chết dưới ánh sáng của tương tức thì mình không còn đau buồn nữa.

*Muôn vạn tế bào đang hủy thể
Vâng theo ý lớn nhịp xoay vần*

Ý lớn ở đây tức là nguyên lý của vũ trụ: có sinh thì có diệt, cái diệt làm bằng cái sinh, cái sinh làm bằng cái diệt. Ý lớn là ý trời, ý trời ở đây tức là ý của thiên nhiên, ý của sự sống và phá hủy là để thành tựu chứ không phải phá hủy, chỉ để phá hủy. Chính vì phải thành tựu cho nên phải có sự hủy thể.

Phá cho thành đấy, sinh là diệt.

Mình thấy rằng nhà thi sĩ ba mươi sáu tuổi đã thấy được tính tương tức của sinh và diệt.

Mười một năm sau, Vũ Hoàng Chương làm bài *Lửa Tì Bi*, nhưng *Lửa Tì Bi* là một đóa hoa sinh trên cái xác của bài Thoát Hình. Bài Thoát Hình là một bước và *Lửa Tì Bi* là một bước khác nữa. Nếu không có bài Thoát Hình thì sẽ không có bài *Lửa Tì Bi*. Càng ngày Vũ Hoàng Chương càng trở nên một thi sĩ có tuệ giác Phật giáo.

Muôn vạn tế bào đang hủy thể

Không phải là một cái gì đau buồn, đây là chuẩn bị cho sự sinh nở, cho sự sống.

*Muôn vạn tế bào đang hủy thể.
Vâng theo ý lớn nhịp xoay vần.*

Ý lớn nhịp xoay vần, đó là sự vận hành của vũ trụ

*Phá cho thành đấy sinh là diệt
Đời quả lên từ mỗi xác nhân*

Cái nhân nó sung sức, nhưng khi sinh ra quả tự nó trở thành một cái xác, gọi là xác nhân. Khi hạt giống nứt mầm để cho ra một cây mới thì hạt giống đó chết. Chết nhưng không phải là chết, nó chỉ thoát hình.

*Muôn vạn tế bào đang hủy thể
Vâng theo ý lớn nhịp xoay vần
Phá cho thành đấy sinh là diệt
Đòi quả lên từ mỗi xác nhân*

Cái xác này thật ra không phải là một cái xác, nó chẳng qua chỉ là một cái da mà mình lột ra, như con rắn lột da. Khi hạt cây biến thành mầm non, thật sự không là cái chết. Mình gọi là xác nhân, nhưng kỳ thực nó là mầm quả, cái xác nhân trở thành cái mầm quả.

*Kìa mảnh da ngà đang nứt rạn
Cho tròn một kiếp chẳng phân vân*

Mảnh da này là một mảnh da của thân cây, phải nứt ra một cái thì mới có thể nảy ra một cái mầm được. Lệnh đã truyền thì thế nào nhựa cây cũng phải lưu chuyển cho mạnh và sự hoạt động đó, sức mạnh đó, năng lượng đó sẽ làm cho vỏ cây nứt ra. Và hễ có sự nứt ra là có sự đau đớn.

*Kìa mảnh da ngà đang nứt rạn
Cho tròn một kiếp chẳng phân vân
Lòng cây mấy thuở ai người biết
Từng khóc, từng reo đã mấy lần?*

Người nào đã từng làm cha mẹ, từng làm thầy, từng làm sư chi, sư anh mới thấy điều đó. Đây là lòng của người mẹ, lòng của đất mẹ đã khóc, đã cười, đã reo vì đứa con mà mình đang thai nghén, đứa con mà mình sắp cho ra đời. Bốn câu này nói về lòng cây, lòng cây đây tức là lòng mẹ, lòng đất đang chuẩn bị để đưa ra một mùa xuân.

*Kìa mảnh da ngà đang nứt rạn.
Cho tròn một kiếp chẳng phân vân
Lòng cây mấy thuở ai người biết*

Có ai biết cho không, có ai biết cho niềm đau, những tiếng khóc và tiếng reo trong lòng của bà mẹ, trong lòng của người cha, trong lòng của trái đất?

*Lòng cây mấy thuở ai người biết
Từng khóc, từng reo đã mấy lần*

Càng ngày sự giục giã càng lớn và nhựa càng lưu chuyển mạnh.

*Nhựa ứ càng cao niêm giục giã
Đất trời mong mỗi nức hương lân.*

Cả trời, cả đất đang chờ đợi giây phút màu nhiệm, đó là bông hoa hé nở, tỏa hương thơm ngát của đất trời, tức là mùa xuân.

Đất trời mong mỗi nức hương lân

Nức tức là thơm ngát, hương lân tức là mùi thơm trong cả một vùng.

*Cánh hoa sắp hé phô kiều diễm
Nụ thoát hình trong phút nhập thần*

Giây phút sinh nở là giây phút rất trọng đại, cần phải có sự tập trung rất lớn.

*Cánh hoa sắp hé phô kiều diễm
Nụ thoát hình trong phút nhập thần
Ôi đã then sương cài lỏng lẻo
Buồng thơm rạo rức ý thanh tân.*

Then ở đây tức là cái then cửa và bây giờ nó lỏng lẻo ra rồi và có thể mở cửa cho mùa xuân thoát hình, một cách rất dễ dàng. Có một sự trông chờ, có một sự chờ đợi. Tất cả đều đã chuẩn bị, bây giờ mình chỉ cần đưa ngón tay rút cái then cửa, mở cửa ra là mùa xuân tới.

*Có ai tha thiết ngoài mây nước
Chờ lối đào nguyên tị mở dân*

Ngày xưa có Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi thơ thẩn ở Đào nguyên và tự nhiên cánh cửa Đào nguyên mở ra, có những nàng tiên xuất hiện và hai anh chàng được đi vào cõi Tiên. Bây giờ mình đang chờ như vậy, đất trời đã sẵn sàng và chúng ta đang tha thiết ở ngoài mây nước, để cửa động Đào Nguyên bắt đầu mở ra cho chúng ta đi vào mùa xuân.

Hồi đó chiến tranh đã bắt đầu khốc liệt ở miền Bắc và cái chết đã xảy ra. Có bạo động, có hận thù, có chiến tranh, có hư hỏng, có tuyệt vọng, nhưng thi sĩ đã tìm cách giữ cho lòng mình an tĩnh. Trong một hoàn cảnh biến động, khổ đau phát hiện đầy dẫy, tham đắm, giận hờn, hận thù tràn lan, nếu mình không có tu tập, nếu mình không biết giữ lấy thân mình, mình cũng sẽ bị cuốn theo dòng xoáy đó. Cho nên, nhà thơ cũng thấy được như người tu, là phải làm thế nào để trong đêm ba mươi mình tiếp xúc được với tấm lòng trong trắng nguyên vẹn của mình.

Hồi đó Vũ Hoàng Chương chưa biết danh từ Bồ đề tâm, chỉ cho trái tim trong sáng, cho Phật tánh của mình và thi sĩ đã dùng danh từ trang lòng. Trang lòng này là trang lòng còn nguyên vẹn, chưa bị hoen ố bởi hận thù, bởi tuyệt vọng, bởi sự tranh chấp. Nếu mình sống sót được là nhờ mình còn giữ được sự nguyên vẹn đó trong trái tim. Đêm ba mươi ngồi im lại để tìm cách tiếp xúc được với cái tâm trong trắng đó của mình, để đừng đánh mất mình trong tuyệt vọng, trong hận thù.

Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi

Tin rằng mình vẫn có một trang lòng nguyên vẹn. Cũng như người tu chúng ta tin rằng chúng ta có Phật tánh, chúng ta có Bồ đề tâm, chúng ta luôn luôn có thể trở về nương tựa nơi Phật tánh đó, nơi Bồ đề tâm đó để chúng ta đừng bị cuốn đi theo những tuyệt vọng, những khổ đau của xã hội ngày hôm nay.

Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi

Chưa từng hoen ố vết trầm luân

Đó là niềm tin mà mình cần phải có, dù thế giới có tan tành thì nụ cười, bông hoa cũng không bao giờ tan biến. Mình phải tin vào Phật tánh nơi mình, vào thiên lương nơi mình, vào tâm bồ đề nơi mình. Đó là chỗ mình trú ẩn, là cái pháo đài để mình không đánh mất mình. Thi sĩ đã nói lên được điều đó, không bằng ngôn từ Phật giáo, mà bằng ngôn từ của riêng ông ta.

*Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi
Chưa từng hoen ố vết trầm luân*

Đây là một lời cầu nguyện để kết thúc bài thơ.

Đêm nay xuống một bài thơ trắng

Một bài thơ trinh nguyên như là một người cầu cơ, như là một người ngồi thiền, mở trái tim ra để cho Phật tánh bùng nổ. Cũng như người cầu cơ để cho đức Thế Tôn, để cho Thượng đế, để cho tinh hoa của vũ trụ giáng xuống dưới hình thức một bài thơ mới, một bài thơ có khả năng làm mới lại cuộc đời mình.

*Đêm nay xuống một bài thơ trắng
Cầu nguyện cho đời nở ái ân*

Hai câu chót là một lời cầu nguyện. Cầu nguyện bằng cái gì? Bằng trái tim của chúng ta. Nếu trái tim của chúng ta đầy dẫy những tuyệt vọng, đau buồn và hận thù làm sao chúng ta cầu nguyện được? Chúng ta phải có một cái gì đó mới có thể tiếp xúc được với tinh hoa của vũ trụ, với Trời, với Phật. Vì vậy phải mở trang lòng nguyên vẹn ra, đây là tâm Bồ đề của mình, đây là Thiên lương của mình.

Đêm nay xuống một bài thơ trắng

Phải ngồi yên, ngồi rất yên, phải trải tấm lòng thanh tịnh của mình ra. Không thù hận, không tuyệt vọng thì may ra mới có một bài thơ trắng, một bài thơ trinh nguyên giáng xuống. Như người cầu cơ, phải rất thanh tịnh, phải rất chí thành thì niềm tin, sự giác ngộ, phương thuốc trị liệu mới có thể đi vào trong trái tim của mình. Cho nên trong thời gian chiến tranh, thi sĩ ngồi thật yên lặng, đem tâm trong sáng của mình ra để chờ đợi phút linh cầu cho cái đó giáng về.

*Đêm nay xuống một bài thơ trắng
Cầu nguyện cho đời nở ái ân*

Trong cuộc đời chỉ có hận thù, bạo động và tuyệt vọng. Cuộc đời cần có sự thương yêu, cho nên lời cầu nguyện duy nhất của thi sĩ trong đêm ba mươi, không phải là làm ăn phát tài bằng năm bằng mười

năm ngoái, đầu năm sinh con trai cuối năm sinh con gái, mà cầu nguyện cho tình thương giáng sinh trong trái tim của mình và trong trái tim của con người. Bài thơ này cũng là một bài thơ đạo.

*Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi
Chưa từng hoen ố vết trầm luân
Đêm nay xuống một bài thơ trắng
Cầu nguyện cho đời nở ái ân*

Ái đây tức là bác ái, là từ bi, là lòng thương của Phật, của Chúa. Ân đây tức là ân nghĩa, ân tình của con người đối với nhau. Chữ ái ân đây thực sự có nghĩa là tình thương, là lòng từ bi. Có gì đẹp hơn khi mình cầu nguyện cho tình thương, cho lòng từ bi giáng sinh trong trái tim của mình. Nhạc sĩ Phạm Duy cũng có đặt một bài nhạc với tựa đề Khi Tình Yêu Giáng Sinh. Làm thế nào để tình yêu giáng sinh? Phải có sự trầm tĩnh, phải có sự lắng đọng, phải đem trang lòng nguyên vẹn của mình ra, mình mới cầu cho tình yêu giáng sinh được.

*Ôi đã then sương cài lỏng lẻo
Buồng thơm rạo rực ý thanh tân
Có ai tha thiết ngoài mây nước
Chờ lối đào nguyên tự mở dần
Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi
Chưa từng hoen ố vết trầm luân
Đêm nay xuống một bài thơ trắng
Cầu nguyện cho đời nở ái ân*

Xin chúc quý thầy, quý sư cô, quý Phật tử bên nhà một năm mới nhiều hạnh phúc và nhất là có nhiều thì giờ để ngồi chơi, để có thể thấy được mặt nhau, đừng có bận rộn quá. Xin đọc lại bài Thoát Hình của Vũ Hoàng Chương trước khi chấm dứt bài bình thơ này.

Thoát hình

(Vũ Hoàng Chương)

Rào rạt trong cây nhựa trắng ngần
Đã nghe đồn cả tới đài xuân
Đã nghe rào rạt từng cơn gió
Về mách tin hương với cõi trần
Vườn đây rừng đấy cùng xao xuyến
Này phút hồn hoa sắp hiện thân
Nụ đã trên cành đau đón cựa
Giờ thiêng hấp hối đã nghe gần.
Muôn vạn tế bào đang hủy thế
Vâng theo ý lớn nhịp xoay vần
Phá cho thành đấy sinh là diệt
Đòi quá lên từ mỗi xác nhân
Kìa mảnh da ngà đang nứt rạn
Cho tròn một kiếp chẳng phân vân
Lòng cây mấy thuở ai người biết
Từng khóc từng reo đã mấy lần
Nhựa ứ càng cao niềm giục giã
Đất trời mong mỗi giọt hương lân.
Cánh hoa sắp hé phô kiều diễm
Nụ thoát hình trong phút nhập thân.
Ôi đã then sương cài lỏng lẻo
Buồng thơm rạo rực ý thanh tân
Có ai tha thiết ngoài mây nước
Chờ lối đào nguyên tự mở dân
Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi
Chưa từng hoen ố vết trầm luân
Đêm nay xuống một bài thơ trắng
Cầu nguyện cho đời nở ái ân.

16.02.2007, Làng Mai - Pháp quốc.

Xuân Diệu (1916 – 1985)



Tên thật là **Ngô Xuân Diệu**, sinh ngày 2 tháng 2 năm 1916 tại Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Cha là Ngô Xuân Thọ và mẹ là Nguyễn Thị Hiệp.

Xuân Diệu sau ra Hà Nội học, 1938 - 1940 ông và Huy Cận ở gác 40 Hàng Than. Ông tốt nghiệp kỹ sư canh nông năm 1943. Ông mất ngày 18 tháng 12 năm 1985.

Xuân Diệu viết nhiều, có khoảng 450 bài thơ. Một số lớn chưa được xuất bản. Tác phẩm tiêu biểu: các tập thơ *Thơ thơ* (1938), *Gửi hương cho gió* (1945), *Ngọn quốc kỳ* (1945), *Một khối hồng* (1964), *Thanh ca* (1982), *Tuyển tập Xuân Diệu* (1983); truyện ngắn *Phấn thông vàng* (1939); và nhiều bút ký, tiểu luận, phê bình văn học.

Xuân Diệu là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới. Ông mang ngọn gió rạo rực, thiết tha, nồng cháy, khao khát yêu thương đến cho thi ca. Thơ Xuân Diệu ca ngợi tình yêu bằng muôn sắc điệu, âm thanh và hương vị trong *Thơ thơ*, pha lẫn chút vị đắng cay trong *Gửi hương cho gió*. Nhiều câu nhiều bài chịu ảnh hưởng từ thi ca lãng mạn Pháp.

Vũ Hoàng Chương (1916 – 1976)



Sinh ngày 5 tháng 5 năm 1916, sinh quán tại thành phố Nam Định, chính quán tại xã Phù Ủng, tỉnh Hưng Yên. Đã được dạy Kinh thư bằng chữ Nho và Quốc Sử Diễn ca bằng chữ Nôm trước khi đến trường học Quốc ngữ và sinh ngữ Tây phương khác.

Năm 1939, Vũ Hoàng Chương thôi học, ra làm phó kiểm soát Hỏa xa Đông dương.

Hoạt động Văn chương từ năm 1940, in thơ viết kịch v.v....

Năm 1940, Vũ Hoàng Chương cho ra thi phẩm đầu tay là tập *Thơ Say* do nhà in Cộng Lực ấn hành.

Năm 1941, thôi làm sở Hỏa xa và tiếp tục học theo ban Đại học Khoa học.

Năm 1942, lại nghỉ học, Vũ Hoàng Chương xuống Hải Phòng dạy học. Và trong thời gian này thành lập ban kịch Hà Nội cùng với Nguyễn Bính và Chu Ngọc.

Vân Muội là vở kịch đầu tiên của Vũ Hoàng Chương được trình diễn tại Nhà Hát Lớn Hà Nội đêm 12.12.1942.

Đến năm 1943, cho in thi phẩm thứ hai, tên là Thơ Mây.

Năm 1944, xuất bản kịch thơ Trương Chi, gồm 3 kịch thơ ngắn là Trương Chi, Vân Muội, Hồng Diệp.

Năm 1945, giai đoạn chiến tranh chống Pháp, Vũ Hoàng Chương tản cư về dạy học ở Thái Bình. Mặc dù chiến tranh đang hồi ác liệt nhưng nhà thơ vẫn sáng tác và cho ra đời tập Thơ Lửa cùng viết với nhà thơ đồng quê Đoàn Văn Cừ xuất bản năm 1947.

Năm 1950, chiến tranh tạm lắng dịu, ông hồi cư về Nam Định dạy học và tiếp tục sáng tác thơ như vở kịch thơ Tâm sự kẻ sang Tần (1951), Thăng Cuội (1952).

Tác phẩm đầu tiên của nhà thơ họ Vũ tại miền Nam là Rừng Phong được chào đời vào năm 1954, Hoa Đăng (1959).

Năm 1961, ngoài việc sáng tác, ông còn cộng tác với nhiều tạp chí văn học ở thủ đô như Phổ thông, Bút hoa, Nguyệt san Đại từ bi, v.v...

Tập *Lửa Từ Bi* do Thanh Tăng xuất bản năm 1963. Ánh Trăng Đạo Lý (1966) do Sài Gòn Tuyên úy Phật giáo xuất bản. Bút Nở Hoa Đàm (thơ, Vạn Hạnh xuất bản năm 1967).

Năm 1974, Tết Giáp Dần, thi nhân có bài Thúy Vũ Đoản Từ.

Thơ Xuân cuối cùng của Vũ Hoàng Chương là bài Vịnh Tranh Gà Lộn (Tết Bính Thìn 1976). Sau đó nhà thơ bị bắt, giam ở ngục Chí Hòa, bị bệnh nặng đưa về nhà mấy hôm thì mất, đó là ngày 6.9.1976 nhằm ngày 13 tháng 8 năm Bính Thìn, lúc 23 giờ.